PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Sơn La và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH SƠN LA

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Sơn La
2	Huyện Bắc Yên
3	Huyện Mai Sơn
4	Huyện Mộc Châu
5	Huyện Mường La
6	Huyện Phù Yên
7	Huyện Quỳnh Nhai
8	Huyện Sông Mã
9	Huyện Sốp Cộp
10	Huyện Thuận Châu
11	Huyện Vân Hồ
12	Huyện Yên Châu

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 3	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 49"	103° 54' 52"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 07"	103° 54' 48"					F-48-64-B
bản Bó	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 34"	103° 53' 42"					F-48-64-B
bản Bó Cón	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 43"	103° 55' 16"					F-48-64-B
bản Bó Phứa	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 23"	103° 55' 58"					F-48-64-B
núi Bôm Huốt	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 08"	103° 55' 56"					F-48-64-B
bản Cá	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 38"	103° 54' 23"					F-48-64-B
bản Cọ	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 42"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Hài	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 29"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Hìn	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 19"	103° 53' 15"					F-48-64-B
bản Lả Sẳng	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 26"	103° 52' 33"					F-48-64-B
suối Nậm La	TV	P. Chiềng An	TP. Sơn La			21° 20' 35"	103° 54' 37"	21° 21' 53"	103° 54' 33"	F-48-64-B
hang Tát Tòng	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 20"	103° 54' 03"					F-48-64-B
núi Thẳm Cọng	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 53"	103° 54' 15"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La			21° 20' 58"	103° 51' 53"	21° 20' 06"	103° 52' 30"	F-48-64-B
cụm Bôm Huốt	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 51"	103° 51' 00"					F-48-64-B
cụm Bóng Phiêng	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 33"	103° 52' 19"					F-48-64-B
pu Cút	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 14"	103° 50' 09"					F-48-64-B
núi Đán Hùn	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 39"	103° 52' 04"					F-48-64-B
bản Dầu	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 49' 19"					F-48-64-B
bản Hôm	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 39"	103° 51' 35"					F-48-64-B
bản Hụa	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 44"	103° 50' 33"					F-48-64-B
bản Hùn	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 04"	103° 52' 06"					F-48-64-B
núi Kham Pỏm	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 56"	103° 51' 32"					F-48-64-B
bản Muông	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 15"	103° 50' 48"					F-48-64-B
bản Ngoại	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 05"	103° 50' 41"					F-48-64-B
suối Ót Giầu	TV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La			21° 17' 59"	103° 48' 59"	21° 18' 19"	103° 51' 17"	F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ót Luông	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 38"	103° 50' 03"					F-48-64-B
bản Ót Nọi	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 08"	103° 50' 13"					F-48-64-B
Pá Có	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 52"	103° 51' 05"					F-48-64-B
pu Pảng	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 04"	103° 49' 59"					F-48-64-B
Phiêng Khoang	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 14"	103° 51' 36"					F-48-64-B
đèo Sơn La	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 06"	103° 52' 29"					F-48-64-B
núi Ten Pu Hịnh	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 43"	103° 48' 34"					F-48-64-B
núi Tre Yệm	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 16"	103° 52' 13"					F-48-64-B
pu Xam Xẩu	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 03"	103° 50' 26"					F-48-64-B
tiểu khu 1	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 41"	103° 54' 22"					F-48-64-B
tiểu khu 2	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 50"	103° 54' 54"					F-48-64-B
tiểu khu 3	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 39"	103° 55' 05"					F-48-64-B
tiểu khu 4	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 18"	103° 55' 30"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 09"	103° 55' 35"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 04"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 8	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 32"	103° 54' 25"					F-48-64-B
bản Buồn	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 14"	103° 55' 03"					F-48-64-B
bản Coóng Nọi	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 13"	103° 53' 53"					F-48-64-B
bản Là	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 18' 41"	103° 54' 38"					F-48-64-B
bản Mé Ban	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 15"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Nà Cọ	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 38"	103° 53' 45"					F-48-64-B
bản Pột Luông	DC	P. Chiềng Cơi	TP. Sơn La	21° 19' 01"	103° 54' 45"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 20' 29"	103° 54' 28"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 20' 39"	103° 54' 27"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 21' 02"	103° 54' 30"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 21' 21"	103° 54' 27"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 20' 15"	103° 54' 14"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 10	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 20' 07"	103° 54' 05"					F-48-64-B
bản Lầu	DC	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 20' 19"	103° 54' 30"					F-48-64-B
hồ Noong Luông	TV	P. Chiềng Lề	TP. Sơn La	21° 21' 29"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 40"	103° 56' 54"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 17"	103° 57' 44"					F-48-64-B
tổ 3	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 05"	103° 58' 16"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 02"	103° 58' 21"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 42"	103° 58' 26"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 06"	103° 58' 31"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La			21° 16' 02"	103° 58' 30"	21° 15' 25"	103° 59' 31"	F-48-64-B
bản Ban	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 49"	103° 58' 09"					F-48-64-B
núi Bé Nậm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 15' 39"	103° 58' 47"					F-48-64-B
núi Bó Bả	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 20"	103° 56' 14"					F-48-64-B
bản Cang	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 29"	103° 59' 06"					F-48-64-B
Nhà máy Xi măng Chiềng Sinh	KX	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 29"	103° 58' 30"					F-48-64-B
bản Có	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 00"	103° 57' 59"					F-48-64-B
núi Co Cả	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 43"	103° 57' 19"					F-48-64-B
bản Giỏ	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 57' 15"					F-48-64-B
bản Hay Phiêng	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 58' 03"					F-48-64-B
bản Hẹo	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 48"	103° 57' 46"					F-48-64-B
suối Hong Bông	TV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La			21° 16' 08"	103° 58' 17"	21° 15' 25"	103° 59' 42"	F-48-64-B
núi Inh Hêm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 08"	103° 56' 30"					F-48-64-B
bản Lay	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 33"	103° 58' 01"					F-48-64-B
bản Mạy	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 14"	103° 58' 53"					F-48-64-B
bản Nà Cạn	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 07"	103° 56' 36"					F-48-64-B
núi Ngu Lườm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 39"	103° 56' 04"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nong La	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 15' 38"	103° 59' 46"					F-48-64-B
bản Noong Đúc	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 55"	103° 56' 48"					F-48-64-B
bản Phung	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 27"	103° 58' 00"					F-48-64-B
núi Pom Tấu	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 36"	103° 58' 09"					F-48-64-B
núi Pu Mựt	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 28"	103° 57' 20"					F-48-64-B
bản Pùa	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 02"	103° 57' 06"					F-48-64-B
bản Sẳng	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 08"	103° 59' 20"					F-48-64-B
bản Thẳm	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 06"	103° 59' 03"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 07"	103° 56' 25"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 11"	103° 55' 50"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 33"	103° 55' 36"					F-48-64-B
tổ 9	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 52"	103° 55' 18"					F-48-64-B
tổ 10	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 19' 08"	103° 55' 13"					F-48-64-B
tổ 11	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 19' 19"	103° 55' 13"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 27"	103° 55' 14"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 28"	103° 54' 57"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 36"	103° 54' 53"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 40"	103° 55' 05"					F-48-64-B
tổ 9	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 59"	103° 55' 16"					F-48-64-B
tổ 10	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 48"	103° 55' 31"					F-48-64-B
tổ 12	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 39"	103° 55' 32"					F-48-64-B
tổ 13	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 47"	103° 55' 55"					F-48-64-B
tổ 14	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 54"	103° 55' 44"					F-48-64-B
tổ 3	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 12"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 43"	103° 54' 42"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 58"	103° 54' 38"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 08"	103° 54' 23"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 9	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 53"	103° 54' 20"					F-48-64-B
bản Hẹo	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 04"	103° 54' 40"					F-48-64-B
núi Bôm Bai	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 48"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Bôm Khụa	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 36"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Bôm Nam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 24' 26"	103° 51' 42"					F-48-64-B
núi Bôm Quang Thẩu	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 36"	103° 50' 49"					F-48-64-B
núi Chiềng Xét	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 44"	103° 48' 22"					F-48-64-B
núi Chút My	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 17"	103° 49' 32"					F-48-64-B
bản Giáng	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 35"	103° 52' 02"					F-48-64-B
núi Kéo Bóng	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 42"	103° 48' 46"					F-48-64-B
bản Lốm Tòng	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 24' 23"	103° 49' 25"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 35"	103° 51' 03"					F-48-64-B
bản Nong Bay	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 05"	103° 49' 04"					F-48-64-B
núi Pá Púa	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 43"	103° 53' 36"					F-48-64-B
bản Pảng	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 58"	103° 49' 44"					F-48-64-B
bản Phiêng Nghè	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 21"	103° 52' 41"					F-48-64-B
bản Phiêng Niệu	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 16"	103° 50' 36"					F-48-64-B
bản Phiêng Tam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 15"	103° 51' 37"					F-48-64-B
núi Pom Cá Lá	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 26' 05"	103° 52' 44"					F-48-64-B
núi Pom Mảy Min	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 51"	103° 52' 02"					F-48-64-B
núi Pú Púa	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 46"	103° 53' 46"					F-48-64-B
núi Sư Khẩu Săn Ten	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 26' 29"	103° 50' 34"					F-48-64-B
bản Tam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 03"	103° 50' 30"					F-48-64-B
núi Táp Cáy	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 51"	103° 51' 03"					F-48-64-B
bản Tò Lọ	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 28"	103° 49' 45"					F-48-64-B
phố Bai Luông	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 21' 13"	103° 58' 05"					F-48-64-B
bản Cá Láp	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 42"	103° 59' 17"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Cá Láp	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 34"	103° 59' 59"					F-48-64-B
bản Co Pục	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 38"	103° 56' 52"					F-48-64-B
bản Dửn	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 25"	103° 56' 29"					F-48-64-B
bản Híp	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 23"	103° 57' 08"					F-48-64-B
núi Hua Nguà	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 21' 28"	103° 59' 54"					F-48-64-B
núi Huổi Đụng	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 04"	104° 00' 38"					F-48-65-A
bản Kềm	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 02"	103° 59' 36"					F-48-64-B
núi Keo Ngụ Đươm	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 55"	103° 57' 48"					F-48-64-B
bản Khoang	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 54"	103° 56' 49"					F-48-64-B
núi Lán Kia	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 16' 30"	104° 00' 47"					F-48-65-A
bản Muông	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 58"	104° 00' 33"					F-48-65-A
bản Nà Lo	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 22"	104° 01' 15"					F-48-65-A
bản Nà Ngùa	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 20"	103° 58' 35"					F-48-64-B
bản Noong La	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 41"	103° 57' 32"					F-48-64-B
hồ Noong La	TV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 36"	103° 57' 39"					F-48-64-B
bản Ỏ	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 16' 44"	103° 59' 45"					F-48-64-B
bản Pát	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 20' 05"	103° 58' 12"					F-48-64-B
núi Phố Hát	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 47"	104° 00' 16"					F-48-65-A
bản Phường	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 52"	103° 58' 18"					F-48-64-B
bản Púng	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 20' 44"	103° 58' 48"					F-48-64-B
pom Tênh Hươn Noong La	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 20"	104° 00' 26"					F-48-65-A
bản Ái	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 59"	103° 55' 03"					F-48-64-B
cầu Bản Ái	KX	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 01"	103° 55' 16"					F-48-64-B
núi Bôm Xuân	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 31"	103° 53' 29"					F-48-64-B
đèo Cao Pha	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 13"	103° 56' 44"					F-48-64-B
bản Có	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 39"	103° 54' 17"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Co Căm	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 58"	103° 56' 54"					F-48-64-B
bản Dửn	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 57"	103° 53' 30"					F-48-64-B
núi Hùa Bó	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 16"	103° 53' 14"					F-48-64-B
bản Hụm	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 57"	103° 54' 55"					F-48-64-B
bản Là Mường	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 32"	103° 54' 56"					F-48-64-B
bản Mòn	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 47"	103° 54' 00"					F-48-64-B
suối Nậm La	TV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La			21° 23' 03"	103° 54' 50"	21° 23' 36"	103° 56' 05"	F-48-64-B
núi Pá Son Tậu	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 25' 24"	103° 55' 59"					F-48-64-B
bản Panh	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 48"	103° 54' 23"					F-48-64-B
bản Phiêng Hay	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 09"	103° 55' 45"					F-48-64-B
bản Phiêng Ngùa	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 13"	103° 54' 17"					F-48-64-B
pom Pu Hai	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 21' 40"	103° 55' 22"					F-48-64-B
núi Róc Két	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 12"	103° 53' 52"					F-48-64-B
bản Sẳng	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 17"	103° 56' 28"					F-48-64-B
núi Thẳm Hiểm Giữa	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 21"	103° 57' 35"					F-48-64-B
bản Thé	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 59"	103° 53' 13"					F-48-64-B
núi Tơ Tằm	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 39"	103° 56' 29"					F-48-64-B
bản Tông	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 24"	103° 55' 07"					F-48-64-B
cầu Tông Panh	KX	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 31"	103° 54' 31"					F-48-64-B
pu Xam Sẩu	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 21' 05"	103° 56' 28"					F-48-64-B
hợp tác xã 1	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 24"	103° 55' 42"					F-48-64-B
phu Bén Xưa	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 33"	103° 50' 35"					F-48-64-B
bản Bó Cằm	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 19"	103° 52' 48"					F-48-64-B
núi Bóng Hịa	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 51"	103° 55' 27"					F-48-64-B
nậm Chanh	TV	xã Hua La	TP. Sơn La			21° 15' 06"	103° 52' 11"	21° 16' 08"	103° 52' 34"	F-48-64-B
bản Co Phung	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 20"	103° 52' 04"					F-48-64-B
bản Hịa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 41"	103° 55' 04"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hợp tác xã Hoàng Văn Thụ	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 11"	103° 55' 53"					F-48-64-B
pu Khá Quai	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 15' 27"	103° 53' 55"					F-48-64-B
bản Kham	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 59"	103° 54' 17"					F-48-64-B
nậm La	TV	xã Hua La	TP. Sơn La			21° 16' 08"	103° 52' 34"	21° 18' 37"	103° 54' 27"	F-48-64-B
bản Lụa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 36"	103° 53' 24"					F-48-64-B
bản Lun	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 07"	103° 52' 49"					F-48-64-B
bản Mòng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 30"	103° 53' 54"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 43"	103° 55' 15"					F-48-64-B
bản Nẹ Nưa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 07"	103° 54' 27"					F-48-64-B
bản Nẹ Tở	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 19"	103° 53' 49"					F-48-64-B
bản Pọng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 27"	103° 54' 11"					F-48-64-B
bản Púa Nhọt	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 04"	103° 52' 20"					F-48-64-B
bản Púng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 35"	103° 53' 28"					F-48-64-B
bản San	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 15' 13"	103° 52' 55"					F-48-64-B
bản Sàng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 10"	103° 53' 59"					F-48-64-B
tiểu khu 1	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 46"	104° 25' 50"					F-48-65-D
tiểu khu 2	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 48"	104° 25' 25"					F-48-65-D
tiểu khu 3	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 58"	104° 25' 54"					F-48-65-D
tiểu khu 4	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 37"	104° 25' 50"					F-48-65-D
đồi 12 ly 7	SV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 04"	104° 25' 57"					F-48-65-D
suối Bạ	TV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên			21° 14' 22"	104° 27' 08"	21° 14' 03"	104° 26' 55"	F-48-65-D
suối Hí	TV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên			21° 13' 30"	104° 25' 46"	21° 13' 32"	104° 26' 08"	F-48-65-D
bản Mới	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 13' 57"	104° 25' 47"					F-48-65-D
bản Phiên Ban 1	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 55"	104° 26' 25"					F-48-65-D
bản Phiên Ban 3	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 26' 10"					F-48-65-D
bản Văn Ban	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 43"	104° 27' 06"					F-48-65-D
đồi Vũng Trâu Đằm	SV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 13' 53"	104° 25' 15"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Muồng	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 11"	104° 29' 08"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 07' 57"	104° 27' 22"	21° 03' 16"	104° 34' 10"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
suối En	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 04' 44"	104° 27' 30"	21° 03' 55"	104° 29' 51"	F-48-65-D
suối Hom	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 02' 53"	104° 30' 15"	21° 03' 47"	104° 29' 58"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Lái Ngài	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 04"	104° 30' 55"					F-48-65-C-c
suối Làng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 04' 59"	104° 29' 12"	21° 04' 28"	104° 30' 08"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Mõm Bò	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 56"	104° 32' 15"					F-48-65-C-c
suối Mõm Bò	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 02' 48"	104° 31' 37"	21° 03' 51"	104° 32' 30"	F-48-65-C-c
núi Muồng	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 04"	104° 27' 50"					F-48-65-D
suối Muồng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 03' 47"	104° 27' 47"	21° 04' 26"	104° 28' 16"	F-48-65-D
bản Nà Dòn	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 50"	104° 30' 33"					F-48-65-C-c
bản Nặm Lin	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 02' 15"	104° 30' 00"					F-48-65-C-c
suối Pi	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 03' 37"	104° 28' 24"	21° 03' 49"	104° 29' 30"	F-48-65-D
đồi Quế	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 43"	104° 31' 46"					F-48-65-C-c
bản Suối Ngang	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 02' 18"	104° 31' 56"					F-48-65-C-c
bản Suối Pứng	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 01' 18"	104° 31' 47"					F-48-65-C-c
suối Tăng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 05' 44"	104° 28' 42"	21° 06' 19"	104° 29' 30"	F-48-65-D
bản Tăng Mường	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 06' 16"	104° 29' 40"					F-48-65-D
suối Tào	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 05' 31"	104° 29' 44"	21° 05' 58"	104° 30' 22"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
núi Thấu Po	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 59"	104° 28' 21"					F-48-65-D
suối Bó Khú	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 55"	104° 20' 48"	21° 14' 53"	104° 20' 30"	F-48-65-B, F-48-65
suối Cải	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 50"	104° 21' 20"	21° 13' 21"	104° 19' 00"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cải A	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 21' 10"					F-48-65-D
bản Cải B	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 13' 36"	104° 18' 58"					F-48-65-D
bản Chim Hạ	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 16' 04"	104° 18' 36"					F-48-65-B
bản Chim Thượng	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 02"	104° 16' 33"					F-48-65-B
núi Cồn Hốt	SV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 16' 48"	104° 17' 33"					F-48-65-B
sông Đà	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 17' 24"	104° 13' 01"	21° 13' 08"	104° 20' 28"	F-48-65-A, F-48-65-D
suối Đắc Mặn	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 35"	104° 21' 15"	21° 14' 48"	104° 20' 58"	F-48-65-B, F-48-65-D
núi Hin Tra	SV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 18' 03"	104° 15' 55"					F-48-65-B
Lan Hào	SV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 07"	104° 18' 21"					F-48-65-B
suối Lốt	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 10"	104° 21' 05"	21° 14' 06"	104° 20' 23"	F-48-65-D
bản Nà Phán	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 03"	104° 15' 51"					F-48-65-B
San Luông	SV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 52"	104° 19' 22"					F-48-65-B F-48-65-D
bản Suối Đay	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 26"	104° 21' 56"					F-48-65-D
bản Suối Lẹ	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 15' 54"	104° 20' 28"					F-48-65-B
suối Tống	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 29"	104° 19' 24"	21° 14' 20"	104° 20' 17"	F-48-65-D
suối Tù	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 40"	104° 19' 44"	21° 15' 58"	104° 18' 48"	F-48-65-B
bản Vàn	DC	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên	21° 15' 20"	104° 16' 57"					F-48-65-B
suối Vàn	TV	xã Chim Vàn	H. Bắc Yên			21° 16' 24"	104° 19' 11"	21° 14' 51"	104° 16' 57"	F-48-65-B
suối Điệp	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 19' 53"	104° 15' 57"	21° 18' 21"	104° 16' 33"	F-48-65-B
bản Hang Chú	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 21' 28"	104° 19' 39"					F-48-65-B
núi Hang Chú	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 40"	104° 16' 16"					F-48-65-B
suối Hang Chú	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 22' 46"	104° 19' 51"	21° 20' 52"	104° 20' 58"	F-48-65-B
núi Hang Cơ	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 20' 58"	104° 18' 36"					F-48-65-B
suối Lường	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 23' 24"	104° 13' 49"	21° 22' 35"	104° 12' 28"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Lọng	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 46"	104° 14' 07"					F-48-65-A
suối Nậm Lộng	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 24' 05"	104° 16' 51"	21° 23' 29"	104° 14' 43"	F-48-65-B, F-48-65-A
suối Pa Cư Sáng	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 21' 50"	104° 18' 26"	21° 19' 53"	104° 18' 30"	F-48-65-B
bản Pa Cư Sáng A	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 13"	104° 18' 03"					F-48-65-B
bản Pá Đông	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 26"	104° 19' 11"					F-48-65-B
bản Pá Hốc	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 20' 29"	104° 16' 57"					F-48-65-B
núi Pá Hốc	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 21' 31"	104° 15' 46"					F-48-65-B
bản Phềnh Hồ	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 05"	104° 21' 03"					F-48-65-B
bản Suối Lềnh A	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 39"	104° 15' 17"					F-48-65-A
bản Suối Lềnh B	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 18' 16"	104° 15' 46"					F-48-65-B
bản Suối Lềnh C	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 37"	104° 15' 45"					F-48-65-B
suối Bẹ	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 20' 36"	104° 33' 18"	21° 16' 06"	104° 32' 23"	F-48-66-A-a, F-48-66-A-c
bản Chống Tra	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 33"	104° 27' 30"					F-48-65-B
suối Chống Tra	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 18' 09"	104° 27' 20"	21° 17' 36"	104° 27' 21"	F-48-65-B
suối Chu Vang	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 22' 01"	104° 29' 54"	21° 23' 02"	104° 32' 34"	F-48-66-A-c, F-48-66-A-a
suối Chua Tủa Trằng	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 21' 31"	104° 30' 56"	21° 20' 26"	104° 32' 35"	F-48-66-A-c
bản Háng Bla	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 41"	104° 25' 53"					F-48-65-B
suối Háng Đồng	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 19' 36"	104° 28' 22"	21° 16' 06"	104° 32' 23"	F-48-65-B, F-48-66-A-c
bản Háng Đồng A	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 26"	104° 29' 12"					F-48-65-B
bản Háng Đồng B	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 17' 57"	104° 30' 32"					F-48-66-A-c
núi Háng Đồng B	SV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 19' 28"	104° 29' 44"					F-48-65-B
bản Háng Đồng C	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 17' 35"	104° 30' 56"					F-48-66-A-c
bản Làng Sáng	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 21' 29	104° 32' 28"					F-48-66-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Làng Sáng Nhỏ	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 20' 35"	104° 31' 08"	21° 20' 35"	104° 33' 19"	F-48-66-A-c
phu Lông Mê	SV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 22' 44"	104° 30' 10"					F-48-66-A-a
suối Păng Đu	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 24' 12"	104° 31' 12"	21° 23' 56"	104° 32' 18"	F-48-66-A-a
suối Tới Trung	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 21' 55"	104° 32' 05"	21° 21' 54"	104° 33' 38"	F-48-66-A-c
hang A Phủ	SV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 44"	104° 26' 50"					F-48-65-D
suối Cang	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 11' 31"	104° 26' 35"	21° 12' 44"	104° 28' 24"	F-48-65-D
suối Cóc	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 10' 04"	104° 28' 29"	21° 10' 14"	104° 30' 15"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
bản Đung	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 29' 27"					F-48-65-D
bản Giàng	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 30"	104° 30' 23"					F-48-66-C-a
suối Háng Bang	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 10' 42"	104° 28' 59"	21° 10' 23"	104° 30' 16"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
suối Háo	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 11' 09"	104° 28' 19"	21° 12' 08"	104° 29' 43"	F-48-65-D
bản Hồng Ngài	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 26' 24"					F-48-65-D
núi Hồng Ngài	SV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 52"	104° 26' 41"					F-48-65-D
bản Lung Tang	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 07' 39"	104° 30' 33"					F-48-66-C-a
bản Mới	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 13' 10"	104° 25' 33"					F-48-65-D
suối Sập	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 12' 23"	104° 29' 01"	21° 06' 30"	104° 31' 16"	F-48-65-D
bản Suối Chặn	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 10' 28"	104° 28' 21"					F-48-65-D
bản Suối Háo	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 10' 54"	104° 27' 53"					F-48-65-D
bản Suối Tếnh	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 08' 59"	104° 29' 20"					F-48-65-D
suối Tếnh	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 08' 18"	104° 30' 02"	21° 07' 25"	104° 31' 48"	F-48-65-D, F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 11' 35"	104° 15' 23"	21° 11' 14"	104° 13' 31"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Cáy Khẻ A	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 10' 35"	104° 14' 28"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cáy Khẻ B	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 11' 04"	104° 14' 49"					F-48-65-D
suối Chẹn	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 12' 20"	104° 14' 28"	21° 12' 09"	104° 15' 00"	F-48-65-C, F-48-65-D
huổi Chiên	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 06' 55"	104° 22' 21"	21° 07' 52"	104° 21' 24"	F-48-65-D
núi Him Phon	SV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 12' 40"	104° 14' 50"					F-48-65-C
bản Hua Nhàn	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 07' 59"	104° 18' 20"					F-48-65-D
bản Kéo Bó A	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 11' 12"	104° 13' 40"					F-48-65-C
bản Kéo Bó B	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 11' 41"	104° 13' 16"					F-48-65-C
huổi Khẻ	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 10' 33"	104° 14' 22"	21° 11' 37"	104° 15' 24"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Khốm Khia	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 08' 49"	104° 20' 11"					F-48-65-D
phu Mang	SV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 07' 17"	104° 23' 04"					F-48-65-D
phu Mọc	SV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 08' 25"	104° 23' 19"					F-48-65-D
suối Mới	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 07' 33"	104° 22' 59"	21° 07' 09"	104° 24' 02"	F-48-65-D
huổi Mợi	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 06' 42"	104° 22' 09"	21° 05' 45"	104° 23' 04"	F-48-65-D
bản Mòn	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 11' 30"	104° 13' 55"					F-48-65-C
bản Nóng Lạnh	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 08' 46"	104° 17' 01"					F-48-65-D
bản Ọ Á	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 08' 36"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Pá Khốm	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 06' 10"	104° 22' 23"					F-48-65-D
suối Sập Việt	TV	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên			21° 05' 26"	104° 22' 46"	21° 06' 41"	104° 24' 03"	F-48-65-D
bản Suối Sát	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 08' 22"	104° 22' 50"					F-48-65-D
bản Thón B	DC	xã Hua Nhàn	H. Bắc Yên	21° 10' 08"	104° 15' 22"					F-48-65-D
suối Cao	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 16' 49"	104° 24' 03"	21° 15' 59"	104° 23' 51"	F-48-65-B
bản Cáo A	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 10"	104° 23' 58"					F-48-65-B
bản Cáo B	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 18' 12"	104° 23' 30"					F-48-65-B
bản Chếu A	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 35"	104° 21' 33"					F-48-65-B
bản Chếu B	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 27"	104° 20' 54"					F-48-65-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đàn	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 16' 22"	104° 23' 33"	21° 15' 15"	104° 23' 43"	F-48-65-B
suối Đôi Lộng	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 17' 12"	104° 22' 15"	21° 15' 14"	104° 22' 11"	F-48-65-B
bản Háng A	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 58"	104° 23' 08"					F-48-65-B
bản Háng B	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 32"	104° 23' 09"					F-48-65-B
bản Háng C	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 50"	104° 22' 56"					F-48-65-B
núi Khe Cải	SV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 01"	104° 24' 58"					F-48-65-B
núi Làng Chếu	SV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 17' 46"	104° 21' 54"					F-48-65-B
bản Păng Khúa	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 16' 08"	104° 22' 45"					F-48-65-B
suối Păng Khúa	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 16' 37"	104° 22' 58"	21° 15' 14"	104° 22' 11"	F-48-65-B
bản Suối Lộng	DC	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên	21° 16' 50"	104° 21' 57"					F-48-65-B
suối Viền	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 16' 40"	104° 20' 48"	21° 16' 25"	104° 19' 11"	F-48-65-B
suối Xím Vàng	TV	xã Làng Chếu	H. Bắc Yên			21° 18' 58"	104° 24' 07"	21° 16' 25"	104° 19' 11"	F-48-65-B
quốc lộ 37	KX	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 59"	104° 20' 17"	21° 11' 48"	104° 15' 06"	F-48-65-C, F-48-65-D
chợ Bản Khoa	KX	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 19' 33"					F-48-65-D
núi Cáu	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 03"	104° 21' 01"					F-48-65-D
bản Chạng	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 37"	104° 20' 33"					F-48-65-D
suối Chẹn	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 09"	104° 15' 00"	21° 11' 37"	104° 16' 13"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Chẹn A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 31"	104° 16' 23"					F-48-65-D
bản Chẹn B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 50"	104° 15' 42"					F-48-65-D
núi Co Lương	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 27"	104° 16' 46"					F-48-65-D
núi Co Trai	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 31"	104° 19' 16"					F-48-65-D
suối Cóc	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 26"	104° 18' 10"	21° 11' 40"	104° 18' 20"	F-48-65-D
suối Cốc Lin	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 03"	104° 15' 01"	21° 11' 47"	104° 15' 55"	F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 14' 27"	104° 17' 23"	21° 13' 10"	104° 20' 16"	F-48-65-D
suối Đăm	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 11' 41"	104° 21' 10"	21° 11' 45"	104° 19' 58"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đen Đin	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 56"	104° 16' 47"					F-48-65-D
núi Huổi Phăn Hủa	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 07"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Khằng	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 47"	104° 17' 28"					F-48-65-D
suối Khằng	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 13' 31"	104° 17' 02"	21° 13' 49"	104° 17' 27"	F-48-65-D
núi Khỉ	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 53"	104° 16' 23"					F-48-65-D
bản Khoa	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 08"	104° 19' 09"					F-48-65-D
suối Khọc	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 33"	104° 17' 30"	21° 13' 20"	104° 18' 00"	F-48-65-D
bản Khọc A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 19"	104° 18' 06"					F-48-65-D
bản Khọc B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 36"	104° 17' 20"					F-48-65-D
huổi Muồng	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 00"	104° 18' 13"	21° 11' 34"	104° 18' 16"	F-48-65-D
núi Pá Khôm	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 34"	104° 20' 31"					F-48-65-D
bản Pá Nó A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 55"	104° 15' 44"					F-48-65-D
bản Pá Nó B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 16"	104° 15' 27"					F-48-65-D
huổi Phá	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 05"	104° 16' 50"	21° 11' 11"	104° 17' 12"	F-48-65-D
suối Phiêng Pót	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 07"	104° 17' 15"	21° 11' 48"	104° 17' 39"	F-48-65-D
bản Phố	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 43"	104° 19' 19"					F-48-65-D
núi Phu Luông	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 58"	104° 18' 45"					F-48-65-D
bản Phúc	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 38"	104° 19' 03"					F-48-65-D
bản Pót	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 48"	104° 17' 43"					F-48-65-D
núi Pu Hé	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 07"	104° 18' 46"					F-48-65-D
huổi Sén	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 06"	104° 16' 11"	21° 11' 37"	104° 16' 13"	F-48-65-D
suối Sơ	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 53"	104° 18' 11"	21° 13' 20"	104° 18' 04"	F-48-65-D
núi Thà Lin	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 56"	104° 15' 56"					F-48-65-D
huổi Thón	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 16"	104° 15' 54"	21° 11' 19"	104° 16' 35"	F-48-65-D
suối Ai	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 04"	104° 12' 47"	21° 20' 07"	104° 11' 34"	F-48-65-A
bản Ảng	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 19"	104° 13' 25"					F-48-65-A
bản Bước	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 57"	104° 12' 41"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 50"	104° 10' 11"	21° 17' 24"	104° 13' 01"	F-48-65-A
suối Đông Sửa	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 38"	104° 12' 57"	21° 21' 08"	104° 11' 21"	F-48-65-A
suối E Hành	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 20' 11"	104° 14' 24"	21° 18' 46"	104° 13' 47"	F-48-65-A
suối Hin Phá	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 22' 56"	104° 11' 48"	21° 21' 53"	104° 10' 17"	F-48-65-A
núi Huổi Ngựa	SV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 51"	104° 11' 03"					F-48-65-A
suối Lay	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 02"	104° 13' 12"	21° 18' 34"	104° 12' 37"	F-48-65-A
suối Lừm	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 22' 03"	104° 12' 41"	21° 19' 50"	104° 10' 48"	F-48-65-A
bản Lừm Hạ	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 50"	104° 10' 39"					F-48-65-A
bản Lừm Thượng A	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 31"	104° 11' 46"					F-48-65-A
bản Lừm Thượng B	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 41"	104° 11' 25"					F-48-65-A
bản Lừm Thượng C	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 45"	104° 11' 09"					F-48-65-A
bản Nà Phai	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 20' 10"	104° 11' 36"					F-48-65-A
bản Nà Sài	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 18' 57"	104° 14' 01"					F-48-65-A
suối Nà Sài	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 19' 24"	104° 15' 23"	21° 18' 35"	104° 12' 35"	F-48-65-A
suối Ngà	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 06"	104° 14' 35"	21° 19' 35"	104° 12' 40"	F-48-65-A
bản Noong Cóc	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 00"	104° 11' 52"					F-48-65-A
bản Pắc Ngà	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 18' 43"	104° 12' 49"					F-48-65-A
bản Tà Ỉu	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 30"	104° 10' 37"					F-48-65-A
đường tỉnh 112	KX	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 14' 23"	104° 23' 42"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
suối Ban	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 03"	104° 26' 55"	21° 13' 22"	104° 27' 14"	F-48-65-D
suối Bé	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 18"	104° 27' 47"	21° 14' 06"	104° 28' 37"	F-48-65-D
núi Bẹ	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 44"	104° 28' 10"					F-48-65-B
bản Bụa A	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 52"	104° 27' 28"					F-48-65-B
bản Bụa B	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 11"	104° 28' 09"					F-48-65-B
bản Cang	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 12' 46"	104° 28' 44"					F-48-65-D
suối Cành	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 11"	104° 28' 24"	21° 12' 57"	104° 28' 14"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cao Đa 1	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 36"	104° 24' 25"					F-48-65-D
bản Cao Đa 2	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 42"	104° 23' 29"					F-48-65-D
suối Co Họ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 18"	104° 30' 07"	21° 13' 59"	104° 30' 14"	F-48-66-C-a
suối Co Lắc	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 15"	104° 28' 39"	21° 12' 45"	104° 28' 30"	F-48-65-D
bản Hí	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 07"	104° 27' 51"					F-48-65-D
suối Kén	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 51"	104° 23' 08"	21° 14' 37"	104° 23' 34"	F-48-65-D
suối Khe Cải	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 16' 07"	104° 24' 35"	21° 15' 39"	104° 23' 53"	F-48-65-D
bản Lào Lay	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 30"	104° 28' 04"					F-48-65-D
suối Lìn	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 31"	104° 27' 45"	21° 13' 06"	104° 27' 41"	F-48-65-D
suối Lượng	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 27"	104° 24' 36"	21° 14' 17"	104° 23' 51"	F-48-65-D
bản Mòn	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 54"	104° 29' 37"					F-48-65-D
pu Ngân	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 29"	104° 28' 54"					F-48-65-B
suối Ống	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 59"	104° 25' 18"	21° 14' 41"	104° 25' 04"	F-48-65-D
đồi Ông Chống	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 55"	104° 26' 34"					F-48-65-D
suối Pao	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 21"	104° 29' 37"	21° 13' 54"	104° 29' 32"	F-48-65-D
đèo Phiêng Ban	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 32"	104° 27' 38"					F-48-65-D
bản Phiêng Ban A	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 46"	104° 26' 10"					F-48-65-B
bản Phiêng Ban B	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 45"	104° 25' 30"					F-48-65-B
bản Pu Nhi	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 51"	104° 27' 40"					F-48-65-D
núi Pu Nhi	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 54"	104° 28' 02"					F-48-65-D
suối Pu Nhi	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 36"	104° 28' 50"	21° 13' 10"	104° 29' 21"	F-48-65-D
bản Rừng Tre	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 31"	104° 27' 32"					F-48-65-D
cầu Suối Sập	KX	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 00"	104° 30' 29"					F-48-66-C-a
bản Suối Thán	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 28' 47"					F-48-65-D
bản Suối Ún	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 44"	104° 29' 45"					F-48-65-D
suối Tắc Tẹ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 56"	104° 26' 17"	21° 13' 32"	104° 26' 18"	F-48-65-D
suối Tao	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 22"	104° 25' 25"	21° 14' 27"	104° 24' 36"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Thán	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 12"	104° 29' 35"	21° 13' 58"	104° 29' 09"	F-48-65-D
suối Thanh	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 08"	104° 28' 50"	21° 12' 40"	104° 28' 44"	F-48-65-D
suối Trạm Po	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 53"	104° 22' 30"	21° 14' 51"	104° 23' 08"	F-48-65-D
suối Trám Pọ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 02"	104° 28' 19"	21° 14' 06"	104° 28' 37"	F-48-65-D
suối Ún	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 48"	104° 29' 48"	21° 13' 48"	104° 29' 40"	F-48-65-D
đường tỉnh 113	KX	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 14' 23"	104° 23' 42"	21° 12' 30"	104° 22' 18"	F-48-65-D
bản Chanh	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 11' 46"	104° 23' 59"					F-48-65-D
suối Chanh	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 11' 26"	104° 26' 15"	21° 11' 42"	104° 23' 12"	F-48-65-D
cửa Chanh	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 11' 46"	104° 23' 20"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 13' 08"	104° 20' 28"	21° 05' 53"	104° 30' 45"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản En	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 04' 58"	104° 26' 54"					F-48-65-D
núi Hang Nặm	SV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 06' 07"	104° 23' 55"					F-48-65-D
suối Hồ	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 04' 29"	104° 25' 45"	21° 04' 15"	104° 26' 49"	F-48-65-D
núi Hồng Ngài	SV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 12' 29"	104° 25' 38"					F-48-65-D
suối Lạnh	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 13' 48"	104° 24' 44"	21° 14' 07"	104° 23' 50"	F-48-65-D
bản Liếm Xiên	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 11' 14"	104° 26' 22"					F-48-65-D
suối Liếm Xiên	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 10' 29"	104° 26' 51"	21° 09' 37"	104° 25' 34"	F-48-65-D
suối Lộc	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 13' 36"	104° 24' 53"	21° 13' 39"	104° 23' 46"	F-48-65-D
suối Lượng	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 13' 50"	104° 22' 29"	21° 13' 13"	104° 23' 16"	F-48-65-D
bản Mới A	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 13' 24"	104° 25' 12"					F-48-65-D
bản Mong	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 08' 23"	104° 27' 21"					F-48-65-D
suối Mong	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 04' 28"	104° 23' 48"	21° 05' 28"	104° 22' 49"	F-48-65-D
bản Ngậm	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 06' 38"	104° 29' 55"					F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Nguồn	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 09' 35"	104° 25' 33"					F-48-65-D
suối Nguồn	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 10' 40"	104° 25' 21"	21° 09' 55"	104° 25' 06"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nhèm	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 05' 04"	104° 24' 13"					F-48-65-D
suối Nhèm	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 05' 05"	104° 24' 23"	21° 05' 48"	104° 23' 18"	F-48-65-D
bản Pe	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 13' 09"	104° 23' 10"					F-48-65-D
bản Phù	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 06' 22"	104° 25' 19"					F-48-65-D
suối Quốc Ngoài	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 09' 08"	104° 28' 29"	21° 08' 47"	104° 27' 38"	F-48-65-D
suối Quốc Trong	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 09' 41"	104° 28' 06"	21° 08' 53"	104° 27' 36"	F-48-65-D
suối Song	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 13' 47"	104° 21' 18"	21° 12' 58"	104° 21' 25"	F-48-65-D
bản Suối Chanh	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 11' 54"	104° 26' 04"					F-48-65-D
bản Suối Quốc	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 14' 09"	104° 22' 29"					F-48-65-D
bản Suối Song	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 13' 51"	104° 21' 33"					F-48-65-D
phà Tạ Khoa	KX	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 12' 30"	104° 22' 04"					F-48-65-D
bản Tăng	DC	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 05' 52"	104° 28' 06"					F-48-65-D
núi U Bò	SV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên	21° 12' 44"	104° 25' 12"					F-48-65-D
suối Vạng	TV	xã Phiêng Côn	H. Bắc Yên			21° 12' 35"	104° 24' 07"	21° 12' 44"	104° 23' 26"	F-48-65-D
suối Bấy	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 06' 29"	104° 27' 01"	21° 06' 46"	104° 27' 40"	F-48-65-D
bản Co Muồng	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 51"	104° 20' 53"					F-48-65-D
bản Co My	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 57"	104° 21' 17"					F-48-65-D
bản Cong Khẩu	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 50"	104° 18' 56"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 13' 10"	104° 20' 16"	21° 07' 57"	104° 27' 22"	F-48-65-D
núi Khắm Cang	SV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 30"	104° 19' 15"					F-48-65-D
suối Lay Mô	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 08' 47"	104° 23' 08"	21° 09' 30"	104° 22' 46"	F-48-65-D
suối Nhạn	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 09' 03"	104° 18' 53"	21° 09' 31"	104° 22' 48"	F-48-65-D
bản Nhạn Cuông	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 47"	104° 20' 13"					F-48-65-D
bản Nhạn Nọc	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 47"	104° 23' 03"					F-48-65-D
bản Nong Ọ B	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 30"	104° 21' 41"					F-48-65-D
bản Noóng Pát	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 05"	104° 19' 50"					F-48-65-D
bản Pá Đông	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 30"	104° 19' 25"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phu Sang	SV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 58"	104° 20' 04"					F-48-65-D
bản Sập Việt	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 42"	104° 24' 57"					F-48-65-D
suối Sát	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 08' 17"	104° 21' 24"	21° 09' 31"	104° 22' 48"	F-48-65-D
bản Suối Hẹ	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 02"	104° 19' 21"					F-48-65-D
bản Tà Đò A	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 34"	104° 21' 42"					F-48-65-D
bản Tà Đò B	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 24"	104° 21' 57"					F-48-65-D
cầu Tạ Khoa	KX	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 30"	104° 22' 04"					F-48-65-D
suối Táo	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 49"	104° 22' 04"	21° 10' 31"	104° 23' 31"	F-48-65-D
suối Tra	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 07' 19"	104° 25' 55"	21° 08' 25"	104° 25' 08"	F-48-65-D
bản Bẹ	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 57"	104° 28' 17"					F-48-65-B
suối Bẹ	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 16' 59"	104° 28' 23"	21° 16' 56"	104° 29' 17"	F-48-65-B
bản Chung Trinh	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 17' 43"	104° 25' 09"					F-48-65-B
suối Chung Trinh	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 34"	104° 25' 10"	21° 17' 56"	104° 26' 16"	F-48-65-B
suối Háng Bla	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 18' 51"	104° 25' 48"	21° 17' 57"	104° 26' 14"	F-48-65-B
suối Háng Là	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 07"	104° 26' 29"	21° 17' 36"	104° 27' 01"	F-48-65-B
bản Khe Cải	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 44"	104° 24' 44"					F-48-65-B
bản Mống Vàng	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 24"	104° 26' 30"					F-48-65-B
bản Tà Sùa A	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 53"	104° 25' 30"					F-48-65-B
bản Tà Sùa C	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 17' 12"	104° 25' 46"					F-48-65-B
suối Tà Xùa	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 07"	104° 25' 44"	21° 17' 56"	104° 26' 16"	F-48-65-B
suối Trà Lơn	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 15' 21"	104° 29' 40"	21° 14' 27"	104° 30' 41"	F-48-65-B, F-48-66-C-a
bản Trò A	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 30"	104° 29' 50"					F-48-65-B
bản Trò B	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 36"	104° 28' 48"					F-48-65-B
đường mòn 133	KX	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 24' 13"	104° 22' 58"	21° 20' 13"	104° 21' 48"	F-48-65-B
suối Chim	TV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 19' 43"	104° 20' 41"	21° 17' 25"	104° 16' 43"	F-48-65-B
bản Cúa Mang	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 20' 10"	104° 21' 54"					F-48-65-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Giang Tơ	SV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 21' 19"	104° 25' 40"					F-48-65-B
bản Háng Gò Bua	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 58"	104° 22' 31"					F-48-65-B
bản Háng Tâu	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 55"	104° 21' 45"					F-48-65-B
bản Pá Ổng A	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 17' 59"	104° 18' 21"					F-48-65-B
bản Pá Ổng B	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 18' 39"	104° 19' 02"					F-48-65-B
bản Sồng Chống	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 14"	104° 24' 29"					F-48-65-B
bản Xím Vàng	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 45"	104° 22' 43"					F-48-65-B
suối Xím Vàng	TV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 18' 58"	104° 24' 07"	21° 16' 24"	104° 19' 11"	F-48-65-B
tiểu khu 1	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	104° 06' 56"					F-48-65-C
tiểu khu 2	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 23"	104° 06' 35"					F-48-65-C
tiểu khu 3	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	104° 06' 23"					F-48-65-C
tiểu khu 4	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 06' 04"					F-48-65-C
tiểu khu 5	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 02"	104° 05' 57"					F-48-65-C
tiểu khu 6	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 13"	104° 05' 53"					F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 12' 11"	104° 04' 14"	21° 10' 25"	104° 07' 35"	F-48-65-C
tiểu khu 7	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 01"	104° 05' 44"					F-48-65-C
tiểu khu 8	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 32"	104° 05' 26"					F-48-65-C
tiểu khu 9	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 12"	104° 05' 35"					F-48-65-C
tiểu khu 10	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	104° 05' 09"					F-48-65-C
tiểu khu 11	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 08"	104° 04' 46"					F-48-65-C
tiểu khu 13	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	104° 05' 28"					F-48-65-C
tiểu khu 14	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 48"	104° 05' 33"					F-48-65-C
tiểu khu 15	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 05' 40"					F-48-65-C
tiểu khu 18	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 17"	104° 06' 07"					F-48-65-C
tiểu khu 19	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	104° 06' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 20	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 52"	104° 06' 19"					F-48-65-C
tiểu khu 21	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 33"	104° 06' 37"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Hát Lót	KX	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 07"	104° 05' 52"					F-48-65-C
núi He	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	104° 07' 41"					F-48-65-C
núi Kỳ Đài	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 05"	104° 06' 34"					F-48-65-C
núi Múng Bung	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 15"	104° 05' 47"					F-48-65-C
hợp tác xã 2	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 02"	103° 56' 56"					F-48-64-B
hợp tác xã 3	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 48"	103° 57' 09"					F-48-64-B
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 57"	103° 57' 38"	21° 12' 41"	103° 57' 44"	F-48-64-D
tiểu khu 6-1	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	103° 57' 34"					F-48-64-D
pu An Mạ	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 39"	103° 54' 05"					F-48-64-D
bản Áng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 30"	103° 57' 17"					F-48-64-D
núi Co Phay	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	103° 57' 04"					F-48-64-D
bản Củ 1	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 01"	103° 56' 19"					F-48-64-D
bản Củ 2	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 21"	103° 56' 30"					F-48-64-D
bản Củ 3	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 09"	103° 56' 06"					F-48-64-D
bản Củ 4	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 26"	103° 56' 10"					F-48-64-D
huổi Dên	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 12' 21"	103° 57' 24"	21° 12' 09"	103° 57' 07"	F-48-64-D
núi Đan Đạt	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 21"	103° 54' 53"					F-48-64-B
bản Hoa Mai	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 22"	103° 57' 12"					F-48-64-D
bản Huổi Khoang	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 46"	103° 56' 15"					F-48-64-D
bản Kéo	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 36"	103° 56' 43"					F-48-64-D
pu Lốm	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 34"	103° 55' 49"					F-48-64-B
hợp tác xã Mai Tiên	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 45"	103° 56' 16"					F-48-64-B
bản Nà Che	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 22"	103° 54' 47"					F-48-64-B
bản Nà Mặn	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 36"	103° 55' 47"					F-48-64-D
bản Nong Nưa	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 55"	103° 55' 14"					F-48-64-D
núi Noọng Xam Kha	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 49"	103° 57' 54"					F-48-64-B
bản Ót	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	103° 55' 28"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pát	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 04"	103° 55' 43"					F-48-64-B
bản Phiêng Quài	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 36"	103° 56' 40"					F-48-64-B
núi Pom Pá	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 24"	103° 57' 37"					F-48-64-D
suối Púng Củ	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 53"	103° 55' 16"	21° 13' 48"	103° 56' 39"	F-48-64-D
suối Púng Ưng	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 24"	103° 56' 28"	21° 13' 35"	103° 57' 00"	F-48-64-D
bản Sàng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 13"	103° 55' 19"					F-48-64-B
pu Thẳm Giắt	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 57"	103° 55' 05"					F-48-64-D
bản Thậy	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 04"	103° 57' 17"					F-48-64-D
bản Thộ	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 57"	103° 55' 56"					F-48-64-D
bản Tin Tốc	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 56' 33"					F-48-64-D
bản Tong Chinh	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 09"	103° 55' 34"					F-48-64-B
bản Ưng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	103° 56' 54"					F-48-64-D
hợp tác xã Văn Tiên	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 16"	103° 56' 58"					F-48-64-B
đường tỉnh 109	KX	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 17' 39"	104° 05' 59"	21° 14' 59"	104° 06' 45"	F-48-65-A, F-48-65-C
núi Bó Cốp Nọi	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 32"	104° 05' 48"					F-48-65-A
bản Bó pháy	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 54"	104° 06' 28"					F-48-65-A
bản Cầu Đường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 03"	104° 07' 03"					F-48-65-A
đội Cầu Đường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 19"	104° 06' 18"					F-48-65-A
nậm Chan	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 17' 10"	104° 08' 16"	21° 18' 58"	104° 10' 02"	F-48-65-A
bản Chiềng	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 32"	104° 09' 42"					F-48-65-A
bản Chiềng Đen	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 14"	104° 06' 57"					F-48-65-A
núi Co Hen	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 18"	104° 06' 05"					F-48-65-A
núi Co Hiền	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 43"	104° 06' 56"					F-48-65-A
núi Cớn Đông	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 08"	104° 07' 29"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 22' 07"	104° 10' 08"	21° 18' 52"	104° 11' 10"	F-48-65-A
bản Kiếng	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 21' 28"	104° 10' 08"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lếch Phay	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 14' 34"	104° 08' 32"	21° 17' 01"	104° 08' 07"	F-48-65-A, F-48-65-C
núi Ma Cỏm	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 28"	104° 07' 06"					F-48-65-A
núi Ma Nọi	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 09"	104° 06' 55"					F-48-65-A
bản Na Hùn	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 50"	104° 07' 55"					F-48-65-A
bản Nà Phường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 14"	104° 07' 47"					F-48-65-A
bản Năm Luông	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 37"	104° 09' 43"					F-48-65-A
núi Pá Ổ	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 21' 46"	104° 09' 02"					F-48-65-A
suối Phát	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 18' 39"	104° 08' 14"	21° 18' 58"	104° 10' 02"	F-48-65-A
núi Pù Hừa	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 18' 06"	104° 08' 29"					F-48-65-A
núi Pù Lán Lụ	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 38"	104° 07' 14"					F-48-65-A
bản Sài Lương	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 09"	104° 07' 58"					F-48-65-A
huổi Sản	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 21' 24"	104° 08' 44"	21° 21' 32"	104° 10' 10"	F-48-65-A
bản Si	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 20' 27"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Tà Chan	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 07"	104° 10' 11"					F-48-65-A
núi Thăm Dương	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 04"	104° 08' 00"					F-48-65-A
bản Tong Tải A	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 32"	104° 09' 04"					F-48-65-A
bản Tong Tải B	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 55"	104° 08' 54"					F-48-65-A
Trạm Thủy văn Bản Mảy	KX	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 04"	103° 52' 55"					F-48-64-D
núi Búa Quang	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 49"	103° 52' 41"					F-48-64-D
núi Đông Bẻ	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 11' 54"	103° 54' 14"					F-48-64-D
bản Hạm	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 31"	103° 53' 44"					F-48-64-D
suối Huổi Ham	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 12' 32"	103° 54' 44"	21° 13' 52"	103° 52' 50"	F-48-64-D
suối Huổi Ít	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 11' 42"	103° 51' 32"	21° 12' 37"	103° 52' 14"	F-48-64-D
suối Huổi Mé	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 12' 20"	103° 50' 36"	21° 12' 59"	103° 52' 02"	F-48-64-D
suối Huổi Nam	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 34"	103° 54' 32"	21° 12' 05"	103° 54' 43"	F-48-64-D
suối Huổi Pời	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 15"	103° 53' 35"	21° 12' 05"	103° 54' 43"	F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Quài	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 08"	103° 53' 08"	21° 11' 41"	103° 52' 41"	F-48-64-D
bản Ít Hò	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 10' 48"	103° 51' 09"					F-48-64-D
bản Khoa	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 43"	103° 54' 04"					F-48-64-D
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 48"	103° 54' 59"					F-48-64-D
bản Mảy	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 51"	103° 53' 04"					F-48-64-D
bản Mé	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Men	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 20"	103° 54' 30"					F-48-64-D
bản Nam	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 06"	103° 54' 50"					F-48-64-D
suối Nậm Tảu	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 15' 00"	103° 53' 28"	21° 13' 52"	103° 52' 50"	F-48-64-D
bản Nghịu	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 32"	103° 54' 59"					F-48-64-D
bản Ngòi	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 19"	103° 55' 33"					F-48-64-D
suối Sam Củ	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 13' 51"	103° 51' 19"	21° 13' 32"	103° 52' 20"	F-48-64-D
bản Sam Ta	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 10' 27"	103° 52' 33"					F-48-64-D
bản Ten	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 56"	103° 54' 31"					F-48-64-D
pom Bia	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 57' 22"					F-48-64-D
bản Chăm Biên	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 56' 39"					F-48-64-D
bản Cọ	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 31"	103° 58' 05"					F-48-64-D
pom Co Hịnh	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 57' 57"					F-48-64-D
bản Dè	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	103° 57' 51"					F-48-64-D
nặm Dong	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 10' 31"	103° 56' 59"	21° 12' 04"	103° 58' 30"	F-48-64-D
suối Hong Liềng	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 10' 04"	103° 54' 26"	21° 10' 31"	103° 56' 59"	F-48-64-D
bản Khoáng	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	103° 56' 29"					F-48-64-D
bản Liềng	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 10' 44"	103° 56' 51"					F-48-64-D
pom Liu	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 12' 07"	103° 58' 14"					F-48-64-D
bản Lò Um	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 25"	103° 56' 57"					F-48-64-D
huổi Luông	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 25"	103° 56' 27"	21° 09' 50"	103° 56' 57"	F-48-64-D
huổi Mảnh	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 41"	103° 55' 35"	21° 10' 13"	103° 56' 51"	F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 10' 27"	103° 57' 06"					F-48-64-D
bản Nghịu	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	103° 58' 26"					F-48-64-D
suối Pa Păn	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 11"	103° 57' 06"	21° 09' 50"	103° 56' 57"	F-48-64-D
bản Pặc Ngần	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 09' 46"	103° 55' 25"					F-48-64-D
bản Pha Đin	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 08' 31"	103° 56' 39"					F-48-64-D
quốc lộ 4	KX	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn			21° 07' 40"	104° 00' 06"	21° 11' 25"	103° 58' 37"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Buốt	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 09' 45"	103° 58' 11"					F-48-64-D
bản Có	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 19"	103° 58' 56"					F-48-64-D
huổi Hút	TV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn			21° 07' 39"	103° 59' 37"	21° 08' 49"	103° 59' 53"	F-48-64-D
bản Nà Kéo	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	103° 59' 04"					F-48-64-D
bản Nà Lon	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 11' 19"	103° 58' 35"					F-48-64-D
bản Nà Viền	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 08' 57"	103° 59' 27"					F-48-64-D
núi Pa Xẳng	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 07' 20"	103° 58' 45"					F-48-64-D
bản Pắng Xẳng	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 07' 49"	103° 58' 32"					F-48-64-D
núi Pắng Xẳng	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	103° 57' 46"					F-48-64-D
pom Phắc Cạn	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 36"	103° 58' 12"					F-48-64-D
bản Tình	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 52"	103° 58' 52"					F-48-64-D
bản Tô Văn	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 09' 15"	103° 58' 38"					F-48-64-D
bản Búa Bon	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 32"	104° 05' 51"					F-48-65-C
bản Buôm Hằm	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 02' 28"	104° 08' 34"					F-48-65-C
bản Buôm Khoang	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 02' 56"	104° 08' 55"					F-48-65-C
nậm Cha	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 04' 56"	104° 08' 21"	21° 05' 44"	104° 09' 15"	F-48-65-C
bản Chăn Nuôi	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 35"	104° 06' 09"					F-48-65-C
bản Chi	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 32"	104° 10' 24"					F-48-65-C
nậm Chi	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 01' 48"	104° 09' 07"	21° 04' 24"	104° 10' 23"	F-48-65-C
núi Co Hạ	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 13"	104° 09' 13"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Co Lương	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 36"	104° 10' 38"					F-48-65-C
huổi Huổi Tảng	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 02' 48"	104° 07' 31"	21° 04' 41"	104° 08' 15"	F-48-65-C
bản In	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 52"	104° 07' 17"					F-48-65-C
núi Kéo Kia	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 13"	104° 09' 57"					F-48-65-C
bản Kéo Lồm	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 06"	104° 04' 45"					F-48-65-C
huổi La	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 03' 32"	104° 06' 44"	21° 04' 56"	104° 08' 21"	F-48-65-C
bản Lạn	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 43"	104° 09' 31"					F-48-65-C
núi Lán Lan Tay	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	104° 04' 27"					F-48-65-C
núi Láu Ổm	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 11"	104° 09' 42"					F-48-65-C
bản Lù	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 57"	104° 06' 06"					F-48-65-C
huổi Lù	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 06' 13"	104° 05' 30"	21° 07' 04"	104° 06' 18"	F-48-65-C
huổi Lúc	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 05' 53"	104° 05' 03"	21° 06' 13"	104° 05' 30"	F-48-65-C
bản Lục Sáng	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 47"	104° 08' 51"					F-48-65-C
núi Ma Náy	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 52"	104° 10' 39"					F-48-65-C
bản Mật	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 29"	104° 08' 07"					F-48-65-C
bản Mờn	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 20"	104° 07' 02"					F-48-65-C
nậm Mờn	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 04' 50"	104° 05' 53"	21° 05' 24"	104° 08' 04"	F-48-65-C
huổi Mướng	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 03' 53"	104° 04' 56"	21° 04' 50"	104° 05' 53"	F-48-65-C
bản Nà Cuồng	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 59"	104° 08' 33"					F-48-65-C
bản Nà Lằn	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 07' 59"	104° 03' 37"					F-48-65-C
bản Nà Nhầm	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 01' 53"	104° 09' 17"					F-48-65-C
núi Nhả Nhung	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 08' 29"	104° 03' 19"					F-48-65-C
núi Nhụng Quoài	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 02' 55"	104° 09' 28"					F-48-65-C
bản Oi	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 01"	104° 04' 49"					F-48-65-C
núi Oi	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 23"	104° 04' 10"					F-48-65-C
huổi Oi	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 05' 02"	104° 04' 08"	21° 05' 50"	104° 04' 57"	F-48-65-C
núi Pá Khôm	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 08' 00"	104° 05' 16"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pắc Cờ	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 23"	104° 05' 11"					F-48-65-C
nậm Pàn	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 03' 54"	104° 11' 05"	21° 09' 05"	104° 06' 32"	F-48-65-C
bản Phú Lương	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 57"	104° 10' 54"					F-48-65-C
bản Pó	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 07' 11"	104° 06' 58"					F-48-65-C
nậm Pó	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 07' 04"	104° 06' 18"	21° 07' 26"	104° 07' 16"	F-48-65-C
nậm Sang	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 05' 24"	104° 08' 04"	21° 06' 36"	104° 08' 11"	F-48-65-C
bản Sàng	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	104° 08' 25"					F-48-65-C
núi Sút	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 29"	104° 06' 33"					F-48-65-C
núi Tam Nọi	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 02' 32"	104° 10' 10"					F-48-65-C
bản Tảng	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 50"	104° 08' 05"					F-48-65-C
núi Thẳm Bóng	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 02' 11"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Thẳm Phẳng	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 11"	104° 06' 42"					F-48-65-C
núi Thăm Thán	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 06"	104° 10' 16"					F-48-65-C
núi Thẩu Khẹt	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 06' 41"	104° 08' 33"					F-48-65-C
huổi Thín	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 04' 19"	104° 05' 37"	21° 04' 50"	104° 05' 53"	F-48-65-C
bản Tra	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 12"	104° 08' 40"					F-48-65-C
huổi Tủa	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 05' 03"	104° 04' 36"	21° 05' 53"	104° 05' 03"	F-48-65-C
núi Xan Póm	SV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 05' 28"	104° 09' 20"					F-48-65-C
bản Ý Lường	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 04' 33"	104° 08' 04"					F-48-65-C
huổi Ý Lường	TV	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn			21° 02' 44"	104° 07' 19"	21° 04' 41"	104° 08' 15"	F-48-65-C
bản Ban	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	103° 58' 50"					F-48-64-D
bản Bon	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 24"	103° 58' 05"					F-48-64-D
bản Cáy Ton	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 59"	104° 00' 34"					F-48-65-C
suối Chiềng Mai	TV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn			21° 12' 19"	103° 58' 32"	21° 11' 34"	104° 00' 28"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Co Sâu	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	103° 59' 37"					F-48-64-D
bản Cuộm 2	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 09"	103° 59' 13"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cúp	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	103° 58' 28"					F-48-64-D
bản Dăm	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 40"	103° 59' 46"					F-48-64-D
núi Đán Sang	SV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 14' 06"	103° 57' 55"					F-48-64-D
bản Hoa Sơn 1	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	103° 59' 34"					F-48-64-D
bản Hoa Sơn 2	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 29"	104° 00' 17"					F-48-64-D
bản Huổi My	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 54"	103° 58' 03"					F-48-64-D
bản Lọng Mặn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 41"	103° 59' 15"					F-48-64-D
bản Lụng Và	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 33"	104° 00' 10"					F-48-65-C
bản Mé	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 19"	103° 59' 21"					F-48-64-D
nậm Mụa	TV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn			21° 12' 39"	103° 57' 46"	21° 12' 19"	103° 58' 32"	F-48-64-D
bản Nà Đốc	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 04"	104° 00' 51"					F-48-65-C
bản Nà Dong	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 14"	103° 58' 41"					F-48-64-D
tiểu khu Ngã Ba	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 37"	103° 58' 20"					F-48-64-D
núi Nó Khá	SV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 16"	103° 58' 57"					F-48-64-D
bản Pòn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	103° 57' 42"					F-48-64-D
bản Puốn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 49"	104° 00' 52"					F-48-65-C
bản Tát Ban	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	103° 59' 03"					F-48-64-D
bản Thủy Lợi	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 35"	103° 58' 13"					F-48-64-D
bản Vựt	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 20"	103° 58' 27"					F-48-64-D
hợp tác xã 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 32"	103° 58' 25"					F-48-64-D
hợp tác xã 4	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 10"	103° 58' 20"					F-48-64-B
hợp tác xã 6	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 41"	103° 58' 36"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 15' 26"	103° 59' 31"	21° 12' 48"	104° 02' 29"	F-48-65-A, F-48-64-B, F-48-65-C
hợp tác xã 7	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 07"	103° 58' 00"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 14' 17"	103° 57' 49"	21° 15' 52"	103° 58' 35"	F-48-64-B, F-48-64-D
bản Ba Vì	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 39"	104° 01' 44"					F-48-65-C
suối Bó Hạ	TV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 14' 38"	103° 58' 39"	21° 14' 28"	104° 00' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Bôm Cưa	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 27"	104° 01' 01"					F-48-65-C
núi Boong Xung	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	104° 01' 06"					F-48-65-C
bản Co Mị	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 04"	103° 59' 37"					F-48-64-D
bản Cứ Nhừn	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	104° 02' 04"					F-48-65-C
bản Cướm	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 52"	104° 01' 18"					F-48-65-C
bản Đúc	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 43"	104° 00' 43"					F-48-65-C
bản Hản	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 00' 13"					F-48-65-C
bản Hời	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 20"	104° 00' 56"					F-48-65-C
núi Huổi Đung	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 00' 46"					F-48-65-A
bản Kẹ	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	104° 01' 58"					F-48-65-C
núi Kéo Hẹo	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	103° 58' 03"					F-48-64-B
núi Lan Na Phát	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 57"	103° 59' 20"					F-48-64-D
bản Lầu	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 07"	104° 00' 59"					F-48-65-C
bản Lo	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 23"	104° 00' 44"					F-48-65-C
bản Mạt	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	103° 58' 00"					F-48-64-D
bản Nà Hạ 1	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	104° 00' 17"					F-48-65-C
bản Nà Hạ 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 14"	103° 59' 48"					F-48-64-B
bản Nà Nọi	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 17"	103° 58' 40"					F-48-64-D
tiểu khu Nà Sản	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 11"	104° 01' 52"					F-48-65-C
sân bay Nà Sản	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 01' 49"					F-48-65-C
bản Nà Sang	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	104° 01' 08"					F-48-65-C
bản Nong Phụ	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 26"	104° 02' 06"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Noong Nái	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	103° 59' 30"					F-48-64-D
bản Phát	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	104° 00' 39"					F-48-65-C
núi Phiêng Sẳng	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 42"	104° 00' 56"					F-48-65-C
núi Phòng Không	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 09"	103° 58' 59"					F-48-64-B
bản Xum 1	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 44"	104° 00' 20"					F-48-65-C
bản Xum 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	103° 59' 48"					F-48-65-C
bản Xum 3	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	104° 00' 18"					F-48-65-C
bản Bằng Ban	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 37"	103° 44' 07"					F-48-64-C
bản Cho Cong	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 09' 14"	103° 49' 20"					F-48-64-D
suối Cho Cong	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 10' 40"	103° 49' 20"	21° 09' 13"	103° 49' 05"	F-48-64-D
bản Co Hịnh	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 08' 04"	103° 45' 59"					F-48-64-D
huổi Do	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 09' 46"	103° 51' 51"	21° 08' 19"	103° 50' 30"	F-48-64-D
núi Đán Đăm	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 07' 51"	103° 45' 45"					F-48-64-D
núi Đông Bai	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 29"	103° 51' 26"					F-48-64-D
núi Đông Ne	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 08' 07"	103° 48' 04"					F-48-64-D
bản Hua Pư	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 13' 23"	103° 45' 35"					F-48-64-D
suối Hua Pư	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 13' 28"	103° 45' 51"	21° 14' 19"	103° 44' 00"	F-48-64-C, F-48-64-D
bản Huổi Do	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 08' 27"	103° 50' 55"					F-48-64-D
pu Huổi Lai	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 08' 25"	103° 45' 31"					F-48-64-D
bản Huổi Sàng	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	103° 43' 19"					F-48-64-C
suối Két	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 07' 47"	103° 50' 57"	21° 09' 25"	103° 48' 23"	F-48-64-D
bản Nà Phặng	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 13' 42"	103° 43' 09"					F-48-64-C
bản Nhụng Dưới	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 38"	103° 45' 59"					F-48-64-D
bản Nhụng Trên	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 12"	103° 46' 45"					F-48-64-D
bản Pá Hốc	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	103° 48' 38"					F-48-64-D
bản Phé	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 09' 00"	103° 49' 51"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Phé	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 09' 48"	103° 50' 45"	21° 08' 41"	103° 49' 50"	F-48-64-D
bản Phiêng Khá	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 11' 27"	103° 42' 21"					F-48-64-C
bản Phiêng Khôm	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 13' 01"	103° 43' 35"					F-48-64-C
nậm Quóet	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 09' 25"	103° 48' 23"	21° 11' 48"	103° 41' 44"	F-48-64-C, F-48-64-D
núi Sa Lâm	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 53"	103° 41' 58"					F-48-64-C
huổi Sài	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 09' 11"	103° 45' 58"	21° 10' 28"	103° 46' 00"	F-48-64-D
bản Sài Khao	DC	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 11' 40"	103° 44' 03"					F-48-64-C
pu Thẳm Mạ	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 12' 06"	103° 49' 14"					F-48-64-D
nậm Ty	TV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn			21° 15' 25"	103° 44' 42"	21° 11' 48"	103° 41' 44"	F-48-64-A, F-48-64-C
pu Xa Nêm	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 14' 84"	103° 45' 342"					F-48-64-D
núi Xen Hin	SV	xã Chiềng Nơi	H. Mai Sơn	21° 10' 02"	103° 44' 05"					F-48-64-C
đường tỉnh 109	KX	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn			21° 19' 49"	104° 04' 24"	21° 17' 39"	104° 05' 59"	F-48-65-A
bản Bãi Tám	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 17' 05"	104° 04' 50"					F-48-65-A
bản Bản Bó	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 27"	104° 06' 23"					F-48-65-A
bản Bản Phát	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 37"	104° 07' 05"					F-48-65-A
bản Bó Lý	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 26"	104° 02' 26"					F-48-65-A
bản Búc A	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 37"	104° 04' 33"					F-48-65-A
bản Búc B	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 50"	104° 04' 26"					F-48-65-A
bản Cà Nam	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 14"	104° 07' 48"					F-48-65-A
bản Cang A	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 58"	104° 04' 19"					F-48-65-A
bản Cang B	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 55"	104° 04' 09"					F-48-65-A
bản Cao Sơn	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 14"	104° 03' 53"					F-48-65-A
bản Chặm Cẳng	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 06"	104° 05' 32"					F-48-65-A
bản Co Chai	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 13"	104° 04' 57"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Hát	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 41"	104° 01' 58"					F-48-65-A
bản Hòa Bình	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 23"	104° 05' 26"					F-48-65-A
bản Nà Chạy	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 20' 07"	104° 03' 45"					F-48-65-A
bản Nà Lầu	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 20' 52"	104° 02' 48"					F-48-65-A
bản Nong Chô	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 33"	104° 05' 29"					F-48-65-A
bản Nong Sơn	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 02"	104° 04' 02"					F-48-65-A
bản Pá Cu	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 22' 31"	104° 02' 11"					F-48-65-A
bản Tà Đứng	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 22' 10"	104° 02' 31"					F-48-65-A
bản Tân Lập	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 24"	104° 04' 46"					F-48-65-A
bản Thống Nhất	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 37"	104° 06' 17"					F-48-65-A
núi Cổn Tăng	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 30"	104° 01' 47"					F-48-65-C
núi Đán Na Pông	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 22"	104° 00' 46"					F-48-65-C
bản Đông Vai	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 07' 45"	104° 01' 41"					F-48-65-C
suối Huổi Hút	TV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn			21° 08' 52"	103° 59' 54"	21° 08' 29"	104° 01' 35"	F-48-64-D, F-48-65-C
suối Huổi Lướng	TV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn			21° 07' 42"	104° 02' 29"	21° 08' 00"	104° 02' 03"	F-48-65-C
bản Khiếng	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 02' 11"					F-48-65-C
núi Mạ Con Voi	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 02' 45"					F-48-65-C
bản Mè Dưới	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 01"	104° 00' 49"					F-48-65-C
bản Mè Trên	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 20"	104° 00' 28"					F-48-65-C
núi Pom Khen Công	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 47"	104° 00' 11"					F-48-65-C
bản Púng	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 25"	104° 00' 08"					F-48-65-C
bản Sươn	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 47"	104° 01' 23"					F-48-65-C
bản Thẳm	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 07' 02"	104° 03' 31"					F-48-65-C
núi Thẳm Phẳng	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 04"	104° 01' 22"					F-48-65-C
núi Thó Ló	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 17"	104° 02' 10"					F-48-65-C
bản Tô Vuông	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 39"	103° 59' 50"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tư Cúp	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 19"	104° 02' 49"					F-48-65-C
tiểu khu 1	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 55"	104° 09' 54"					F-48-65-C
tiểu khu 2	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 47"	104° 09' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 3	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 14"	104° 09' 13"					F-48-65-C
tiểu khu 4	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 05"	104° 10' 32"					F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 25"	104° 07' 35"	21° 08' 15"	104° 12' 02"	F-48-65-C
đường tỉnh 37	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 49"	104° 12' 55"	21° 08' 24"	104° 11' 36"	F-48-65-C
đường tỉnh 103	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 07' 50"	104° 09' 32"	21° 04' 28"	104° 11' 35"	F-48-65-C
tiểu khu 3-2	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 01"	104° 07' 43"					F-48-65-C
tiểu khu 26-3	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 52"	104° 09' 57"					F-48-65-C
tiểu khu 19-5	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 56"	104° 08' 30"					F-48-65-C
núi Ba Chi	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 15"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Bản Cọ	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 12' 13"	104° 10' 06"					F-48-65-C
tiểu khu Bình Minh	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 11"	104° 10' 18"					F-48-65-C
pom Bó Đúc	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 48"	104° 09' 23"					F-48-65-C
bản Bó Hạc	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 14"	104° 11' 57"					F-48-65-C
bản Bó Ngoa	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 22"	104° 11' 37"					F-48-65-C
núi Buộc Mú	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 13"	104° 11' 50"					F-48-65-C
đèo Chiềng Đông	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Chưa Muội	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	104° 09' 25"					F-48-65-C
núi Co Nhồm	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 46"	104° 07' 58"					F-48-65-C
bản Cò Nòi	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 19"	104° 11' 09"					F-48-65-C
hang Đán Tọc	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 10"	104° 08' 38"					F-48-65-C
Nhà máy Đường Sơn La	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 08"	104° 07' 36"					F-48-65-C
núi Hiện Kích	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	104° 11' 17"					F-48-65-C
núi Hin Kề	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 37"	104° 09' 08"					F-48-65-C
bản Hin Thuổi	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 04"	104° 10' 59"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hua Huổi	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 08"	104° 07' 45"					F-48-65-C
bản Hua Nong	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 18"	104° 11' 23"					F-48-65-C
bản Hua Tát	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 11' 12"					F-48-65-C
tiểu khu Huổi Dương	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 58"	104° 11' 49"					F-48-65-C
núi Huổi Khặp	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 52"	104° 08' 01"					F-48-65-C
pu Huổi Thuội	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 20"	104° 09' 27"					F-48-65-C
núi Khốp Ma	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 56"	104° 08' 55"					F-48-65-C
núi Khum Đin	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 44"	104° 11' 51"					F-48-65-C
bản Kim Sơn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 04' 41"	104° 11' 41"					F-48-65-C
núi Lán Cáy	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 26"	104° 08' 30"					F-48-65-C
núi Lán In	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 14"	104° 07' 06"					F-48-65-C
núi Láu Đan	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 46"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Lếch	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 09' 05"					F-48-65-C
khau Lói Nọi	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 16"	104° 11' 49"					F-48-65-C
bản Mai Thuộn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 59"	104° 10' 08"					F-48-65-C
bản Mé Lếch	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 58"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Mòn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 22"	104° 10' 29"					F-48-65-C
bản Mu Kít	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 05"	104° 07' 24"					F-48-65-C
bản Nà Cang	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 42"	104° 09' 44"					F-48-65-C
bản Nhạp	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 41"	104° 08' 37"					F-48-65-C
bản Nong Mòn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 41"	104° 10' 09"					F-48-65-C
bản Nong Te	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 39"	104° 12' 08"					F-48-65-C
huổi Phách	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 09' 35"	104° 07' 24"	21° 09' 39"	104° 06' 38"	F-48-65-C
bản Phiêng Hỳ	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 09' 08"					F-48-65-C
bản Phiêng Nậm	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 03"	104° 10' 16"					F-48-65-C
núi Pù Huốt	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 02"	104° 08' 30"					F-48-65-C
huổi Púng	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 08' 26"	104° 10' 28"	21° 08' 15"	104° 10' 03"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pưng	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 07"	104° 07' 07"	21° 09' 05"	104° 08' 17"	F-48-65-C
huổi Pút	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 17"	104° 12' 39"	21° 11' 08"	104° 11' 44"	F-48-65-C
tiểu khu Quyết Thắng	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 37"	104° 10' 36"					F-48-65-C
núi Sáy Nhọc	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 04"	104° 06' 55"					F-48-65-C
núi Sọt	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 08' 03"					F-48-65-C
núi Ta Nghè	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 10' 58"					F-48-65-C
bản Tân Quế	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 48"	104° 11' 00"					F-48-65-C
núi Tha Lay	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 28"	104° 07' 33"					F-48-65-C
tiểu khu Thống Nhất	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 03"	104° 11' 13"					F-48-65-C
nông trường Tô Hiệu	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 33"	104° 10' 06"					F-48-65-C
núi Ủng Hắc	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 52"	104° 10' 22"					F-48-65-C
bản Xuân Quế	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 37"	104° 11' 48"					F-48-65-C
tiểu khu 10	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 10"	104° 03' 46"					F-48-65-C
tiểu khu 12	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	104° 04' 46"					F-48-65-C
đường tỉnh 110	KX	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 14' 41"	104° 06' 36"	21° 12' 57"	104° 09' 25"	F-48-65-C
bản 428	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 40"	104° 05' 57"					F-48-65-C
bản Bả Củ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	104° 02' 20"					F-48-65-C
núi Bá Pao	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 05' 41"					F-48-65-C
nậm Bàn	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 10' 47"	104° 05' 43"	21° 11' 49"	104° 05' 45"	F-48-65-C
núi Bàng Puốc	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 36"	104° 05' 32"					F-48-65-C
yên ngựa Bóng Hòa	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 28"	104° 01' 00"					F-48-65-C
núi Bóng Nọt	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 15"	104° 01' 08"					F-48-65-C
núi Chai Ngò	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 58"	104° 08' 54"					F-48-65-C
núi Công Trình	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 21"	104° 07' 06"					F-48-65-C
bản Dồm	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 16"	104° 06' 45"					F-48-65-C
núi Đung Lang	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 03' 33"					F-48-65-C
núi Hin Mong	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 14' 08"	104° 08' 23"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Búng	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 10"	104° 04' 03"					F-48-65-C
núi Huổi Búng	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 45"	104° 04' 22"					F-48-65-C
núi Huổi Ơ	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 22"	104° 09' 07"					F-48-65-C
núi Kéo Cong	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 15"	104° 04' 56"					F-48-65-C
nậm Kiềng	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 08' 58"	104° 03' 09"	21° 10' 47"	104° 05' 43"	F-48-65-C
bản Long Khoang	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 20"	104° 04' 33"					F-48-65-C
bản Lót	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 46"	104° 02' 15"					F-48-65-C
núi Mạ Con	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 30"	104° 05' 21"					F-48-65-C
bản Nà Ban	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 42"	104° 05' 16"					F-48-65-C
bản Nà Hạ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 25"	104° 03' 41"					F-48-65-C
bản Nà Hén	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 41"	104° 02' 03"					F-48-65-C
bản Nà Nghè	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 12"	104° 02' 29"					F-48-65-C
tiểu khu Nà Sản	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 14"	104° 03' 00"					F-48-65-C
bản Nà Sẳng	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 59"	104° 05' 54"					F-48-65-C
bản Nà Sy	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 11"	104° 02' 30"					F-48-65-C
bản Nậm Lạ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 52"	104° 05' 22"					F-48-65-C
núi Nậm Tam	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 12"	104° 05' 54"					F-48-65-C
bản Nong Xôm	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 22"	104° 03' 37"					F-48-65-C
núi Pá Vạ	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 54"	104° 06' 32"					F-48-65-C
núi Pha Đươn	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 01"	104° 02' 48"					F-48-65-C
bản Phiêng Lặp	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 50"	104° 04' 50"					F-48-65-C
bản Phiêng Sày	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 04' 26"					F-48-65-C
núi Pó Tòng	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 44"	104° 08' 48"					F-48-65-C
bản Pú Ngỗ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 55"	104° 01' 38"					F-48-65-C
phu Sang	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	104° 07' 02"					F-48-65-C
phu Sung	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 51"	104° 06' 46"					F-48-65-C
hồ Tiền Phong	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 36"	104° 03' 13"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu Tiền Phong 1	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 57"	104° 02' 21"					F-48-65-C
tiểu khu Tiền Phong 2	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 56"	104° 02' 43"					F-48-65-C
núi Tô Hiệu	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 02' 47"					F-48-65-C
bản Bằng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 21"	104° 02' 06"					F-48-65-A
bản Bó	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 18"	104° 02' 11"					F-48-65-A
suối Bó Họ	TV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn			21° 14' 37"	104° 01' 37"	21° 15' 46"	104° 02' 56"	F-48-65-A, F-48-65-C
bản Cắp	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 01' 40"					F-48-65-C
bản Chu Văn Thịnh	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 13"	104° 02' 29"					F-48-65-A
núi Co Muông	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 17"	104° 02' 55"					F-48-65-A
bản Co Trai	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 58"	104° 03' 07"					F-48-65-A
núi Đán Đanh	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 23"	104° 04' 02"					F-48-65-A
núi Đán Xi	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 22' 00"	104° 00' 56"					F-48-65-A
bản Giàn	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 16"	104° 03' 47"					F-48-65-A
bản Hào	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 19"	104° 01' 55"					F-48-65-A
bản Hin Hụm	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 00"	104° 02' 42"					F-48-65-A
núi Huôi Mô	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 52"	104° 00' 36"					F-48-65-A
bản Ít Có	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 20' 24"	104° 01' 03"					F-48-65-A
núi Lán Khôn	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 58"	103° 59' 25"					F-48-64-B
núi Lán Lắm	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	104° 02' 13"					F-48-65-C
bản Liềng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 45"	104° 01' 43"					F-48-65-A
bản Lương	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 59"	104° 00' 42"					F-48-65-A
bản Mai Châu	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 16"	104° 03' 29"					F-48-65-A
bản Mạt	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 43"	104° 00' 11"					F-48-65-A
bản Mé	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 28"	104° 01' 09"					F-48-65-A
bản Mời	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 11"	104° 00' 30"					F-48-65-A
bản Nà Hoi	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 43"	104° 02' 25"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ỏ	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 11"	104° 02' 50"					F-48-65-A
suối Nặm Pàn	TV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn			21° 15' 21"	104° 03' 25"	21° 21' 26"	104° 00' 17"	F-48-65-A
bản Nong Bon	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 38"	104° 03' 27"					F-48-65-A
núi Nong Phăm	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 46"	104° 01' 29"					F-48-65-A
núi Pha Man	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 34"	103° 59' 59"					F-48-65-A
bản Phang	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 49"	104° 01' 46"					F-48-65-A
bản Sẳng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 05"	104° 01' 36"					F-48-65-A
bản Tằn Pầu	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 05"	104° 02' 19"					F-48-65-A
núi Tre Xả	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 17"	104° 00' 20"					F-48-65-A
núi Xen Đình	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 13"	103° 59' 50"					F-48-64-B
bản Xùm	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 26"	104° 01' 04"					F-48-65-A
tiểu khu 16	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 21"	104° 05' 15"					F-48-65-C
đường tỉnh 671	KX	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 13' 02"	104° 05' 23"	21° 14' 14"	104° 04' 49"	F-48-65-C
núi Bá Pao	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 59"	104° 06' 00"					F-48-65-A
bản Bó Định	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 55"	104° 03' 33"					F-48-65-C
núi Bó Họ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 02"	104° 01' 41"					F-48-65-C
núi Bỏ Hum	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 16"	104° 03' 35"					F-48-65-A
bản Bon	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 03"	104° 02' 59"					F-48-65-C
núi Cang Chung	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 59"	104° 03' 17"					F-48-65-C
núi Chén Hường	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 12"	104° 03' 08"					F-48-65-C
núi Co Mười	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 35"	104° 04' 48"					F-48-65-C
núi Co Ngoa	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 16' 18"	104° 05' 58"					F-48-65-A
núi Đen Đin	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 36"	104° 02' 35"					F-48-65-C
bản Đoàn Kết	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	104° 02' 52"					F-48-65-C
suối Hom Tát	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 16' 07"	104° 04' 55"	21° 15' 13"	104° 03' 58"	F-48-65-A
núi Huổi Ban	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 56"	104° 02' 14"					F-48-65-C
núi Huổi Đưu	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 57"	104° 04' 44"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Huổi Mé	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 02' 53"					F-48-65-C
núi Khinh Cánh	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 13"	104° 04' 35"					F-48-65-A
núi Lắc Cờ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 49"	104° 01' 52"					F-48-65-C
bản Lắm Cút	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 31"	104° 02' 41"					F-48-65-C
bản Mai Tiên	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 39"	104° 03' 31"					F-48-65-C
bản Mé	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 18"	104° 03' 35"					F-48-65-C
suối Nà Hường	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 14' 27"	104° 06' 14"	21° 16' 07"	104° 04' 55"	F-48-65-A, F-48-65-C
bản Nà Viền	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 46"	104° 04' 53"					F-48-65-C
bản Ỏ	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 32"	104° 03' 23"					F-48-65-C
nậm Pàn	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 12' 57"	104° 05' 08"	21° 15' 21"	104° 03' 25"	F-48-65-C
bản Rừng Thông	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 33"	104° 05' 12"					F-48-65-A
suối Tà Mường	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 13' 44"	104° 02' 06"	21° 14' 43"	104° 04' 09"	F-48-65-C
bản Ta Sinh	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 13"	104° 02' 32"					F-48-65-C
bản Tà Xa	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 00"	104° 04' 13"					F-48-65-A
phu Tắc Cờ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 43"	104° 04' 56"					F-48-65-C
bản Tiến Xa	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 32"	104° 03' 54"					F-48-65-A
bản Tra	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 13"	104° 03' 58"					F-48-65-C
núi U Nỏ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 02"	104° 03' 12"					F-48-65-C
bản Un	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 59"	104° 03' 46"					F-48-65-C
bản Xa Căn	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	104° 04' 04"					F-48-65-C
núi Xăm Luận	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 48"	104° 03' 35"					F-48-65-C
núi Yai Nọi	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 30"	104° 02' 47"					F-48-65-C
Trạm Thủy văn Bản Đen	KX	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 07"	103° 51' 43"					F-48-64-B
bản Bó Luồng	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 34"	103° 50' 59"					F-48-64-D
bản Bông	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 30"	103° 49' 30"					F-48-64-B
bản Cang Mường	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	103° 50' 42"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chằm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 34"	103° 50' 46"					F-48-64-B
nậm Chanh	TV	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn			21° 12' 37"	103° 49' 19"	21° 15' 06"	103° 52' 11"	F-48-64-D, F-48-64-B
bản Đen	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 45"	103° 51' 19"					F-48-64-D
bản Hịa	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 48"	103° 50' 05"					F-48-64-D
bản Hỏm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 16' 04"	103° 50' 02"					F-48-64-B
bản Lọng Nặm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 17"	103° 49' 51"					F-48-64-B
bản Lọng Nghịu	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Lọng Trạng	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	103° 50' 56"					F-48-64-D
bản Nà Cà	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 36"	103° 50' 05"					F-48-64-B
bản Nong Ke	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 43"	103° 51' 27"					F-48-64-D
bản Nong Ten	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	103° 50' 38"					F-48-64-D
bản Phúc Lợi	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 52"	103° 50' 21"					F-48-64-B
bản Pom Sản	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 23"	103° 50' 19"					F-48-64-B
bản Pon	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 15"	103° 51' 02"					F-48-64-B
đường tỉnh 110	KX	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 13' 05"	104° 06' 37"	21° 13' 29"	104° 11' 46"	F-48-65-A, F-48-65-C
tiểu khu 7 Sông Lô	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 42"	104° 06' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 8 Nà Bó	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 01"	104° 08' 45"					F-48-65-C
núi Cài Nhương	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 30"	104° 08' 48"					F-48-65-C
suối Căm	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 13' 48"	104° 09' 49"	21° 13' 32"	104° 11' 47"	F-48-65-C
bản Cáp Na	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 31"	104° 10' 14"					F-48-65-C
đèo Chẹn	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 11' 13"	104° 13' 30"					F-48-65-C
núi Chồm Xe	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 42"	104° 10' 07"					F-48-65-C
bản Hong Sàn	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	104° 09' 28"					F-48-65-C
bản Huổi Cao	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	104° 10' 46"					F-48-65-C
suối Huổi Dâng	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 11' 08"	104° 12' 13"	21° 11' 33"	104° 11' 40"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Dương	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 11' 52"					F-48-65-C
núi Lạc Ken	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 11' 33"	104° 13' 01"					F-48-65-C
núi Long	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 09' 51"					F-48-65-C
bản Nà Bó	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 32"	104° 08' 31"					F-48-65-C
hồ Nà Bó	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 13"	104° 08' 33"					F-48-65-C
bản Nà Ca	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 19"	104° 07' 58"					F-48-65-C
bản Nà Đươi	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 09"	104° 09' 05"					F-48-65-C
bản Nà Hường	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 50"	104° 06' 57"					F-48-65-C
suối Nà Hường	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 12' 37"	104° 08' 02"	21° 14' 27"	104° 06' 14"	F-48-65-C
bản Nà Pát	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	104° 07' 56"					F-48-65-C
suối Nà Săng	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 09' 06"	104° 06' 32"	21° 10' 47"	104° 05' 43"	F-48-65-C
suối Nậm Sản	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 11' 17"	104° 11' 45"	21° 13' 04"	104° 12' 16"	F-48-65-C
núi Noi Uất	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 06"	104° 08' 53"					F-48-65-C
bản Pá Đông	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	104° 10' 02"					F-48-65-C
núi Pù Tền	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 10' 19"					F-48-65-A
bản Sản	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 17"	104° 11' 49"					F-48-65-C
bản Thành Công	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 10"	104° 08' 23"					F-48-65-C
bản Tong Tải	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 15' 28"	104° 09' 15"					F-48-65-A
núi Ưng Hạc	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 41"	104° 10' 57"					F-48-65-C
quốc lộ 4G	KX	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 07' 40"	104° 00' 06"	21° 01' 03"	103° 58' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
huổi A Lằng	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 05' 00"	103° 58' 27"	21° 03' 59"	103° 58' 15"	F-48-64-D
núi Co Cang	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 18"	103° 56' 24"					F-48-64-D
phu Co Vay	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 06' 36"	104° 01' 58"					F-48-65-C
bản Hát Sét	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 01' 54"	103° 58' 47"					F-48-64-D
bản Hin Đón	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 06' 11"	104° 01' 01"					F-48-65-C
bản Huổi Kẹt	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 01' 38"	103° 58' 01"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Huổi Nhương	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 30"	103° 55' 06"					F-48-64-D
huổi Kẹt	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 00' 54"	103° 57' 38"	21° 01' 12"	103° 58' 44"	F-48-64-D
nậm Lanh	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 05' 17"	103° 57' 10"	21° 04' 16"	103° 57' 40"	F-48-64-D
nặm Lẹ	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 04' 48"	104° 00' 32"	21° 01' 54"	103° 58' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
huổi Lu Bung	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 02' 53"	104° 00' 46"	21° 02' 54"	104° 00' 01"	F-48-65-C
bản Lụng Cuông	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 03' 17"	103° 54' 19"					F-48-64-D
bản Nà Hạ	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 03' 40"	104° 00' 08"					F-48-65-C
bản Nà Ớt	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 02' 47"	103° 59' 53"					F-48-64-D
bản Nà Un Trong	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 01' 12"	104° 00' 15"					F-48-65-C
bản Nậm Lanh	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 43"	103° 57' 39"					F-48-64-D
bản Ọ Lọ	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 52"	104° 00' 36"					F-48-65-C
núi Ổng Thơ	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 08"	104° 01' 08"					F-48-65-C
bản Pá Khoang	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	103° 59' 51"					F-48-64-D
pu Pá Lau	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 23"	103° 55' 29"					F-48-64-D
núi Pá Pau	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 20"	103° 54' 35"					F-48-64-D
pu Pao	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 08' 31"	103° 55' 36"					F-48-64-D
núi Pom Huổi Luông	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	104° 01' 49"					F-48-65-C
núi Púng Cọ	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	103° 58' 06"					F-48-64-D
suối Sà Vịt	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 04' 16"	103° 56' 04"	21° 03' 49"	103° 58' 15"	F-48-64-D
bản Sum Hom	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 56"	103° 59' 38"					F-48-64-D
núi Sum Hom	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 06' 06"	103° 59' 04"					F-48-64-D
phu Sút	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 01' 47"	104° 00' 30"					F-48-65-C
nậm Sút	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 02' 11"	104° 02' 14"	21° 01' 09"	104° 00' 12"	F-48-65-C
núi Thằm Cọ	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	103° 48' 50"					F-48-64-D
bản Trạm Cọ	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 06' 56"	104° 00' 35"					F-48-65-C
huổi Xà Kia	TV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn			21° 04' 58"	103° 59' 10"	21° 03' 35"	103° 58' 37"	F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Xà Kìa	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 07"	103° 58' 46"					F-48-64-D
bản Xà Vịt	DC	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 04' 25"	103° 55' 58"					F-48-64-D
pu Xám Sẩu	SV	xã Nà Ớt	H. Mai Sơn	21° 05' 51"	103° 58' 22"					F-48-64-D
bản An Mạ	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 39"	103° 53' 19"					F-48-64-D
núi An Mạ	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 31"	103° 53' 25"					F-48-64-D
huổi Báo Sao	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 08' 28"	103° 55' 18"	21° 06' 49"	103° 56' 02"	F-48-64-D
bản Bon Chỏ	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 24"	103° 53' 42"					F-48-64-D
suối Bon Chỏ	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 03' 04"	103° 54' 01"	21° 04' 04"	103° 53' 52"	F-48-64-D
bản Co Muông	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 51"	103° 56' 32"					F-48-64-D
pu Co Vay	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 14"	103° 53' 38"					F-48-64-D
bản Củ	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 04"	103° 51' 14"					F-48-64-D
huổi Củ	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 05' 53"	103° 51' 09"	21° 07' 08"	103° 50' 55"	F-48-64-D
pu Đông Bai	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 09' 57"	103° 53' 52"					F-48-64-D
bản Hua Nà	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 34"	103° 52' 35"					F-48-64-D
suối Hua Nà	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 08' 25"	103° 53' 22"	21° 07' 34"	103° 51' 30"	F-48-64-D
bản Huổi Nhả	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	103° 48' 57"					F-48-64-D
bản Huổi Nhả Thái	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 07"	103° 50' 26"					F-48-64-D
pu Huổi Phỉ	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 50"	103° 53' 08"					F-48-64-D
bản Huổi Thùng	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 22"	103° 56' 47"					F-48-64-D
bản Huổi Thướn Hơ Mông	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 16"	103° 53' 50"					F-48-64-D
núi Kéo Cưa	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	103° 59' 07"					F-48-64-D
suối Két	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 06' 52"	103° 59' 02"	21° 07' 34"	103° 51' 30"	F-48-64-D
huổi Khỉ Linh	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 07' 19"	103° 55' 01"	21° 06' 14"	103° 55' 08"	F-48-64-D
huổi Khon Kén	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 07' 28"	103° 56' 22"	21° 05' 59"	103° 55' 44"	F-48-64-D
bản Là Va	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 48"	103° 53' 27"					F-48-64-D
suối Lọ Mọ	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 04' 04"	103° 53' 52"	21° 06' 24"	103° 53' 51"	F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lọng Ban	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 17"	103° 47' 17"					F-48-64-D
bản Lọng Hóm	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 47"	103° 52' 09"					F-48-64-D
bản Long Nghịu	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 02"	103° 55' 26"					F-48-64-D
núi Long Ngưu	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 44"	103° 49' 56"					F-48-64-D
huổi Mạt	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 09' 49"	103° 52' 24"	21° 07' 51"	103° 52' 34"	F-48-64-D
bản Nậm Pút	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 09"	103° 50' 49"					F-48-64-D
huổi Nhả	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 04' 57"	103° 49' 53"	21° 07' 04"	103° 50' 34"	F-48-64-D
huổi Nhạp	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 04' 15"	103° 52' 56"	21° 05' 52"	103° 54' 06"	F-48-64-D
bản Nong Nghè	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 05"	103° 49' 45"					F-48-64-D
bản Nong Tầu Mông	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 30"	103° 49' 31"					F-48-64-D
núi Pá Pau	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 08' 13"	103° 52' 02"					F-48-64-D
bản Pá Po	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 45"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Phiêng Mụ	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 39"	103° 51' 21"					F-48-64-D
suối Phiêng Phụ	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 06' 08"	103° 48' 23"	21° 07' 11"	103° 49' 40"	F-48-64-D
bản Phiêng Phụ B	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 01"	103° 48' 34"					F-48-64-D
bản Pu Tậu	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 08' 18"	103° 54' 17"					F-48-64-D
huổi Púa	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 03' 56"	103° 52' 29"	21° 06' 45"	103° 53' 03"	F-48-64-D
bản Tăng Lương	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 14"	103° 55' 02"					F-48-64-D
bản Thẳm Hưn	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 30"	103° 54' 10"					F-48-64-D
núi Thẳm Xưa	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 02' 48"	103° 53' 06"					F-48-64-D
huổi Thùng	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 07' 27"	103° 57' 28"	21° 05' 56"	103° 57' 26"	F-48-64-D
bản Tong Chinh	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 05"	103° 51' 43"					F-48-64-D
bản Xà Liệt	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 53"	103° 47' 17"					F-48-64-D
huổi Xà Liệt	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 06' 59"	103° 46' 35"	21° 07' 08"	103° 50' 55"	F-48-64-D
bản Bom Bít	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 56"	104° 03' 16"					F-48-65-C
phu Cau	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 34"	104° 05' 08"					F-48-65-C
núi Chau Mày	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 58"	104° 04' 25"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phu Chi	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 41"	104° 01' 07"					F-48-65-C
bản Co Hày	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 04' 32"	104° 02' 15"					F-48-65-C
núi Co Hốc	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	20° 59' 52"	104° 07' 24"					F-48-77-A
núi Cô Tong	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 05' 43"	104° 03' 26"					F-48-65-C
bản Đen	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	20° 58' 41"	104° 06' 49"					F-48-77-A
bản Hua Bó	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 17"	104° 04' 37"					F-48-65-C
huổi Hua Pó	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 03' 41"	104° 03' 31"	21° 02' 55"	104° 04' 44"	F-48-65-C
phu Huổi Lót	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 05' 54"	104° 02' 04"					F-48-65-C
bản Kết Hay	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 04' 34"	104° 03' 00"					F-48-65-C
bản Kết Nà	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 26"	104° 04' 31"					F-48-65-C
huổi Kết Nà	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 02' 24"	104° 04' 34"	21° 02' 06"	104° 04' 18"	F-48-65-C
núi Luông	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 04' 36"	104° 01' 15"					F-48-65-C
bản Nà Hiên	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 10"	104° 06' 29"					F-48-65-C
bản Nà Mòn	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 40"	104° 05' 51"					F-48-65-C
bản Nà Phụng Dưới	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 01' 23"	104° 04' 00"					F-48-65-C
bản Nà Pồng	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 37"	104° 02' 35"					F-48-65-C
bản Nhụng Trên	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 01' 39"	104° 04' 11"					F-48-65-C
bản Pà Ban	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 15"	104° 03' 22"					F-48-65-C
huổi Pá Hò	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 05' 37"	104° 02' 15"	21° 05' 10"	104° 00' 59"	F-48-65-C
bản Pá Liềng	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 04' 20"	104° 03' 55"					F-48-65-C
bản Pà Nó	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 05' 42"	104° 02' 13"					F-48-65-C
bản Pà Po	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 32"	104° 02' 39"					F-48-65-C
bản Pá Tong	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 41"	104° 03' 38"					F-48-65-C
huổi Pao	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 04' 12"	104° 03' 01"	21° 04' 34"	104° 03' 01"	F-48-65-C
bản Pẻn	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 13"	104° 02' 48"					F-48-65-C
bản Phiêng Khàng	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 00"	104° 06' 51"					F-48-65-C
bản Púng	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 04"	104° 03' 30"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Sờ Dương	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			20° 58' 19"	104° 03' 11"	20° 59' 14"	104° 02' 28"	F-48-77-A
nậm Sút	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 02' 41"	104° 02' 30"	21° 02' 11"	104° 02' 14"	F-48-65-C
bản Ta Lúc	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	20° 59' 13"	104° 06' 36"					F-48-77-A
suối Ta Lúc	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			20° 59' 15"	104° 06' 01"	20° 58' 24"	104° 04' 12"	F-48-77-A
bản Ta Vắt	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 01' 26"	104° 05' 33"					F-48-65-C
suối Ta Vắt	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 00' 45"	104° 07' 04"	20° 59' 14"	104° 02' 28"	F-48-65-C, F-48-77-A
núi Thẩm Phẳng	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 02' 24"	104° 05' 57"					F-48-65-C
bản Thẩm Tau	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 06"	104° 04' 57"					F-48-65-C
huổi Thẩm Tau	TV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn			21° 03' 94"	104° 04' 58"	21° 02' 24"	104° 04' 34"	F-48-65-C
bản Thán	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 35"	104° 04' 35"					F-48-65-C
phu Tùng	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 53"	104° 04' 42"					F-48-65-C
bản Vít	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 00' 22"	104° 05' 02"					F-48-65-C
núi Xá Au	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 00"	104° 06' 26"					F-48-65-C
bản Xà Cành	DC	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 03' 46"	104° 03' 48"					F-48-65-C
phu Xam Xẩu	SV	xã Phiêng Pằn	H. Mai Sơn	21° 01' 04"	104° 02' 48"					F-48-65-C
đường tỉnh 110	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 29"	104° 11' 46"	21° 16' 43"	104° 13' 26"	F-48-65-A, F-48-65-C
bản Bơ	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 04"	104° 10' 03"					F-48-65-A
suối Căm	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 32"	104° 11' 47"	21° 13' 31"	104° 12' 26"	F-48-65-C
sông Đà	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 18' 52"	104° 11' 10"	21° 14' 28"	104° 17' 24"	F-48-65-A, F-48-65-B, F-48-65-D
núi Hạc	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 12"	104° 12' 57"					F-48-65-A
huổi Hạc	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 15' 49"	104° 12' 15"	21° 17' 02"	104° 12' 46"	F-48-65-A
bản Heo	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 14' 58"	104° 16' 24"					F-48-65-D
bản Hộc	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 15"	104° 13' 21"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dãy Huổi Luông	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	104° 13' 23"					F-48-65-C
núi Lan Ao	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 45"	104° 10' 42"					F-48-65-A
bản Luồn	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 14' 29"	104° 16' 47"					F-48-65-D
bản Mòng	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 13' 41"	104° 13' 09"					F-48-65-C
suối Nặm Mòng	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 12' 00"	104° 12' 41"	21° 13' 32"	104° 13' 06"	F-48-65-C
bản Pá Hốc	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	104° 11' 09"					F-48-65-A
núi Pá Kẹ	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 34"	104° 09' 53"					F-48-65-A
bản Pá Nó A	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 13' 45"	104° 13' 50"					F-48-65-D
bản Pơn	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 50"	104° 12' 05"					F-48-65-A
núi Pu Ho	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 51"	104° 09' 11"					F-48-65-A
núi Pù Nà	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 18' 01"	104° 10' 59"					F-48-65-A
bản Pù Tền	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	104° 11' 45"					F-48-65-A
suối Tà Hộc	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 31"	104° 12' 26"	21° 16' 40"	104° 13' 33"	F-48-65-A, F-48-65-C
cảng Tà Hộc	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 43"	104° 13' 30"					F-48-65-A
chợ Tà Hộc	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 38"	104° 13' 38"					F-48-65-A
suối Tà Pơn	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 17' 20"	104° 10' 49"	21° 17' 56"	104° 12' 09"	F-48-65-A
suối Tạ Pung	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 10"	104° 15' 43"	21° 14' 41"	104° 16' 54"	F-48-65-D
tiểu khu 2	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 32"	104° 38' 29"					F-48-78-A
tiểu khu 4	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 52"	104° 38' 19"					F-48-78-A
tiểu khu 5	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 29"	104° 37' 56"					F-48-78-A
tiểu khu 6	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 34"	104° 38' 10"					F-48-78-A
tiểu khu 7	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 46"	104° 37' 56"					F-48-78-A
tiểu khu 8	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 57"	104° 37' 42"					F-48-78-A
tiểu khu 9	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 04"	104° 37' 46"					F-48-78-A
tiểu khu 10	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 10"	104° 37' 18"					F-48-78-A
tiểu khu 11	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 09"	104° 37' 03"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 12	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 08"	104° 36' 53"					F-48-78-A
tiểu khu 13	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 35"	104° 36' 20"					F-48-78-A
tiểu khu 14	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 07"	104° 35' 22"					F-48-78-A
tiểu khu Bản Mòn	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 02"	104° 37' 24"					F-48-78-A
hang Dơi	TV	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 04"	104° 38' 16"					F-48-78-A
tiểu khu 84-85	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 38"	104° 42' 26"					F-48-78-A
tiểu khu Bản Ôn	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 02"	104° 42' 30"					F-48-78-A
tiểu khu Chờ Lồng	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 41"	104° 41' 14"					F-48-78-A
tiểu khu Cờ Đỏ	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 25"	104° 41' 42"					F-48-78-A
núi Cù Quàng Khăm	SV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 57"	104° 43' 05"					F-48-78-A
tiểu khu Mía Đường	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 11"	104° 40' 52"					F-48-78-A
tiểu khu Pa Khen 1	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 09"	104° 40' 31"					F-48-78-A
tiểu khu Pa Khen 3	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 52"	104° 40' 12"					F-48-78-A
núi Păng Chồ Mường	SV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 11"	104° 42' 35"					F-48-78-A
suối Phiêng Cành	TV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu			20° 52' 46"	104° 39' 45"	20° 53' 59"	104° 38' 33"	F-48-78-A
tiểu khu Tà Loọng	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 34"	104° 40' 40"					F-48-78-A
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 52' 38"	104° 35' 13"	20° 55' 12"	104° 28' 39"	F-48-78-A, F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cà Rào	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 52' 53"	104° 34' 05"	20° 53' 24"	104° 33' 18"	F-48-78-A
bản Chiềng Pằn	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 17"	104° 29' 56"					F-48-77-B
bản Cò Lìu	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 52"	104° 31' 32"					F-48-78-A
núi Hang Chướng	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 34"	104° 33' 06"					F-48-78-A
núi Hay Năm	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 57' 05"	104° 30' 15"					F-48-78-A
núi Kéo Lý	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 16"	104° 33' 40"					F-48-78-A
núi Khay Chè	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 18"	104° 33' 57"					F-48-78-A
núi Ngựa Ranh Giới	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 57' 03"	104° 30' 42"					F-48-78-A
bản Pá Phang	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 27"	104° 33' 48"					F-48-78-A
núi Pha Mon	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 52"	104° 29' 28"					F-48-77-B
suối Phay	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 54' 39"	104° 28' 26"	20° 54' 59"	104° 28' 47"	F-48-77-B
bản Piềng Lán	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 09"	104° 33' 13"					F-48-78-A
suối Sập	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 53' 24"	104° 33' 18"	20° 55' 10"	104° 28' 40"	F-48-78-A, F-48-77-B
bản Ta Niết	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 05"	104° 30' 59"					F-48-78-A
bản Tà Số	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 33' 14"					F-48-78-A
bản Tán Thuật	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 29' 21"					F-48-77-B
bản Tát Ngoãng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 07"	104° 34' 16"					F-48-78-A
bản Tày Hưng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 54"	104° 33' 16"					F-48-78-A
bản Tong Hán	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 34"	104° 32' 57"					F-48-78-A
bản Cang	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 06"	104° 27' 13"					F-48-77-B
bản Căng Ty	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 47' 19"	104° 28' 02"					F-48-77-B
suối Co Păm	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 53"	104° 30' 46"	20° 50' 50"	104° 32' 08"	F-48-78-A
suối Đan	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 47' 24"	104° 28' 09"	20° 49' 02"	104° 28' 50"	F-48-77-B
núi Đây Hun	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 30' 58"					F-48-78-A
núi Đin Tách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 07"	104° 30' 59"					F-48-78-A
suối Đon	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 49' 02"	104° 28' 50"	20° 50' 04"	104° 27' 17"	F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Giăng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 48' 02"	104° 25' 17"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pu Khem	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 31' 34"					F-48-78-A
suối Khứa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 04"	104° 27' 17"	20° 50' 58"	104° 30' 36"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Khừa	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 18"	104° 27' 18"					F-48-77-B
suối Khừa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 49' 57"	104° 26' 31"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pa Mương	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 17"	104° 30' 26"					F-48-78-A
bản Ông Lý	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 09"	104° 29' 30"					F-48-77-B
núi Pạ Chiệng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 30"	104° 28' 04"					F-48-77-B
núi Pa Trán	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 57"	104° 31' 58"					F-48-78-A
núi Pa Xắng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 49"	104° 26' 13"					F-48-77-B
bản Phách	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 26' 32"					F-48-77-B
suối Sa Lố	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 48' 22"	104° 28' 06"	20° 48' 26"	104° 28' 41"	F-48-77-B
suối Sắng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 19"	104° 25' 27"	20° 49' 57"	104° 26' 31"	F-48-77-B
núi Ten Phách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 27' 06"					F-48-77-B
núi Tiến Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 06"	104° 28' 24"					F-48-77-B
bản Tòng	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 27' 16"					F-48-77-B
bản Trọng	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 48' 04"	104° 25' 23"					F-48-77-B
bản Xa Lú	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 35"	104° 27' 54"					F-48-77-B
núi Xe Tê Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 08"	104° 27' 56"					F-48-77-B
tiểu khu 1	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 17"	104° 35' 24"					F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 13"					F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 44"					F-48-78-A
tiểu khu 4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 36' 00"					F-48-78-A
tiểu khu 5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 14"	104° 35' 54"					F-48-78-A
tiểu khu 6	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 07"	104° 36' 26"					F-48-78-A
tiểu khu 7	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 36' 53"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 8	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 00"	104° 38' 01"					F-48-78-C
tiểu khu 9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 51"	104° 39' 01"					F-48-78-C
tiểu khu 10	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 15"	104° 35' 34"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 47' 34"	104° 35' 00"	20° 45' 57"	104° 32' 46"	F-48-78-A
tiểu khu 3-2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 41"	104° 34' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 30-4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 23"	104° 36' 01"					F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 34' 05"					F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 58"	104° 34' 55"					F-48-78-A
tiểu khu 2-9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 59"	104° 35' 36"					F-48-78-C
núi Cổng Trời	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 34"	104° 37' 58"					F-48-78-A
bản Hin Pén	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 33"	104° 35' 04"					F-48-78-C
núi Khu Mền	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 48' 38"	104° 33' 55"					F-48-78-A
dốc Nà Tén	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 15"	104° 37' 10"					F-48-78-C
núi Pa Lay	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 47' 07"	104° 35' 30"					F-48-78-A
bản Pha Luông	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 33"	104° 35' 53"					F-48-78-C
núi Pha Luông	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 41' 20"	104° 37' 50"					F-48-78-C
suối Quanh	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 43' 39"	104° 37' 46"	20° 43' 39"	104° 39' 13"	F-48-78-C
suối Sập	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 45' 58"	104° 32' 46"	20° 47' 35"	104° 34' 59"	F-48-78-A
bản Suối Thín	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 24"	104° 36' 48"					F-48-78-C
suối Thín	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 41' 13"	104° 35' 59"	20° 43' 39"	104° 37' 46"	F-48-78-C
quốc lộ 6	KX	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 51"	104° 39' 28"	20° 50' 46"	104° 38' 57"	F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 40"	104° 37' 54"					F-48-78-A
bản Áng 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 23"	104° 37' 24"					F-48-78-A
bản Áng 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 32"	104° 37' 36"					F-48-78-A
bản Áng 3	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 41"	104° 37' 45"					F-48-78-A
bản Búa	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 04"	104° 38' 38"					F-48-78-A
bản Chăm Cháy	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 34"	104° 39' 03"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Co Muống	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 24"	104° 37' 39"					F-48-78-A
núi Co Phay	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 59"	104° 36' 27"					F-48-78-A
bản Co Xung	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 18"	104° 39' 13"					F-48-78-A
bản Cóc	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 54"	104° 39' 50"					F-48-78-A
suối Môn	TV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 30"	104° 39' 22"	20° 49' 48"	104° 38' 10"	F-48-78-A
bản Pa Phách 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 12"	104° 40' 08"					F-48-78-A
bản Pa Phách 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 23"	104° 41' 10"					F-48-78-A
núi Phạ Xánh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 29"	104° 39' 49"					F-48-78-A
núi Pu Huốt	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 29"	104° 37' 45"					F-48-78-A
núi Sơ Linh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 14"	104° 41' 56"					F-48-78-A
bản Tự Nhiên	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 01"	104° 38' 04"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 54' 33"	104° 45' 13"	20° 52' 29"	104° 46' 53"	F-48-78-B
núi Ba Hoi	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 46' 47"					F-48-78-B
bản Bó Hiềng	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 06"	104° 47' 14"					F-48-78-B
núi Cây Nhãn	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 18"	104° 46' 56"					F-48-78-B
bản Chiềng Cang	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 06"	104° 45' 21"					F-48-78-B
suối Đôn	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 24"	104° 45' 19"	20° 54' 34"	104° 45' 14"	F-48-78-B
suối Giăng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 52' 31"	104° 47' 39"	20° 55' 43"	104° 44' 28"	F-48-78-B, F-48-78-A
suối Huộc	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 56' 08"	104° 47' 37"	20° 54' 57"	104° 45' 08"	F-48-78-B
xóm Huổi Hiêng	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 36"	104° 44' 06"					F-48-78-A
bản Km 16	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 45"	104° 46' 30"					F-48-78-B
xóm Lòng Hồ	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 52"	104° 44' 12"					F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 23"	104° 44' 35"					F-48-78-A
bản Nà Bó 2	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 49"	104° 44' 00"					F-48-78-A
bản Nà Sài	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 18"	104° 44' 52"					F-48-78-A
bản Pa Đì	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 20"	104° 48' 22"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Láy	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 45' 11"					F-48-78-B
núi Pu Tên	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 40"	104° 48' 40"					F-48-78-B
mỏm Sán Co Pang	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 25"	104° 48' 55"					F-48-78-B
núi Sì Lì	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 12"	104° 45' 32"					F-48-78-B
bản Sôi	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 44"	104° 48' 04"					F-48-78-B
bản Suối Ba	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 35"	104° 46' 05"					F-48-78-B
bản Suối Đôn	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 36"	104° 45' 01"					F-48-78-B
bản Suối Ngõa	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 20"	104° 47' 06"					F-48-78-B
suối Vừng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 47"	104° 48' 27"	20° 55' 20"	104° 46' 17"	F-48-78-B
quốc lộ 43	KX	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 45' 57"	104° 32' 46"	20° 43' 55"	104° 30' 50"	F-48-78-A, F-48-78-C
bản A Lá	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 29' 45"					F-48-77-D
suối A Má	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 19"	104° 31' 08"	20° 46' 58"	104° 33' 56"	F-48-78-A
bản A Má 1	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 30"	104° 31' 53"					F-48-78-A
bản A Má 2	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 23"	104° 32' 11"					F-48-78-A
suối Bó Ngong	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 46' 39"	104° 31' 21"	20° 46' 30"	104° 32' 56"	F-48-78-A
bản Bó Sặp	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 30"	104° 31' 28"					F-48-78-C
núi Buốc Mụ	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 56"	104° 32' 20"					F-48-78-A
bản Buốc Quạng	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 25"	104° 29' 18"					F-48-77-B
bản Cọ Cháy	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 53"	104° 30' 36"					F-48-78-A
núi Đương Đông	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 49' 05"	104° 32' 00"					F-48-78-A
bản Hóng Húa	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 42"	104° 29' 45"					F-48-77-B
suối Hóng Húa	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 08"	104° 28' 13"	20° 47' 19"	104° 31' 08"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Mường Bó	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 53"	104° 32' 11"					F-48-78-A
bản Phạ Đoán	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 48' 39"	104° 29' 48"					F-48-77-B
bản Phạ Nhên	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 32"	104° 29' 50"					F-48-77-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phát	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 03"	104° 32' 12"					F-48-78-A
bản Phiệng Cai	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 43' 10"	104° 30' 03"					F-48-78-C
bản Pu Nhan	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 45"	104° 29' 39"					F-48-77-B
nậm Sập	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 43' 29"	104° 32' 48"	20° 44' 56"	104° 32' 13"	F-48-78-C
núi Suối Ổm	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 41"	104° 33' 29"					F-48-78-A
suối Ưng	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 48' 25"	104° 30' 15"	20° 48' 08"	104° 32' 29"	F-48-78-A
tiểu khu 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 35"	104° 35' 34"					F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 35' 53"					F-48-78-A
quốc lộ 6	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 52' 20"	104° 35' 19"	20° 52' 38"	104° 35' 13"	F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 51' 02"	104° 36' 47"	20° 47' 34"	104° 35' 00"	F-48-78-A
bản An Thái	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 57"	104° 35' 52"					F-48-78-A
bản Bãi Sậy	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 35' 45"					F-48-78-A
núi Cọ Băn	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 30"	104° 32' 29"					F-48-78-A
núi Hin Cáp	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 10"	104° 35' 38"					F-48-78-A
núi Khụ Mền	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 21"	104° 34' 50"					F-48-78-A
bản Là Ngà 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 19"	104° 36' 27"					F-48-78-A
bản Là Ngà 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 32"					F-48-78-A
bản Lùn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 06"					F-48-78-A
núi Mu Náu	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 52' 04"	104° 38' 20"					F-48-78-A
suối Nà Bó	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 13"	104° 35' 54"	20° 49' 24"	104° 35' 30"	F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 54"	104° 36' 23"					F-48-78-A
bản Nà Bó 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 44"	104° 36' 45"					F-48-78-A
núi Nhúng	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 13"	104° 38' 06"					F-48-78-A
núi Pa Kến	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 34' 18"					F-48-78-A
núi Pá Puốc	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 19"	104° 35' 36"					F-48-78-A
núi Pha Ché	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 10"	104° 37' 41"					F-48-78-A
núi Pha Đáng	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 23"	104° 37' 05"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sặn Nốc Kếch	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 15"	104° 36' 02"					F-48-78-A
suối Sập	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 47' 35"	104° 34' 59"	20° 51' 15"	104° 34' 02"	F-48-78-A
bản Sò Lườn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 36"	104° 36' 17"					F-48-78-A
bản Thái Hưng	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 30"	104° 35' 59"					F-48-78-A
bản Vặt	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 12"	104° 35' 53"					F-48-78-A
núi Yên Ngựa	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 34' 41"					F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 14"	104° 43' 05"					F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 59' 35"	104° 42' 15"	20° 56' 55"	104° 43' 09"	F-48-78-A
bản Đoàn Kết	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 45"	104° 44' 34"					F-48-78-A
suối Đôn	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 55' 04"	104° 43' 53"	20° 55' 56"	104° 43' 59"	F-48-78-A
suối Giăng	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 55' 43"	104° 44' 28"	20° 59' 39"	104° 42' 49"	F-48-78-A
bản Kè Tèo	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 39"	104° 42' 42"					F-48-78-A
Công ty Lâm nghiệp Mộc Sơn	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 53"	104° 42' 37"					F-48-78-A
bản Nà Mường 1	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 43' 42"					F-48-78-A
bản Nà Mường 2	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 00"	104° 43' 51"					F-48-78-A
bản Pa Lay	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 38"	104° 42' 55"					F-48-78-A
bản Phiềng Toòng	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 42' 59"					F-48-78-A
bản Pưa Pai	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 45"	104° 43' 58"					F-48-78-A
bản Sằm Nằm	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 08"	104° 42' 16"					F-48-78-A
bản Sì Lì	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 44' 36"					F-48-78-A
suối Sỳ Hỳ	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 56' 22"	104° 44' 45"	20° 55' 59"	104° 44' 19"	F-48-78-A
bản Tân Ca	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 15"	104° 42' 58"					F-48-78-A
suối Tếnh	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 58' 38"	104° 44' 33"	20° 58' 40"	104° 43' 05"	F-48-78-A
Thống Nhất	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 50"	104° 44' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 32	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 39' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 40	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 10"	104° 40' 39"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 43	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu			20° 49' 22"	104° 43' 39"	20° 50' 49"	104° 47' 07"	F-48-78-A, F-48-78-B
tiểu khu 64	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 59"	104° 43' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 66	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 42' 02"					F-48-78-A
tiểu khu 67	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 39"	104° 43' 43"					F-48-78-A
tiểu khu 68	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 47"	104° 42' 47"					F-48-78-A
tiểu khu 69	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 24"	104° 41' 19"					F-48-78-A
tiểu khu 70	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 40' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 77	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 46"	104° 40' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 28"	104° 42' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 37"	104° 40' 42"					F-48-78-A
tiểu khu 26-7	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 28"	104° 42' 58"					F-48-78-A
tiểu khu 19-8	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 15"	104° 41' 08"					F-48-78-A
cầu Bản Muống	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 29"	104° 43' 30"					F-48-78-A
tiểu khu Bệnh Viện 1	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 22"	104° 39' 56"					F-48-78-A
tiểu khu Bệnh Viện 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 24"	104° 40' 19"					F-48-78-A
tiểu khu Bó Bun	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 07"	104° 39' 38"					F-48-78-A
tiểu khu Cấp 3	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 49"	104° 40' 55"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 1	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 55"	104° 41' 17"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 08"	104° 41' 27"					F-48-78-A
bản Chiềng Đi	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 41"	104° 41' 56"					F-48-78-A
tiểu khu Hoa Ban	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 06"	104° 42' 46"					F-48-78-A
tiểu khu Khí Tượng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 01"	104° 40' 47"					F-48-78-A
núi Mảy Loi	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 52' 00"	104° 45' 07"					F-48-78-B
nông trường Mộc Châu	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 51"	104° 39' 40"					F-48-78-A
bản Muống	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 19"	104° 44' 25"					F-48-78-A
tiểu khu Nhà Nghỉ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 39"	104° 39' 55"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pa Hốc	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 38"	104° 46' 07"					F-48-78-B
tiểu khu Phiêng Hạ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 41"	104° 44' 22"					F-48-78-A
bản Phiêng Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 46"	104° 43' 56"					F-48-78-A
bản Piềng Sàng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 21"	104° 45' 07"					F-48-78-B
tiểu khu S 89	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 51"	104° 42' 15"					F-48-78-A
bản Suối Khem	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 43"	104° 45' 58"					F-48-78-B
bản Tám Ba	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 57"	104° 45' 01"					F-48-78-B
tiểu khu Thảo Nguyên	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 21"	104° 43' 40"					F-48-78-A
núi Thôm Pốn	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 46"	104° 45' 50"					F-48-78-B
núi Thung Quế	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 16"	104° 44' 15"					F-48-78-A
tiểu khu Tiền Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 10"	104° 41' 44"					F-48-78-A
tiểu khu Vườn Đào	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 52"	104° 40' 51"					F-48-78-A
bản Xồm Lồm	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 05"	104° 44' 02"					F-48-78-A
tiểu khu Xưởng Sữa	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 34"	104° 40' 56"					F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 03' 18"	104° 42' 34"	20° 59' 35"	104° 42' 15"	F-48-66-C-d, F-48-78-A
bản Bến Trai	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 02' 31"	104° 42' 29"					F-48-66-C-d
bản Bó Giàng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 15"	104° 44' 40"					F-48-66-C-d
bản Bó Hoi	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	20° 57' 37"	104° 46' 16"					F-48-78-B
bản Chiềng Khoòng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 38"	104° 42' 26"					F-48-66-C-d
sông Đà	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 02' 57"	104° 41' 46"	21° 02' 49"	104° 45' 47"	F-48-66-C-d, F-48-66-D-c
bản Đồng Giăng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 02' 51"	104° 44' 34"					F-48-66-C-d
suối Giàng	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			20° 58' 46"	104° 44' 20"	21° 02' 26"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d
suối Giăng	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			20° 59' 39"	104° 42' 49"	21° 02' 26"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mát	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 00' 14"	104° 41' 44"	21° 00' 52"	104° 42' 53"	F-48-66-C-d
bản Nà Cung	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 01"	104° 44' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Đưa	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 00"	104° 45' 09"					F-48-66-C-d
bản Nà Giàng 1	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 32"	104° 44' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Quền	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 57"	104° 44' 00"					F-48-66-C-d
bản Suối Giăng 1	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 00"	104° 42' 53"					F-48-66-C-d
bản Suối Giăng 2	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 28"	104° 43' 00"					F-48-66-C-d
núi Tăng Nhằng	SV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 45"	104° 45' 32"					F-48-66-D-c
suối Trai	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 02' 04"	104° 42' 24"	21° 03' 09"	104° 42' 18"	F-48-66-C-d
phà Vạn Yên	KX	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 03' 28"	104° 42' 24"					F-48-66-C-d
bản Vàng Khoài	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 25"	104° 42' 50"					F-48-66-C-d
bản C-5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 15"	104° 40' 22"					F-48-78-A
núi Kè Tèo	SV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 59' 14"	104° 41' 22"					F-48-78-A
bản Lòng Hồ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 01"	104° 41' 15"					F-48-78-A
suối Mõ	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 56' 44"	104° 41' 03"	20° 57' 31"	104° 41' 42"	F-48-78-A
bản Nà Cạn	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 18"	104° 39' 36"					F-48-78-A
bản Nong Cụt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 27"	104° 39' 28"					F-48-78-A
bản Pái Mõ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 05"	104° 39' 54"					F-48-78-A
bản Suối Mõ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 42' 00"					F-48-78-A
suối Tà Lại	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 58' 11"	104° 39' 12"	20° 57' 20"	104° 42' 32"	F-48-78-A
bản Tà Lọt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 07"	104° 40' 03"					F-48-78-A
bản Tháng 5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 43"	104° 40' 33"					F-48-78-A
suối Bưng	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 49"	104° 35' 10"	21° 02' 48"	104° 36' 05"	F-48-66-C-c
bản Cà Đạc	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 34"	104° 34' 02"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 03' 14"	104° 34' 05"	21° 02' 57"	104° 41' 46"	F-48-66-C-c, F-48-66-C-d
suối Hồ	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 03' 19"	104° 33' 24"	21° 03' 14"	104° 34' 05"	F-48-66-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lũng Mú	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 33"	104° 33' 27"					F-48-66-C-c
suối Lũng Mú	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 02' 20"	104° 32' 52"	21° 03' 14"	104° 34' 05"	F-48-66-C-c
bản Nà Mí	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 37' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Mường	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 11"	104° 36' 42"					F-48-66-C-c
bản Nà Sánh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 37"	104° 37' 44"					F-48-78-A
bản Pơ Nang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 50"	104° 35' 16"					F-48-66-C-c
bản Sam Kha	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 53"	104° 36' 29"					F-48-66-C-c
bản Sao Tua	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 40' 49"					F-48-66-C-d
bản Suối Chanh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 12"	104° 38' 01"					F-48-66-C-d
bản Suối Khoang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 19"	104° 35' 53"					F-48-78-A
bản Suối Xáy	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 02"	104° 37' 15"					F-48-66-C-c
bản Tầm Phế	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 11"	104° 38' 44"					F-48-78-A
suối Vua	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 11"	104° 39' 38"	21° 01' 36"	104° 38' 15"	F-48-66-C-d
suối Xáy	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 01' 57"	104° 36' 52"	21° 02' 05"	104° 37' 07"	F-48-66-C-c
tiểu khu 9	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 55"	104° 36' 43"					F-48-78-A
tiểu khu 12	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 47"	104° 37' 14"					F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 26"	104° 38' 16"					F-48-78-A
bản Co Phay	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 55"	104° 35' 37"					F-48-78-A
bản Dọi	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 20"	104° 38' 11"					F-48-78-A
núi Hai Cầu Thang	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 32"	104° 31' 21"					F-48-78-A
bản Hang Cọp	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 21"	104° 37' 27"					F-48-78-A
bản Hoa 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 33"	104° 37' 47"					F-48-78-A
bản Hoa 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 36' 10"					F-48-78-A
núi Keo Co Xe	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 50"	104° 31' 52"					F-48-78-A
bản Khe Pông	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 42"	104° 33' 18"					F-48-78-A
bản Lóng Cóc	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 38"	104° 34' 07"					F-48-78-A
bản Nà	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 51"	104° 33' 49"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Pháy	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 09"	104° 34' 14"					F-48-78-A
núi Ông Bơ	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 43"	104° 38' 43"					F-48-78-A
núi Pha Canh	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 36' 02"					F-48-78-A
suối Phiêng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu			20° 55' 04"	104° 38' 48"	20° 59' 05"	104° 35' 20"	F-48-78-A
bản Phiêng Cành	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 28"	104° 37' 31"					F-48-78-A
suối Phiêng Cành	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu			20° 53' 58"	104° 37' 59"	20° 56' 46"	104° 35' 16"	F-48-78-A
bản Phiêng Đón	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 31"	104° 36' 34"					F-48-78-A
bản Tà Phềnh 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 04"	104° 34' 22"					F-48-78-A
bản Tà Phềnh 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 33' 55"					F-48-78-A
đường tỉnh 106	KX	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 21"	104° 01' 24"	21° 28' 42"	104° 01' 38"	F-48-53-C
bản Chiềng Tè	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 30"	103° 57' 22"					F-48-52-D
bản Co Bay	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 05"	104° 00' 39"					F-48-53-C
bản Cu Lìu	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 53"	104° 00' 41"					F-48-53-C
sông Đà	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 27"	103° 55' 39"	21° 26' 55"	104° 03' 28"	F-48-52-D F-48-64-B F-48-65-A
bản Hua Ít	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 06"	104° 01' 28"					F-48-53-C
bản Hua Nà	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 01"	103° 58' 04"					F-48-52-D
bản Ít Bon	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 28"	104° 00' 23"					F-48-53-C
bản Nà Lo	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 02"	104° 00' 49"					F-48-53-C
bản Nà Lốc	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 43"	104° 01' 37"					F-48-53-C
bản Nà Nong	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 44"	104° 01' 10"					F-48-53-C
bản Nà Tòng	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 29' 56"	103° 59' 09"					F-48-64-B
nậm Păm	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 14"	104° 01' 09"	21° 29' 51"	104° 00' 35"	F-48-53-C F-48-65-A
bản Tìn	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 29' 31"	104° 01' 35"					F-48-65-A
suối Tìn	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 29' 56"	104° 03' 34"	21° 28' 49"	104° 01' 36"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Háng Tang	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 06"	104° 09' 25"	21° 29' 08"	104° 10' 39"	F-48-65-A
bản Háng Trạng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 30' 07"	104° 10' 30"					F-48-53-C
núi Háng Xi	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 44"	104° 15' 23"					F-48-53-D
núi Huổi Chông	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 17"	104° 09' 03"					F-48-65-A
bản Nong Bông	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 14"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Dưới	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 57"	104° 09' 31"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Trên	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 09"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Pá Xá Hồng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 27' 12"	104° 10' 25"					F-48-65-A
núi Tà Chì Nhù	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 16' 29"					F-48-53-D
bản Tạ Pủ Trử	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 32' 03"	104° 14' 43"					F-48-65-A
suối Tích To	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 11"	104° 08' 34"	21° 28' 29"	104° 10' 58"	F-48-65-A
nậm Xá	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 30' 53"	104° 17' 31"	21° 26' 37"	104° 09' 34"	F-48-65-A
bản Xạ Súng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 30' 48"	104° 11' 33"					F-48-65-A
suối Chế Đồng	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 23' 29"	104° 14' 43"	21° 23' 24"	104° 13' 49"	F-48-65-A
bản Chông Dủ Tẩu	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 14' 22"					F-48-65-A
núi Co Sủ	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 25' 41"	104° 11' 58"					F-48-65-A
bản Co Sủ Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 23"	104° 12' 10"					F-48-65-A
bản Co Sủ Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 02"	104° 11' 52"					F-48-65-A
núi Đán Đanh	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 43"	104° 11' 50"					F-48-65-A
bản Đin Lanh	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 21"	104° 11' 20"					F-48-65-A
bản Hán Cá Thịnh	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 29' 57"	104° 14' 08"					F-48-65-A
nậm Hồng	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 47"	104° 14' 53"	21° 27' 12"	104° 10' 28"	F-48-65-A
bản Kéo Hỏm	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 24' 55"	104° 12' 18"					F-48-65-A
bản Kho Lao Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 19"	104° 11' 04"					F-48-65-A
bản Kho Lao Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 45"	104° 11' 52"					F-48-65-A
bản Lọng Bó	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 28"	104° 12' 49"					F-48-65-A
bản Mạo	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 24' 18"	104° 12' 12"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 27' 05"	104° 13' 47"					F-48-65-A
bản Nậm Hồng	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 11' 39"					F-48-65-A
núi Nán Hun	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 22' 51"	104° 12' 08"					F-48-65-A
bản Nong Hùn	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 32"	104° 10' 05"					F-48-65-A
bản Pá Chè	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 56"	104° 13' 54"					F-48-65-A
suối Tả	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 24' 17"	104° 13' 14"	21° 24' 39"	104° 10' 33"	F-48-65-A
bản Tảo Ván	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 01"	104° 13' 31"					F-48-65-A
suối Tin Nông	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 44"	104° 12' 51"	21° 27' 17"	104° 13' 08"	F-48-65-A
bản Tốc Tắt Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 13' 29"					F-48-65-A
bản Tốc Tắt Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 41"	104° 12' 47"					F-48-65-A
suối Tòng Sư	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 46"	104° 13' 26"	21° 26' 52"	104° 14' 03"	F-48-65-A
bản Trung Khùa	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 30' 41"	104° 14' 40"					F-48-53-C
nậm Xá	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 30' 53"	104° 17' 31"	21° 26' 37"	104° 09' 34"	F-48-65-A
bản Áng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 09' 21"					F-48-65-A
núi Cáp Mương	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 29"	104° 06' 45"					F-48-65-A
núi Chăm Cọ	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 06' 05"					F-48-65-A
suối Chan	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 23' 39"	104° 11' 01"	21° 23' 07"	104° 09' 22"	F-48-65-A
bản Chông	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 56"	104° 07' 39"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 26' 21"	104° 06' 22"	21° 21' 50"	104° 10' 11"	F-48-65-A
suối Đán Kỳ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 28' 09"	104° 07' 27"	21° 28' 03"	104° 07' 01"	F-48-65-A
bản Hát Hay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 34"	104° 07' 34"					F-48-65-A
bản Hin Phá	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 03"	104° 10' 19"					F-48-65-A
suối Hin Phá	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 22' 56"	104° 11' 48"	21° 21' 53"	104° 10' 17"	F-48-65-A
huổi Hỏ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 24' 07"	104° 10' 19"	21° 23' 29"	104° 09' 11"	F-48-65-A
núi Huổi Luông	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 28' 46"	104° 08' 29"					F-48-65-A
bản Huổi Pù	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 08' 02"					F-48-65-A
bản Huổi Xưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 43"	104° 09' 13"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 49"	104° 08' 32"					F-48-65-A
bản Nà Cưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 06"	104° 08' 28"					F-48-65-A
bản Nà Lứa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 21"	104° 10' 23"					F-48-65-A
bản Nà Nghịu	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 44"	104° 08' 59"					F-48-65-A
bản Nà Sàng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 02"	104° 09' 31"					F-48-65-A
núi Nán Phải	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 06' 29"					F-48-65-A
bản Nong É	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 05' 44"					F-48-65-A
bản Nong Quang	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 09' 16"					F-48-65-A
bản Nọng Sản	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 54"	104° 07' 36"					F-48-65-A
bản Pha Xe	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 41"	104° 10' 24"					F-48-65-A
bản Pháy Hượn	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 46"	104° 10' 57"					F-48-65-A
núi Phú Quang	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 53"	104° 09' 51"					F-48-65-A
bản Pia	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 46"	104° 08' 27"					F-48-65-A
nậm Pia	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 25' 57"	104° 08' 32"	21° 25' 25"	104° 07' 23"	F-48-65-A
suối Sáng	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 26' 42"	104° 06' 52"	21° 26' 21"	104° 06' 22"	F-48-65-A
bản Tả	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 20"	104° 08' 27"					F-48-65-A
suối Tả	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 24' 39"	104° 10' 33"	21° 24' 17"	104° 07' 42"	F-48-65-A
bản Tà Lành	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 52"	104° 07' 19"					F-48-65-A
suối Tà Lành	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 22' 58"	104° 06' 08"	21° 23' 56"	104° 07' 29"	F-48-65-A
bản Cun	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 00"	103° 54' 35"					F-48-52-D
pu Hen	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 20"	103° 51' 36"					F-48-52-D
suối Huổi Chèo	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 40' 45"	103° 49' 51"	21° 40' 21"	103° 49' 16"	F-48-52-D
núi Huổi Chiếu	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 28"	103° 49' 18"					F-48-52-D
suối Huổi Chúa	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 28"	103° 55' 54"	21° 37' 42"	103° 55' 14"	F-48-52-D
bản Huổi Hậu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 01"	103° 52' 10"					F-48-52-D
suối Huổi Hậu	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 35' 32"	103° 52' 53"	21° 36' 33"	103° 54' 08"	F-48-52-D
suối Huổi La	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 46"	103° 57' 06"	21° 36' 11"	103° 55' 51"	F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Lêm	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 37' 34"	103° 56' 17"	21° 36' 41"	103° 55' 42"	F-48-52-D
suối Huổi Ngần	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 31"	103° 55' 38"	21° 37' 53"	103° 55' 06"	F-48-52-D
suối Huổi Păng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 40"	103° 56' 49"	21° 36' 47"	103° 55' 05"	F-48-52-D
suối Huổi Quảng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 42' 09"	103° 53' 16"	21° 41' 31"	103° 53' 06"	F-48-52-D
bản Huổi Tóng	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 51' 37"					F-48-52-D
bản Lán Én	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 29"	103° 50' 25"					F-48-52-D
núi Lán Én	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 42' 07"	103° 50' 30"					F-48-52-D
bản Lếch	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 47"	103° 53' 46"					F-48-52-D
bản Mạ	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 59"	103° 53' 19"					F-48-52-D
bản Nà Cường	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 53' 13"					F-48-52-D
bản Nà Lếch 1	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 53' 45"					F-48-52-D
bản Nà Lếch 2	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 13"	103° 53' 43"					F-48-52-D
bản Nà Lếch 3	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 04"	103° 53' 51"					F-48-52-D
suối Nậm Mạ	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 39' 02"	103° 50' 48"	21° 39' 51"	103° 51' 11"	F-48-52-D
suối Nậm Mu	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 41' 46"	103° 52' 46"	21° 36' 08"	103° 56' 18"	F-48-52-D
suối Nậm Sàm	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 37' 27"	103° 52' 44"	21° 37' 02"	103° 54' 59"	F-48-52-D
bản Nhạp	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 31"	103° 54' 09"					F-48-52-D
bản Pá Sóng	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 34' 56"	103° 52' 44"					F-48-52-D
núi Pác Các	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 14"	103° 49' 53"					F-48-52-D
bản Pậu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 37' 19"	103° 53' 13"					F-48-52-D
núi Phao Ưng	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 16"	103° 55' 55"					F-48-52-D
bản Phiêng Cại	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 49"	103° 55' 46"					F-48-52-D
bản Phiêng Phả	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 50' 18"					F-48-52-D
núi Phiêng Phả	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 49' 22"					F-48-52-D
bản Tà Sài	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 22"	103° 55' 59"					F-48-52-D
bản Tàng Khẻ	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 55"	103° 53' 10"					F-48-52-D
núi Tàng Khẻ	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 45"	103° 54' 09"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cát Lình	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 09' 03"					F-48-53-C
suối Cát Lình	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 32' 08"	104° 09' 50"	21° 32' 41"	104° 07' 21"	F-48-53-C
suối Chiến	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 35' 13"	104° 08' 16"	21° 29' 37"	104° 05' 19"	F-48-53-C F-48-65-A
suối Háng Đệ Tra	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 33' 19"	104° 10' 44"	21° 33' 14"	104° 08' 20"	F-48-53-C
núi Hát Xi	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 34' 58"	104° 10' 06"					F-48-53-C
bản Hua Chiến	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 42"	104° 08' 05"					F-48-53-C
bản Hua Đán	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 15"	104° 07' 26"					F-48-53-C
bản Hua Kìm	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 18"	104° 09' 10"					F-48-53-C
huổi Huổi Muông	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 03"	104° 07' 04"	21° 30' 24"	104° 05' 40"	F-48-53-C
núi Khau Phong	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 33"	104° 04' 05"					F-48-53-C
suối Lúc	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 29' 39"	104° 08' 12"	21° 28' 02"	104° 06' 39"	F-48-65-A
suối Nậm Kìm	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 59"	104° 10' 02"	21° 31' 04"	104° 06' 00"	F-48-53-C
bản Nong Quài	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 30' 04"	104° 06' 03"					F-48-53-C
bản Pá Kìm	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 14"	104° 06' 48"					F-48-53-C
suối Tát Phạ	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 29' 19"	104° 08' 14"	21° 28' 16"	104° 06' 40"	F-48-65-A
núi Trường Sa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 29' 24"	104° 08' 15"					F-48-65-A
núi Xanh Xa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 28' 58"	104° 07' 53"					F-48-65-A
bản Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 40"	104° 04' 25"					F-48-65-A
suối Chiến	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 29' 37"	104° 05' 19"	21° 28' 18"	104° 01' 59"	F-48-65-A
núi Kéo Ướt	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 06' 42"					F-48-65-A
bản Lâm	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 44"	104° 03' 37"					F-48-65-A
pu Lán Bực	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 29' 27"	104° 06' 38"					F-48-65-A
suối Lúc	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 28' 02"	104° 06' 39"	21° 28' 32"	104° 04' 40"	F-48-65-A
bản Luồng	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 22"	104° 05' 04"					F-48-65-A
bản Nong	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 05' 33"					F-48-65-A
bản Pá Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 42"	104° 02' 22"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Trung San	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 14"	104° 02' 17"					F-48-65-A
bản Ái Ngựa	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 49"	103° 59' 27"					F-48-52-D
bản Đông	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 52"	103° 58' 55"					F-48-52-D
huổi Hồng	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 30"	104° 02' 54"	21° 40' 23"	104° 01' 29"	F-48-53-C
bản Huổi Cưởm	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 33"	103° 57' 50"					F-48-52-D
núi Huổi Lót	SV	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 15"	104° 03' 54"					F-48-53-C
bản Huổi Nạ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 41"	103° 59' 46"					F-48-52-D
nặm Khít	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 55"	103° 58' 05"	21° 38' 40"	103° 58' 53"	F-48-52-D
nặm Khốt	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 04' 08"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C F-48-52-D
bản Lè	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 34"	103° 58' 58"					F-48-52-D
bản Lọng Bon	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 57"	104° 00' 15"					F-48-53-C
huổi Lót	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 05"	104° 01' 51"	21° 39' 31"	104° 00' 13"	F-48-53-C
bản Mển	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 26"	103° 58' 21"					F-48-52-D
huổi Múa	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 36' 25"	104° 01' 09"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C
bản Nà Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 22"	103° 58' 13"					F-48-52-D
bản Nà Lời	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 09"					F-48-52-D
bản Nà Sản	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 15"	103° 58' 22"					F-48-52-D
bản Nà Tòng	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 05"	103° 58' 23"					F-48-52-D
bản Nậm Khít	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 58' 04"					F-48-52-D
huổi Ngòi	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 35' 24"	104° 00' 30"	21° 36' 29"	103° 58' 15"	F-48-53-C, F-48-52-D
bản Ỏ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 38"	103° 58' 19"					F-48-52-D
bản Pá Han	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 27"	104° 00' 21"					F-48-53-C
bản Pá Mua	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 19"	104° 00' 50"					F-48-53-C
bản Phiêng Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 19"	103° 58' 46"					F-48-52-D
bản Phiêng Phé	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 24"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Po	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 47"	103° 58' 12"					F-48-52-D
bản Thẳm Cọng	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 35' 50"	104° 00' 22"					F-48-53-C
nặm Trai	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 40' 22"	104° 01' 28"	21° 36' 26"	103° 57' 50"	F-48-52-D, F-48-53-C
bản Xuân Cuổi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 44"	104° 00' 16"					F-48-53-C
tiểu khu 1	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	104° 00' 54"					F-48-65-A
tiểu khu 2	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 02"	104° 01' 13"					F-48-65-A
tiểu khu 3	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 09"	104° 01' 12"					F-48-65-A
quốc lộ 106	KX	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 24' 07"	103° 58' 12"	F-48-65-A
suối Bản Sang	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 05"	103° 57' 26"	21° 25' 56"	103° 58' 43"	F-48-64-B
bản Bằng Phột	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 45"	103° 59' 28"					F-48-64-B
bản Bó Cốp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 51"	104° 01' 34"					F-48-65-A
núi Bó Cốp	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 01' 32"					F-48-65-A
nặm Bú	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 24' 20"	103° 58' 38"	21° 25' 50"	104° 02' 06"	F-48-64-B
bản Bủng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 38"	104° 00' 28"					F-48-65-A
bản Chón	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 55"	104° 00' 21"					F-48-65-A
Cóp Te	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 58' 15"					F-48-64-B
bản Cứp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 37"	104° 02' 50"					F-48-65-A
bản Giàn	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 01"	104° 00' 29"					F-48-65-A
bản Hin Đẹp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 57' 22"					F-48-64-B
bản Hua Bó	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	103° 59' 05"					F-48-64-B
suối Huổi Luông	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 27' 29"	103° 57' 00"	21° 25' 04"	103° 59' 51"	F-48-64-B
bản Huổi Phay	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 04"	104° 01' 32"					F-48-65-A
núi Kẹo Nhạt	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 39"	104° 03' 32"					F-48-65-A
phu Khô	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 20"	104° 02' 57"					F-48-65-A
núi Lệnh Định	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 57' 33"					F-48-64-B
núi Long Na	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 25"	104° 01' 38"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Ma	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 26"	103° 56' 28"	21° 26' 05"	103° 57' 26"	F-48-64-B
bản Mường Bú	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 00' 16"					F-48-65-A
bản Nà Có	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 32"	103° 59' 51"					F-48-64-B
bản Nà Nong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 01' 52"					F-48-65-A
bản Nà Xi	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 31"	104° 00' 27"					F-48-65-A
cầu Nậm Pàn	KX	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 28"	103° 59' 29"					F-48-64-B
bản Nang Phai	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 59' 38"					F-48-64-B
bản Ngoạng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 35"	103° 59' 03"					F-48-64-B
bản Pá Tong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 40"	104° 01' 02"					F-48-65-A
nặm Pan	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 21' 26"	104° 00' 17"	21° 24' 29"	103° 59' 27"	F-48-64-B
bản Pu Luông	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 03"	103° 56' 53"					F-48-64-B
bản Sang	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 58"	103° 57' 42"					F-48-64-B
bản Ta Mo	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 03"	104° 00' 48"					F-48-65-A
núi Tóng Nộc	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 28"	104° 02' 00"					F-48-65-A
bản Văn Minh	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 48"	104° 00' 40"					F-48-65-A
bản Co Tòng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 35"	104° 05' 55"					F-48-65-A
bản Cuông Mường	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 42"	104° 05' 29"					F-48-65-A
núi Hin Non	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 47"	104° 07' 40"					F-48-65-A
bản Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 11"	104° 08' 27"					F-48-65-A
suối Hồng	TV	xã Mường Chùm	H. Mường La			21° 19' 45"	104° 05' 34"	21° 23' 02"	104° 08' 34"	F-48-65-A
bản Huổi Hiếu	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 07"	104° 07' 26"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 20"	104° 05' 23"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 07"	104° 05' 36"					F-48-65-A
dãy Huổi Sản	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 45"	104° 09' 02"					F-48-65-A
bản Huổi Sản 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 21"	104° 09' 42"					F-48-65-A
bản Huổi Sản 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 02"	104° 09' 55"					F-48-65-A
núi Kéo Hỏm	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 18"	104° 04' 53"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Luồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 15"	104° 07' 12"					F-48-65-A
bản Nà Chang	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 19"	104° 05' 45"					F-48-65-A
bản Nà Kham	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 05' 03"					F-48-65-A
bản Nà Lứa	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 00"	104° 06' 06"					F-48-65-A
bản Nà Nong	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 27"	104° 04' 54"					F-48-65-A
bản Nà Thướn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 05"	104° 02' 43"					F-48-65-A
bản Nà Tòng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 13"	104° 04' 26"					F-48-65-A
bản Nong Chạy	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 44"	104° 03' 48"					F-48-65-A
bản Pá Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 08' 44"					F-48-65-A
bản Pàn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 46"	104° 07' 06"					F-48-65-A
bản Pặt	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 26"	104° 04' 51"					F-48-65-A
bản Péc Chai	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 22"	104° 06' 49"					F-48-65-A
bản Pha Hin	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 08"	104° 07' 32"					F-48-65-A
bản Ta Lư	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 05"	104° 05' 19"					F-48-65-A
Ten Đông	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 50"	104° 07' 29"					F-48-65-A
bản Ún 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 29"	104° 04' 04"					F-48-65-A
bản Ún 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 04' 06"					F-48-65-A
huổi Ban	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 34' 18"	103° 53' 59"	21° 33' 25"	103° 55' 08"	F-48-52-D
bản Búng Cuổng	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 29"	103° 56' 31"					F-48-52-D
bản Cang Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 56' 53"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 32' 50"	103° 52' 57"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Hin Hon	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 32' 15"	103° 55' 33"					F-48-52-D
bản Hua Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 57' 12"					F-48-52-D
bản Hua Nà	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 57' 03"					F-48-52-D
bản Huổi Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 58"	103° 54' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Muôn 1	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 24"	103° 55' 19"					F-48-52-D
bản Huổi Muôn 2	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 36"	103° 55' 44"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kìa Mòn	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 37"	103° 55' 26"					F-48-52-D
huổi Luâng	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 34' 17"	103° 57' 14"	21° 34' 18"	103° 56' 24"	F-48-52-D
nặm Mu	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 08"	103° 56' 18"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Nà Hựa	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 22"	103° 56' 25"					F-48-52-D
bản Nôm	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 12"	103° 55' 10"					F-48-52-D
bản Pá Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 31"	103° 55' 07"					F-48-52-D
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 57' 19"					F-48-52-D
bản Phiêng Phường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 23"	103° 56' 06"					F-48-52-D
núi Pu Păng	SV	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 59"	103° 54' 23"					F-48-52-D
bản Tra	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 04"	103° 55' 53"					F-48-52-D
nặm Trai	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 26"	103° 57' 50"	21° 36' 03"	103° 56' 17"	F-48-52-D
huổi Bát	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 33' 19"	103° 53' 07"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Co Có	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 37"	103° 48' 47"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 14"	103° 48' 19"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Đen Đin	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 16"	103° 52' 11"					F-48-52-D
nậm Giôn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 40' 56"	103° 45' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"	F-48-52-D
huổi Há	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 30"	103° 49' 50"	21° 40' 41"	103° 48' 05"	F-48-52-D
huổi Hốc	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 35' 25"	103° 51' 17"	21° 36' 27"	103° 49' 47"	F-48-52-D
huổi Hợp	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 38' 39"	103° 50' 25"	21° 38' 19"	103° 49' 15"	F-48-52-D
bản Huổi Chà	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 01"	103° 50' 28"					F-48-52-D
bản Huổi Chèo	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 38"	103° 49' 00"					F-48-52-D
bản Huổi Hốc	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 51' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Lẹ	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 33' 09"	103° 51' 45"					F-48-52-D
bản Huổi Ngàn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 40' 34"	103° 48' 09"					F-48-52-D
bản Huổi Pươi	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 23"	103° 47' 10"					F-48-52-D
bản Huổi Sản	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 37' 23"	103° 48' 06"					F-48-52-D
bản Huổi Tao	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 49' 48"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Lẹ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 44"	103° 53' 12"	21° 32' 38"	103° 51' 36"	F-48-52-D
bản Nậm Cừm	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 42' 43"	103° 47' 56"					F-48-52-D
huổi Ngàn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 43' 54"	103° 49' 35"	21° 39' 57"	103° 48' 06"	F-48-52-D
bản Pá Dôn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 36"	103° 48' 38"					F-48-52-D
bản Pá Hợp	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 38' 10"	103° 49' 23"					F-48-52-D
bản Pá Mồng	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 04"	103° 49' 31"					F-48-52-D
bản Pá Pù	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 38"	103° 49' 13"					F-48-52-D
bản Púng Ngùa	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 41' 57"	103° 47' 44"					F-48-52-D
huổi Sản	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 39' 57"	103° 48' 06"	21° 39' 29"	103° 47' 57"	F-48-52-D
huổi Tăng Mạ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 26"	103° 47' 37"	21° 40' 47"	103° 45' 26"	F-48-52-D
huổi Bản	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 17"	104° 03' 27"	21° 32' 00"	104° 01' 33"	F-48-53-C
bản Bâu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 36"	104° 04' 38"					F-48-53-C
huổi Ca Trắng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 27"	104° 05' 06"	21° 36' 05"	104° 06' 57"	F-48-53-C
huổi Căn	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 16"	104° 04' 21"	21° 33' 19"	104° 03' 12"	F-48-53-C
suối Chiến	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 49"	104° 08' 14"	21° 32' 15"	104° 05' 48"	F-48-53-C
núi Co Mư	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 35"	104° 03' 21"					F-48-53-C
bản Hốc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 52"	104° 03' 42"					F-48-53-C
bản Hua Nặm	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 04"	104° 01' 51"					F-48-53-C
bản Hua Piệng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 05"	104° 01' 36"					F-48-53-C
bản Huổi Có	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 00"	104° 04' 34"					F-48-53-C
bản Huổi Hốc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 59"	104° 04' 28"					F-48-53-C
bản Ít	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 45"	104° 05' 16"					F-48-53-C
núi Khau Phong	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 05' 12"					F-48-53-C
núi Lán Té	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 37"	104° 01' 25"					F-48-53-C
huổi Lát	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 49"	104° 03' 42"	21° 35' 30"	104° 03' 36"	F-48-53-C
bản Liếng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 14"	104° 03' 10"					F-48-53-C
bản Nong Bẩu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 32' 25"	104° 03' 53"					F-48-53-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Păm	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 43"	104° 04' 37"	21° 31' 14"	104° 01' 09"	F-48-53-C
bản Piệng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 50"	104° 04' 33"					F-48-53-C
nặm Piệng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 35' 52"	104° 02' 10"	21° 34' 43"	104° 04' 37"	F-48-53-C
bản Púng Quài	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 30' 42"	104° 03' 32"					F-48-53-C
núi Sam Síp	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 35' 08"	104° 07' 14"					F-48-53-C
huổi Sói	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 35' 46"	104° 04' 27"	21° 34' 51"	104° 04' 17"	F-48-53-C
núi Sua Tê	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 50"	104° 04' 53"					F-48-53-C
bản Chặm Pộng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 37' 23"	104° 14' 05"					F-48-53-C
nậm Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 34"	104° 17' 23"	21° 39' 17"	104° 16' 58"	F-48-53-D
suối Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 55"	104° 15' 56"	21° 35' 13"	104° 08' 16"	F-48-53-D, F-48-53-C
bản Chom Khâu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 39"	104° 07' 37"					F-48-53-C
nậm Dê	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 57"	104° 13' 08"	21° 39' 17"	104° 14' 23"	F-48-53-C
núi Đán Đét	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 31"	104° 15' 34"					F-48-53-D
núi Đan Háy	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 33' 43"	104° 11' 06"					F-48-53-C
bản Đông Suông	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 37' 56"	104° 12' 45"					F-48-53-C
bản Giàng Phủng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 06"	104° 16' 41"					F-48-53-D
suối Háng Pả La	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 35' 11"	104° 16' 03"	21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Huổi Ngùa	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 47"	104° 09' 37"					F-48-53-C
bản Kẻ	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 08"	104° 07' 56"					F-48-53-C
nậm Kẻ	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 36' 59"	104° 05' 37"	21° 36' 00"	104° 07' 12"	F-48-53-C
bản Khau Vai	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 28"	104° 09' 18"					F-48-53-C
nậm Khoa	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 07' 21"	21° 36' 15"	104° 08' 59"	F-48-53-C
nậm Khốt	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 58"	104° 10' 26"	21° 36' 50"	104° 10' 23"	F-48-53-C
bản Lọng Cang	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 38"	104° 11' 26"					F-48-53-C
bản Lướt	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 54"	104° 13' 59"					F-48-53-C
bản Mường Chiến	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 18"	104° 16' 01"					F-48-53-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Bá	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 08"	104° 12' 58"					F-48-53-C
bản Nà Tâu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 56"	104° 15' 58"					F-48-53-D
suối Nậm Béo	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 03"	104° 15' 58"	21° 38' 32"	104° 14' 08"	F-48-53-C
bản Nậm Nghiệp	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 42"	104° 14' 46"					F-48-53-C
nậm Nghẹp	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 34' 53"	104° 14' 57"	21° 36' 28"	104° 09' 42"	F-48-53-C
bản Pá Te	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 00"	104° 07' 54"					F-48-53-C
suối Phan Bua Tua Rua	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 34' 22"	104° 15' 43"	21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Phày	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 12"	104° 13' 23"					F-48-53-C
nậm Phày	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 21"	104° 12' 13"	21° 38' 37"	104° 13' 28"	F-48-53-C
bản Pú Dảnh	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 36"	104° 17' 47"					F-48-53-D
suối Pú Dếnh	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 40"	104° 17' 28"	21° 39' 28"	104° 16' 04"	F-48-53-D
nậm Sâng	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 45"	104° 08' 28"	21° 36' 25"	104° 09' 28"	F-48-53-C
bản Sô Lông	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 38"	104° 10' 16"					F-48-53-C
bản Tu Ngồng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 34"	104° 15' 57"					F-48-53-D
huổi Bó	TV	xã Pi Toong	H. Mường La			21° 32' 18"	103° 58' 43"	21° 33' 10"	103° 59' 30"	F-48-52-D
bản Cang	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 32' 34"	104° 00' 17"					F-48-53-C
bản Hua Nà	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 16"	103° 58' 59"					F-48-52-D
dãy núi Kho Mường	SV	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 32' 38"	103° 58' 22"					F-48-52-D
núi Lán Luồng	SV	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 34' 14"	103° 59' 33"					F-48-52-D
bản Lừa Luông	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 03"	103° 59' 24"					F-48-52-D
bản Nà Bướm	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 32' 50"	103° 59' 54"					F-48-53-C
bản Nà Nôm	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 00"	103° 59' 11"					F-48-52-D
bản Nà Núa	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 53"	103° 58' 53"					F-48-52-D
bản Nà Phìa	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 35"	103° 59' 10"					F-48-52-D
núi Nà Po	SV	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 27"	103° 57' 28"					F-48-52-D
bản Nà Trò	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 50"	103° 58' 38"					F-48-52-D
bản Nong Pi	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 24"	103° 59' 35"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pản	TV	xã Pi Toong	H. Mường La			21° 33' 03"	103° 58' 07"	21° 33' 27"	103° 59' 15"	F-48-52-D
bản Phiêng	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 32' 29"	103° 59' 57"					F-48-53-C
bản Pi	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 15"	104° 00' 19"					F-48-53-C
bản Ten	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 00' 13"					F-48-53-C
bản Tong	DC	xã Pi Toong	H. Mường La	21° 33' 30"	103° 58' 52"					F-48-52-D
nặm Toong	TV	xã Pi Toong	H. Mường La			21° 33' 49"	103° 58' 51"	21° 31' 43"	104° 00' 41"	F-48-52-D
đường tỉnh 106	KX	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 25' 47"	104° 02' 06"	F-48-65-A
bản Bắc	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 20"	104° 05' 09"					F-48-65-A
suối Bắc	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 24' 11"	104° 05' 16"	21° 26' 12"	104° 05' 15"	F-48-65-A
nậm Bú	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 50"	104° 02' 06"	21° 27' 07"	104° 03' 09"	F-48-65-A
bản Búng	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 46"	104° 03' 32"					F-48-65-A
bản Buôi	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 00"	104° 04' 34"					F-48-65-A
bản Chom Cọ	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 58"	104° 06' 02"					F-48-65-A
pu Cọ	SV	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 56"	104° 05' 44"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 29' 51"	103° 59' 32"	21° 25' 25"	104° 07' 23"	F-48-65-A
huổi Hịa	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 39"	103° 59' 17"	21° 29' 49"	103° 59' 33"	F-48-65-A
bản Két	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 15"	104° 01' 45"					F-48-65-A
bản Mòn	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 26"	104° 02' 56"					F-48-65-A
bản Noong Phụ	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 18"	103° 59' 02"					F-48-64-B
suối Noong Phụ	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 27' 40"	104° 00' 01"	21° 28' 10"	104° 01' 51"	F-48-65-A
bản Pá Tong	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 31"	104° 00' 17"					F-48-65-A
bản Pậu	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 48"	104° 06' 52"					F-48-65-A
suối Pậu	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 14"	104° 06' 42"	21° 25' 22"	104° 07' 18"	F-48-65-A
bản Pết	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 59"	104° 04' 25"					F-48-65-A
bản Tạ Bú	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 02' 29"					F-48-65-A
bản Thẳm Hon	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 29' 00"	104° 00' 02"					F-48-65-A
bản Tôm	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 31"	104° 05' 58"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bắc Băn	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 13"	104° 36' 02"					F-48-66-C-c
suối Bắc Băn	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 05' 00"	104° 38' 15"	21° 02' 39"	104° 36' 25"	F-48-66-C-d, F-48-66-C-c
suối Bái	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 04' 37"	104° 40' 03"	21° 02' 44"	104° 39' 48"	F-48-66-C-d
bản Bãi Con	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 02' 41"	104° 40' 37"					F-48-66-C-d
bản Bó Mý	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 04"	104° 41' 30"					F-48-66-C-d
bản Bó Vả	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 24"	104° 37' 05"					F-48-66-C-c
bản Bưa Đa	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 06"	104° 37' 13"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 08"	104° 35' 49"	21° 03' 13"	104° 42' 19"	F-48-66-C-d
bản Đá Phổ	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 23"	104° 38' 21"					F-48-66-C-d
núi Hang	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 47"	104° 40' 58"					F-48-66-C-d
suối Môi	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 57"	104° 38' 31"	21° 02' 45"	104° 38' 51"	F-48-66-C-d
núi Pa	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 05' 40"	104° 37' 51"					F-48-66-C-d
suối Sen	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 04' 02"	104° 39' 12"	21° 03' 03"	104° 39' 35"	F-48-66-C-d
núi Suối Cù	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 30"	104° 39' 36"					F-48-66-C-d
núi Tiếu	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 02"	104° 36' 39"					F-48-66-C-c
bản Bãi Sại	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 22"	104° 31' 28"					F-48-66-C-c
núi Biên	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 33"	104° 34' 44"					F-48-66-C-c
bản Bông Lau	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 35' 00"					F-48-66-C-c
bản Bông Sen	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 01"	104° 34' 08"					F-48-66-C-c
bản Cửa Sập	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 51"	104° 30' 58"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 53"	104° 30' 45"	21° 03' 08"	104° 35' 49"	F-48-66-C-c
bản Đá Đỏ	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 52"	104° 33' 59"					F-48-66-C-c
suối Đá Đỏ	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 06' 15"	104° 34' 15"	21° 05' 04"	104° 33' 43"	F-48-66-C-c
núi Đồn Ngô	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 58"	104° 32' 02"					F-48-66-C-c
nậm Nậm Phọi	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 31"	104° 36' 04"	21° 04' 37"	104° 34' 06"	F-48-66-C-c
suối On	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 14"	104° 33' 19"	21° 05' 09"	104° 32' 58"	F-48-66-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sập	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 23"	104° 31' 51"	21° 05' 53"	104° 30' 45"	F-48-66-C-c
bản Suối Tiếu	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 08"	104° 36' 16"					F-48-66-C-c
bản Tang Nang	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 03' 33"	104° 34' 57"					F-48-66-C-c
núi Ten Luông	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 46"	104° 35' 04"					F-48-66-C-c
suối Tiếu	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 04' 07"	104° 36' 05"	21° 03' 32"	104° 35' 43"	F-48-66-C-c
bản Vàng A	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 48"	104° 32' 28"					F-48-66-C-c
bản Vàng B	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 13"	104° 32' 54"					F-48-66-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 07"	104° 32' 50"	21° 12' 06"	104° 36' 33"	F-48-66-C-a
cầu Bản Chát	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 43"	104° 36' 21"					F-48-66-C-a
cầu Bản Nhọt	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 54"	104° 33' 28"					F-48-66-C-a
suối Bùa	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 12' 53"	104° 33' 27"	21° 11' 48"	104° 36' 41"	F-48-66-C-a
bản Chát	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 40"	104° 35' 55"					F-48-66-C-a
suối Chát	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 10' 48"	104° 35' 32"	21° 11' 49"	104° 36' 28"	F-48-66-C-a
suối Công	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 27"	104° 35' 53"	21° 11' 48"	104° 36' 41"	F-48-66-C-a
suối Dinh	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 41"	104° 33' 16"	21° 13' 06"	104° 33' 08"	F-48-66-C-a
suối Đuông	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 11' 50"	104° 33' 57"	21° 12' 35"	104° 34' 22"	F-48-66-C-a
suối Hôn Nao	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 31"	104° 33' 45"	21° 12' 59"	104° 33' 41"	F-48-66-C-a
núi Khứn Huột	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 13' 45"	104° 35' 27"					F-48-66-C-a
bản Lá	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 36' 27"					F-48-66-C-a
bản Lìn	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 17"	104° 34' 52"					F-48-66-C-a
suối Lìn	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 11' 43"	104° 34' 32"	21° 12' 26"	104° 34' 57"	F-48-66-C-a
suối Luồn	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 32"	104° 34' 55"	21° 12' 25"	104° 35' 08"	F-48-66-C-a
phố Mới	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 30"	104° 36' 37"					F-48-66-C-a
bản Nà Khằm 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 52"	104° 35' 58"					F-48-66-C-a
bản Nà Khằm 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 43"	104° 35' 50"					F-48-66-C-a
bản Nà Mạc 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 18"	104° 36' 12"					F-48-66-C-a
bản Nà Mạc 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 22"	104° 36' 21"					F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Ngã Ba	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 48"	104° 36' 09"					F-48-66-C-a
núi Ngọn Suối Tường	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 14' 13"	104° 34' 17"					F-48-66-C-a
đèo Nhọt	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 13' 20"	104° 32' 06"					F-48-66-C-a
suối Nhọt	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 12' 16"	104° 33' 01"	21° 12' 53"	104° 33' 27"	F-48-66-C-a
bản Nhọt 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 49"	104° 33' 42"					F-48-66-C-a
bản Nhọt 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 38"	104° 34' 06"					F-48-66-C-a
suối Nồm	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 08"	104° 32' 11"	21° 13' 07"	104° 32' 49"	F-48-66-C-a
suối Tắc Cằm	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 23"	104° 34' 13"	21° 12' 43"	104° 34' 04"	F-48-66-C-a
phố Tân Lập	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 08"	104° 36' 08"					F-48-66-C-a
bản Tạo 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 00"	104° 35' 22"					F-48-66-C-a
bản Tạo 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 00"	104° 35' 41"					F-48-66-C-a
hồ Thổ Côn	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 20"	104° 36' 27"					F-48-66-C-a
núi Tô	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 13' 50"	104° 32' 32"					F-48-66-C-a
bản Vi	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 35' 15"					F-48-66-C-a
bản Dèm Hạ	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 13"	104° 37' 40"					F-48-66-A-d
bản Dèm Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 42"	104° 37' 26"					F-48-66-A-c
suối Khang	TV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên			21° 17' 22"	104° 37' 08"	21° 16' 33"	104° 36' 50"	F-48-66-A-c
bản Kim Tân	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 15"	104° 38' 11"					F-48-66-A-d
suối Làng	TV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên			21° 17' 04"	104° 36' 03"	21° 15' 08"	104° 37' 55"	F-48-66-A-c, F-48-66-A-d
núi Lìm	SV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 48"	104° 35' 20"					F-48-66-A-c
núi Lũng Khoai	SV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 17' 27"	104° 36' 34"					F-48-66-A-c
bản Nà Phái	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 40"	104° 38' 03"					F-48-66-A-d
núi Nong Cốp	SV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 14' 48"	104° 36' 20"					F-48-66-C-a
bản Phai Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 48"	104° 37' 37"					F-48-66-A-d
lâm trường Phù Bắc Yên	KX	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 16' 39"	104° 37' 05"	21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 25' 04"	103° 40' 28"	F-48-66-A-c
núi Pu Khẹ	SV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 46"	104° 36' 34"					F-48-66-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sáy Tú	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 14' 28"	104° 34' 39"					F-48-66-C-a
bản Suối Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 52"	104° 38' 09"					F-48-66-A-d
núi Tọ	SV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 34' 22"					F-48-66-A-c
suối Tọ	TV	xã Huy Bắc	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 35' 33"	21° 14' 51"	104° 37' 23"	F-48-66-A-c
bản Tọ Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phù Yên	21° 15' 23"	104° 37' 09"					F-48-66-A-c
đường tỉnh 114	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 44"	104° 38' 15"	21° 13' 12"	104° 38' 47"	F-48-66-C-b
bản Bó 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 18"	104° 37' 44"					F-48-66-C-b
bản Bó 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 01"	104° 37' 37"					F-48-66-C-b
suối Bốc	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 13' 48"	104° 40' 18"	21° 13' 14"	104° 39' 00"	F-48-66-C-b
suối Cạn	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 13' 13"	104° 38' 37"	21° 14' 01"	104° 38' 41"	F-48-66-C-b
bản Đồng Cù	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 18"	104° 38' 04"					F-48-66-C-b
Đống Đa	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 15' 16"	104° 38' 14"					F-48-66-A-d
bản Đồng Lương	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 31"	104° 37' 22"					F-48-66-C-b
bản Đồng Lỳ	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 25"	104° 38' 21"					F-48-66-C-b
suối Làng	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 08"	104° 37' 55"	21° 14' 22"	104° 38' 04"	F-48-66-C-b
bản Nà Lìu 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 38' 40"					F-48-66-C-b
bản Nà Lìu 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 07"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 49"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 38' 49"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 3	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 38' 52"					F-48-66-C-b
núi Nà Mọn	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 16"	104° 37' 59"					F-48-66-C-b
suối Ngọt	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 08"	104° 38' 17"	21° 14' 39"	104° 38' 14"	F-48-66-C-b
suối Phày	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 23"	104° 36' 25"	21° 14' 07"	104° 37' 40"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-a
núi Suối Cù	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 17"	104° 41' 04"					F-48-66-C-b
cầu Suối Làng	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 35"	104° 38' 02"					F-48-66-C-b
bản Suối Nhúng	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 12' 29"	104° 40' 40"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tấc	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 39' 04"	21° 13' 55"	104° 37' 32"	F-48-66-C-b
suối Tọ	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 51"	104° 37' 23"	21° 14' 15"	104° 37' 51"	F-48-66-C-b
bản Tọ 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 53"	104° 37' 34"					F-48-66-C-b
bản Tọ 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 43"	104° 37' 42"					F-48-66-C-b
bản Xà 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 57"	104° 37' 51"					F-48-66-C-b
bản Xà 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 37' 55"					F-48-66-C-b
bản Xưởng Đường	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 56"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
trại cải tạo Yên Hạ	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 28"	104° 38' 40"					F-48-66-C-b
hồ Bản Lềm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 45"	104° 41' 28"					F-48-66-A-d
suối Cù	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 13' 59"	104° 41' 17"	21° 15' 26"	104° 39' 54"	F-48-66-C-b, F-48-66-A-d
bản Cù 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 08"	104° 40' 27"					F-48-66-A-d
bản Cù 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 26"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Giáo 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 15"	104° 39' 31"					F-48-66-A-d
bản Giáo 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 55"	104° 39' 32"					F-48-66-C-b
bản Giáo 3	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b
bản Kim Thượng	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 48"	104° 40' 21"					F-48-66-A-d
bản Lềm	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 44"	104° 41' 46"					F-48-66-A-d
suối Lềm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 15' 48"	104° 41' 26"	21° 15' 28"	104° 39' 31"	F-48-66-A-d
núi Pù Pàu	SV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 42' 00"					F-48-66-C-b
bản Puôi 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 36"	104° 40' 13"					F-48-66-A-d
bản Puôi 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 54"	104° 40' 07"					F-48-66-A-d
bản Puôi 3	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 43"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
bản Suối Cù	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 13' 32"	104° 41' 44"					F-48-66-C-b
suối Tấc	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 16' 06"	104° 39' 32"	21° 15' 02"	104° 39' 04"	F-48-66-A-d
bản Tân Giáo	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 03"	104° 39' 22"					F-48-66-A-d
núi Tạng Pan	SV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 26"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thượng Phong	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 40' 47"					F-48-66-A-d
quốc lộ 37	KX	xã Huy Thượng	H. Phù Yên			21° 17' 31"	104° 41' 12"	21° 16' 48"	104° 39' 46"	F-48-66-A-d
đèo Ban	SV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 17' 29"	104° 41' 10"					F-48-66-A-d
suối Ban	TV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên			21° 17' 25"	104° 41' 08"	21° 16' 13"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
bản Ban 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 33"	104° 40' 36"					F-48-66-A-d
bản Ban 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 22"	104° 40' 32"					F-48-66-A-d
bản Chài 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 40' 20"					F-48-66-A-d
bản Chài 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 17"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Kíu 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 12"	104° 39' 38"					F-48-66-A-d
bản Kíu 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 07"	104° 39' 40"					F-48-66-A-d
núi Năm Tấn	SV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Núi Hồng	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 13"	104° 42' 54"					F-48-66-A-d
Tân Ban	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 40"	104° 40' 51"					F-48-66-A-d
bản Ún 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 47"	104° 39' 57"					F-48-66-A-d
bản Ún 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 39"	104° 40' 23"					F-48-66-A-d
bản Ún 3	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 32"	104° 39' 45"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 46"	104° 38' 51"					F-48-66-C-b
bản Cóng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 12"	104° 39' 05"					F-48-66-C-b
núi Dao	SV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 23"	104° 42' 30"					F-48-66-C-b
suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên			21° 12' 02"	104° 39' 44"	21° 11' 02"	104° 40' 12"	F-48-66-C-b
bản Muống Thượng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 24"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 13' 06"	104° 38' 39"					F-48-66-C-b
suối Nhúng	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên			21° 12' 26"	104° 40' 40"	21° 11' 36"	104° 40' 04"	F-48-66-C-b
bản Nong Pùng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 51"	104° 39' 31"					F-48-66-C-b
hồ Suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 39' 37"					F-48-66-C-b
bản Tân Lương 1	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 50"	104° 39' 12"					F-48-66-C-b
bản Tân Lương 2	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 34	104° 38' 56"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tân Tiến	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 38' 50"					F-48-66-C-b
núi Tráng Cặp	SV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 16"	104° 38' 20"					F-48-66-C-b
suối Bắc Băn	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 05' 33"	104° 37' 42"	21° 04' 21"	104° 37' 08"	F-48-66-C-d, F-48-66-C-c
suối Cóc	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 07' 50"	104° 36' 49"	21° 08' 08"	104° 37' 45"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-b
bản Đá Đỏ	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 54"	104° 35' 55"					F-48-66-C-a
suối Đá Đỏ	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 08' 35"	104° 34' 43"	21° 06' 30"	104° 34' 38"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
suối Dằn	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 08' 47"	104° 35' 30"	21° 08' 48"	104° 36' 45"	F-48-66-C-a
bản Dằn A	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 56"	104° 35' 32"					F-48-66-C-a
bản Dằn B	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 08"	104° 36' 39"					F-48-66-C-a
núi Đen	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 06' 50"	104° 37' 56"					F-48-66-C-d
núi Khoa	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 09' 27"	104° 34' 38"					F-48-66-C-a
bản Kim Bon	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 06' 59"	104° 36' 39"					F-48-66-C-c
núi On	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 59"	104° 34' 16"					F-48-66-C-a
suối On	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 07' 53"	104° 34' 12"	21° 07' 14"	104° 33' 19"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
suối Pa	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 06' 06"	104° 38' 08"	21° 06' 11"	104° 38' 39"	F-48-66-C-d
nậm Phọi	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 06' 31"	104° 37' 04"	21° 05' 31"	104° 36' 04"	F-48-66-C-c
nậm Phọt	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 05' 36"	104° 37' 16"	21° 05' 34"	104° 36' 06"	F-48-66-C-c
suối Pưn	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 09' 00"	104° 34' 37"	21° 08' 44"	104° 33' 59"	F-48-66-C-a
bản Suối Bương	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 29"	104° 38' 38"					F-48-66-C-d
bản Suối Cối	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 39"	104° 37' 41"					F-48-66-C-d
bản Suối Lẹt	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 07"	104° 34' 01"					F-48-66-C-c
bản Suối On	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 34' 58"					F-48-66-C-a
bản Suối Pa	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 57"	104° 37' 03"					F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Vạch	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 06"	104° 38' 55"					F-48-66-C-d
núi Tăng	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 35"	104° 39' 00"					F-48-66-C-d
núi Vạch	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 21"	104° 39' 13"					F-48-66-C-d
suối Vạch	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 04' 47"	104° 39' 42"	21° 05' 08"	104° 39' 37"	F-48-66-C-d
đường tỉnh 114	KX	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 23"	104° 43' 49"	21° 08' 51"	104° 46' 43"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bang	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 18"	104° 48' 00"					F-48-66-D-c
núi Bến Cang	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 16"	104° 46' 22"					F-48-66-D-a
bản Cải	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 40"	104° 44' 48"					F-48-66-C-b
bản Chè Mè	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 27"	104° 48' 31"					F-48-66-D-a
núi Chim	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 27"	104° 52' 03"					F-48-66-D-a
bản Chúng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 50"	104° 47' 11"					F-48-66-D-a
suối Chùng	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 09"	104° 49' 04"	21° 07' 57"	104° 47' 09"	F-48-66-D-a
suối Dinh	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 06' 56"	104° 53' 12"	21° 06' 19"	104° 51' 17"	F-48-66-D-d, F-48-66-D-c
suối Do	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 51"	104° 46' 44"	21° 05' 41"	104° 49' 36"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
suối Gà	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 39"	104° 50' 34"	21° 04' 39"	104° 51' 03"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
bản Lao	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 28"	104° 50' 08"					F-48-66-D-c
đồi Lạp	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 06' 22"	104° 47' 30"					F-48-66-D-c
núi Lươn	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 49"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
đồi Mường	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 01"	104° 50' 01"					F-48-66-D-a
bản Sọc	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 32"	104° 46' 12"					F-48-66-D-a
suối Sọc	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 50"	104° 44' 42"	21° 08' 25"	104° 46' 24"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Suối Dinh	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 02"	104° 53' 00"					F-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Gà	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 28"	104° 50' 50"					F-48-66-D-a
bản Suối Khoáng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 51' 04"					F-48-66-D-c
núi Tô	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 11' 10"	104° 43' 57"					F-48-66-C-b
núi Tre Bút	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 10' 40"	104° 45' 04"					F-48-66-D-a
suối Ua	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 14"	104° 49' 51"	21° 07' 00"	104° 48' 04"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
núi Voi	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 51"	104° 51' 39"					F-48-66-D-a
quốc lộ 37	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 20' 50"	104° 45' 30"	21° 17' 23"	104° 42' 38"	F-48-66-A-d, F-48-66-B-c
núi Ấm	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 42"	104° 46' 35"					F-48-66-B-c
bản Băn	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 31"	104° 43' 14"					F-48-66-A-d
bản Bau	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 12"	104° 44' 20"					F-48-66-A-d
suối Bau	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 21' 20"	104° 44' 13"	21° 19' 52"	104° 44' 20"	F-48-66-A-d
bản Bèo Băn	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 18"	104° 42' 42"					F-48-66-A-d
núi Chè	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 07"	104° 43' 57"					F-48-66-A-d
bản Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 59"	104° 45' 04"					F-48-66-B-c
suối Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 19' 52"	104° 44' 20"	21° 18' 53"	104° 44' 44"	F-48-66-A-d
đèo Dạ	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 01"	104° 45' 41"					F-48-66-B-c
bản Ếch	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 39"	104° 44' 16"					F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 48"	104° 46' 05"					F-48-66-B-c
bản Kiềng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 42"	104° 45' 45"					F-48-66-B-c
suối Lèo	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 00"	104° 46' 49"	21° 18' 24"	104° 47' 43"	F-48-66-B-c
đèo Lũng Lô	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 46"	104° 45' 24"					F-48-66-B-c
bản Nà Mới	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 03"	104° 47' 07"					F-48-66-B-c
bản Nghĩa Hưng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 49"	104° 44' 35"					F-48-66-A-d
bản Sổ	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 41"	104° 46' 49"					F-48-66-B-c
bản Suối Bí	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 17"	104° 45' 19"					F-48-66-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Bục	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 25"	104° 43' 01"					F-48-66-A-d
bản Suối Cốc	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 21' 14"	104° 43' 50"					F-48-66-A-d
bản Tân Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 51"	104° 45' 28"					F-48-66-B-c
bản Tường Ban	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 43' 34"					F-48-66-A-d
bản Tường Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 34"	104° 45' 20"					F-48-66-B-c
suối Vá	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 17' 27"	104° 45' 22"	21° 17' 59"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 58"	104° 46' 07"					F-48-66-B-c
suối Văn Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 13"	104° 46' 08"	21° 18' 00"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Tân	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 12"	104° 45' 32"					F-48-66-B-c
cầu Xưởng Chè	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 00"	104° 46' 50"					F-48-66-B-c
đường tỉnh 114B	KX	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 13' 56"	104° 44' 22"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bãi Lươn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 21"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
núi Ban	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 25"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
bản Bông Sồi	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 41"	104° 44' 24"					F-48-66-C-b
núi Cấn	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 56"	104° 49' 38"					F-48-66-D-a
đèo Cổng Trời	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 46' 29"					F-48-66-D-a
núi Dai	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 54"	104° 43' 00"					F-48-66-C-b
suối Do	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 46' 01"	21° 08' 51"	104° 46' 44"	F-48-66-D-a
bản Do 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 22"	104° 47' 02"					F-48-66-D-a
bản Do 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 20"	104° 46' 54"					F-48-66-D-a
dãy Đồng An	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 25"	104° 46' 40"					F-48-66-D-a
đồi Khi	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 01"	104° 44' 49"					F-48-66-C-b
bản Kiẻng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 40"	104° 45' 25"					F-48-66-D-a
suối Kiẻng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 08"	104° 44' 09"	21° 11' 40"	104° 46' 01"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Lằn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 58"	104° 46' 05"					F-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lang	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 12' 29"	104° 42' 56"	21° 13' 55"	104° 44' 24"	F-48-66-C-b
núi Lanh	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 49' 40"					F-48-66-D-a
suối Lồng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 10' 14"	104° 50' 04"	21° 10' 43"	104° 47' 09"	F-48-66-D-a
núi Mường	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 43' 34"					F-48-66-C-b
bản Páp	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 09"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 47' 08"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 55"	104° 48' 05"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 3	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 19"	104° 49' 07"					F-48-66-D-a
dãy Suối Lang	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 55"	104° 42' 31"					F-48-66-C-b
bản Suối Lồng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 46"	104° 48' 29"					F-48-66-D-a
bản Tân Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 33"	104° 44' 47"					F-48-66-C-b
bản Tường Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 09' 44"	104° 47' 06"					F-48-66-D-a
núi Bãi Hát	SV	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 09"	104° 44' 10"					F-48-66-C-b
bản Chiềng	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 46' 23"					F-48-66-D-a
bản Đung	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 15' 10"	104° 46' 13"					F-48-66-B-c
bản Kẽm	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
suối Lang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 13' 55"	104° 44' 24"	21° 14' 36"	104° 47' 02"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Manh	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 30"	104° 47' 20"					F-48-66-D-a
suối Mứa	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 45' 09"	21° 15' 02"	104° 46' 08"	F-48-66-B-c
sông Mứa	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 46' 08"	21° 16' 59"	104° 50' 21"	F-48-66-B-c, F-48-66-D-a
bản Nguồn	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 23"	104° 46' 24"					F-48-66-D-a
bản Thượng Lang	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 13' 57"	104° 48' 06"					F-48-66-D-a
suối Vang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 34"	104° 48' 53"	21° 13' 58"	104° 48' 26"	F-48-66-D-a
suối Vơ	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 40"	104° 47' 30"	21° 14' 05"	104° 48' 22"	F-48-66-D-a
bản Chiếu	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 20' 23"	104° 41' 17"					F-48-66-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chiếu	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 21' 46"	104° 42' 09"	21° 19' 39"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
suối Don	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 22' 18"	104° 40' 50"	21° 21' 23"	104° 42' 03"	F-48-66-A-d
núi Đồi Mèo	SV	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 20' 20"	104° 40' 30"					F-48-66-A-d
suối Khà	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 18' 07"	104° 42' 03"	21° 17' 30"	104° 41' 13"	F-48-66-A-d
dãy núi Khau Li	SV	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 21' 52"	104° 40' 59"					F-48-66-A-d
bản Khe Lành	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 22' 42"	104° 42' 46"					F-48-66-A-b
bản Khoai Lang	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 21' 26"	104° 42' 30"					F-48-66-A-d
suối Lạt	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 20' 57"	104° 39' 22"	21° 20' 17"	104° 41' 02"	F-48-66-A-d
suối Lạt Con	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 22' 17"	104° 39' 32"	21° 20' 33"	104° 40' 28"	F-48-66-A-d
bản Phúc Yên	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 17' 34"	104° 42' 35"					F-48-66-A-d
suối Sang	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 19' 06"	104° 41' 25"	21° 18' 46"	104° 40' 45"	F-48-66-A-d
núi Suối Chọn	SV	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 18' 38"	104° 43' 03"					F-48-66-A-d
bản Suối Quốc	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 19' 37"	104° 42' 27"					F-48-66-A-d
bản Suối Tàu	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 20' 09"	104° 41' 52"					F-48-66-A-d
núi Tạng Ngát	SV	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 41' 42"					F-48-66-A-d
suối Tàu	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 20' 19"	104° 42' 00"	21° 20' 22"	104° 41' 32"	F-48-66-A-d
suối Thải	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 18' 38"	104° 42' 27"	21° 19' 30"	104° 41' 51"	F-48-66-A-d
bản Thải Hạ	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 19' 17"	104° 41' 09"					F-48-66-A-d
bản Thải Thượng	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 18' 45"	104° 41' 26"					F-48-66-A-d
bản Văn Yên	DC	xã Mường Thải	H. Phù Yên	21° 17' 56"	104° 41' 36"					F-48-66-A-d
suối Vôi	TV	xã Mường Thải	H. Phù Yên			21° 22' 18"	104° 41' 24"	21° 22' 23"	104° 42' 18"	F-48-66-A-d
sông Đà	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 23"	104° 43' 55"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c
núi Đá Bạc	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 06' 28"	104° 45' 03"					F-48-66-D-c
suối Đá Mài	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 04' 39"	104° 48' 21"	21° 03' 11"	104° 46' 53"	F-48-66-D-c
bản Đá Mài 1	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 49"	104° 47' 10"					F-48-66-D-c
bản Đá Mài 2	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 05"	104° 47' 02"					F-48-66-D-c
núi Gia Long	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 30"	104° 49' 20"					F-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khoáng	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 46"	104° 51' 18"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c
bản Pín	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 08"	104° 51' 14"					F-48-66-D-c
bản Suối Kê	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 08"	104° 45' 53"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 1	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 08"	104° 45' 30"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 2	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 24"	104° 44' 37"					F-48-66-D-c
bản Suối Vé	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 34"	104° 45' 24"					F-48-66-D-c
bản Bó Hốc	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 24"	104° 39' 19"					F-48-66-A-d
bản Búc	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 43"	104° 39' 03"					F-48-66-A-d
bản Cang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 12"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Hạ 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 35"	104° 38' 42"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Thượng	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 30"	104° 39' 02"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Trung	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 34"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
bản Co Nga	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 14"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
suối Đỏ	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 20' 52"	104° 36' 59"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c
bản Gióng	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 20"	104° 38' 43"					F-48-66-A-d
suối Gióng	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 18' 29"	104° 37' 59"	21° 17' 55"	104° 38' 54"	F-48-66-A-d
núi Khau Rua	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 21"	104° 38' 53"					F-48-66-A-d
núi Lũng Trâu	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Mo 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 51"	104° 38' 51"					F-48-66-A-d
bản Mo 3	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 07"	104° 38' 50"					F-48-66-A-d
bản Mo 4	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 18"	104° 38' 56"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 30"	104° 39' 18"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 40"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 3	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 26"	104° 39' 09"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 59"	104° 39' 43"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 52"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
suối Ngang	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 20' 17"	104° 37' 01"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ó	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 19' 31"	104° 39' 27"	21° 19' 00"	104° 40' 26"	F-48-66-A-d
lâm trường Phù Bắc Yên	KX	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 17' 03"	104° 37' 52"					F-48-66-A-d
phu Pu Khăm	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 23"	104° 37' 41"					F-48-66-A-d
bản Suối Gióng 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 02"	104° 38' 12"					F-48-66-A-d
bản Suối Gióng 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 53"	104° 38' 59"					F-48-66-A-d
bản Suối Ngang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 20' 35"	104° 37' 25"					F-48-66-A-c
bản Suối Ó 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 08"	104° 39' 23"					F-48-66-A-d
bản Suối Ó 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 44"	104° 39' 00"					F-48-66-A-d
suối Tấc	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 19' 39"	104° 40' 23"	21° 15' 02"	104° 39' 04"	F-48-66-A-d
bản Tường Quang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 37"	104° 38' 59"					F-48-66-A-d
núi Vàng Cuông	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 41"	104° 40' 54"					F-48-66-A-d
suối Đăm	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 08' 16"	104° 33' 03"	21° 08' 29"	104° 31' 56"	F-48-66-C-a
bản Giàng	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 11' 34"	104° 30' 43"					F-48-66-C-a
bản Keo Lán	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 10' 04"	104° 30' 38"					F-48-66-C-a
bản Nà Lạy	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 12"	104° 31' 40"					F-48-66-C-a
suối Nà Lạy	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 10' 18"	104° 32' 16"	21° 09' 17"	104° 31' 13"	F-48-66-C-a
bản Phiêng Lương	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 08' 16"	104° 32' 10"					F-48-66-C-a
bản Pưn	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 48"	104° 33' 09"					F-48-66-C-a
suối Pưn On	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 09' 10"	104° 33' 41"	21° 09' 40"	104° 32' 00"	F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 30' 22"	21° 07' 23"	104° 31' 51"	F-48-66-C-a
suối Thìn	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 31' 06"	21° 11' 27"	104° 30' 33"	F-48-66-C-a
núi Tin Tốc	SV	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 07' 51"	104° 33' 06"					F-48-66-C-a
bản Xa	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 52"	104° 30' 41"					F-48-66-C-a
bản Chát A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 10' 36"	104° 33' 55"					F-48-66-C-a
bản Chèo A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 09"	104° 34' 05"					F-48-66-C-a
bản Chèo B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 10' 42"	104° 34' 26"					F-48-66-C-a
suối Hiền	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 12' 36"	104° 32' 10"	21° 13' 07"	104° 32' 47"	F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Luông	SV	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 30' 19"					F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 11' 40"	104° 30' 22"	F-48-66-C-a, F-48-65-D
bản Suối Bau	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 13"	104° 33' 24"					F-48-66-C-a
bản Suối Cáy	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 18"	104° 31' 58"					F-48-66-C-a
bản Suối Cáy B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 07"	104° 31' 06"					F-48-66-C-a
bản Suối Giàng	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 31"	104° 32' 20"					F-48-66-C-a
núi Suối Giành	SV	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 51"	104° 32' 10"					F-48-66-C-a
bản Suối Hiền A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 30"	104° 32' 09"					F-48-66-C-a
bản Thịnh A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 31' 15"					F-48-66-C-a
bản Thịnh B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 27"	104° 31' 34"					F-48-66-C-a
bản Thịnh C	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 12"	104° 30' 13"					F-48-66-C-a
suối Trà	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 10' 11"	104° 34' 09"	21° 10' 32"	104° 33' 29"	F-48-66-C-a
đường tỉnh 113	KX	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 13' 21"	104° 32' 04"	F-48-66-C-a
suối Búc	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 16' 32"	104° 35' 17"	21° 17' 04"	104° 36' 03"	F-48-66-A-c
bản Chò	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 19' 10"	104° 37' 18"					F-48-66-A-c
suối Đá Mài 1	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 13' 52"	104° 32' 11"	21° 13' 34"	104° 31' 47"	F-48-66-C-a
suối Đá Mài 2	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 14' 00"	104° 31' 48"	21° 13' 41"	104° 31' 33"	F-48-66-C-a
suối Đề Can Tha	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 23' 44"	104° 33' 59"	21° 22' 43"	104° 33' 41"	F-48-66-A-a
suối Đỏ	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 21' 48"	104° 36' 00"	21° 21' 02"	104° 37' 26"	F-48-66-A-c
suối Khang	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 19' 38"	104° 36' 13"	21° 18' 10"	104° 37' 03"	F-48-66-C-a
núi Làng Nhì	SV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 24' 41"	104° 32' 53"					F-48-66-A-a
suối Làng Sáng	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 21' 34"	104° 33' 52"	21° 20' 36"	104° 33' 18"	F-48-66-A-c
suối Làng Sáng To	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 22' 58"	104° 33' 00"	21° 22' 43"	104° 33' 41"	F-48-66-A-a
suối Lạt	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 24' 49"	104° 35' 31"	21° 20' 57"	104° 39' 22"	F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
suối Lịch Trơ	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 21' 54"	104° 34' 31"	21° 21' 34"	104° 33' 52"	F-48-66-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lũng Khoài A	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 18' 38"	104° 36' 10"					F-48-66-A-c
bản Lũng Khoài B	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 18' 13"	104° 35' 37"					F-48-66-A-c
suối Ngang	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 20' 08"	104° 36' 32"	21° 20' 17"	104° 37' 01"	F-48-66-A-c
suối Nhỏ	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 22' 38"	104° 38' 25"	21° 21' 49"	104° 38' 35"	F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
bản Pắc Bẹ A	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 14' 55	104° 32' 39"					F-48-66-C-a
bản Pắc Bẹ B	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 15' 05"	104° 33' 37"					F-48-66-C-a
bản Pắc Bẹ C	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 14' 11"	104° 31' 32"					F-48-66-C-a
Pai Trò	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 20' 50"	104° 34' 43"					F-48-66-A-c
suối Pai Trò	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 21' 05"	104° 34' 49"	21° 19' 22"	104° 33' 49"	F-48-66-A-c
suối Sập	TV	xã Suối Tọ	H. Phù Yên			21° 16' 05"	104° 32' 23"	21° 14' 00"	104° 30' 29"	F-48-66-A-c, F-48-C-a
bản Suối Dinh	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 14' 19"	104° 33' 15"					F-48-66-C-a
bản Suối Khang	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 19' 45"	104° 36' 23"					F-48-66-A-c
bản Suối Tọ	DC	xã Suối Tọ	H. Phù Yên	21° 17' 25"	104° 34' 17"					F-48-66-A-c
quốc lộ 32B	KX	xã Tân Lang	H. Phù Yên			21° 17' 56"	104° 47' 34"	21° 17' 15"	104° 50' 24"	F-48-66-B-c
bản Bãi Đu	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 17' 36"	104° 48' 24"					F-48-66-B-c
cầu Bãi Đu	KX	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 17' 33"	104° 48' 30"					F-48-66-B-c
khu Bãi Hát	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 14' 28"	104° 44' 36"					F-48-66-C-b
đồi Bụt	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 48"	104° 49' 53"					F-48-66-B-c
bản Cà	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 37"	104° 44' 40"					F-48-66-A-d
núi Cam Co	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 48' 46"					F-48-66-B-c
núi Chum	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 57"	104° 45' 11"					F-48-66-B-c
đèo Dệt	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 14' 51"	104° 42' 24"					F-48-66-C-b
bản Diệt	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 07"	104° 44' 04"					F-48-66-A-d
núi Gà Con	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 59"	104° 44' 43"					F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 10"	104° 43' 25"					F-48-66-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Kẽn	SV	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 43"	104° 46' 01"					F-48-66-B-c
bản Khẻn	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 02"	104° 46' 09"					F-48-66-B-c
suối Lèo	TV	xã Tân Lang	H. Phù Yên			21° 18' 24"	104° 47' 43"	21° 17' 25"	104° 50' 24"	F-48-66-B-c
bản Mỏ	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 52"	104° 44' 39"					F-48-66-A-d
suối Mưa	TV	xã Tân Lang	H. Phù Yên			21° 13' 16"	104° 42' 09"	21° 14' 56"	104° 44' 41"	F-48-66-C-b
suối Nứa	TV	xã Tân Lang	H. Phù Yên			21° 18' 49"	104° 47' 48"	21° 18' 24"	104° 47' 44"	F-48-66-B-c
bản Sông Mưa	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 19"	104° 44' 20"					F-48-66-A-d
bản Suối Lèo	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 18' 01"	104° 48' 03"					F-48-66-B-c
bản Tân Tường	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 32"	104° 44' 29"					F-48-66-A-d
bản Thịnh Lang 1	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 18"	104° 47' 11"					F-48-66-B-c
bản Thịnh Lang 2	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 09"	104° 46' 29"					F-48-66-B-c
bản Tiên Lang	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 45' 43"					F-48-66-B-c
bản Vường	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 35"	104° 47' 41"					F-48-66-B-c
suối Vường	TV	xã Tân Lang	H. Phù Yên			21° 16' 34"	104° 47' 31"	21° 17' 14"	104° 48' 10"	F-48-66-B-c
bản Yên Thịnh 1	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 15' 58"	104° 47' 34"					F-48-66-B-c
bản Yên Thịnh 2	DC	xã Tân Lang	H. Phù Yên	21° 16' 14"	104° 48' 38"					F-48-66-B-c
suối Bông	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 06' 37"	104° 42' 55"	21° 04' 42"	104° 42' 37"	F-48-66-C-d
bản Bông 1	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 05' 39"	104° 42' 46"					F-48-66-C-d
bản Bông 2	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 06' 03"	104° 43' 03"					F-48-66-C-d
núi Cạnh	SV	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 17"	104° 44' 24"					F-48-66-C-d
núi Cỏ Phách	SV	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 28"	104° 44' 03"					F-48-66-C-d
sông Đà	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 03' 13"	104° 42' 19"	21° 03' 23"	104° 43' 55"	F-48-66-C-d
bản Đồng Mã	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 05' 22"	104° 42' 07"					F-48-66-C-d
bản In	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 46"	104° 43' 35"					F-48-66-C-d
bản Liếm	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 03' 37"	104° 42' 12"					F-48-66-C-d
bản Mùng	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 48"	104° 41' 50"					F-48-66-C-d
suối Mùng	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 04' 38"	104° 40' 52"	21° 04' 57"	104° 41' 38"	F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nánh	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 04' 07"	104° 41' 11"	21° 04' 37"	104° 41' 46"	F-48-66-C-d
bản Vạn	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 12"	104° 42' 04"					F-48-66-C-d
chợ Vạn Yên	KX	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 08"	104° 42' 14"					F-48-66-C-d
cầu Bản Cóc	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 38' 32"					F-48-66-C-b
cầu Bản Dằn	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 29"	104° 37' 37"					F-48-66-C-b
cầu Bản Đen	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 07' 54"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Cóc	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 08' 08"	104° 37' 45"	21° 08' 32"	104° 38' 24"	F-48-66-C-b
bản Cóc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 41"	104° 38' 23"					F-48-66-C-b
bản Cóc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 38' 14"					F-48-66-C-b
bản Cóc 3	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 26"	104° 38' 19"					F-48-66-C-b
bản Cóc 4	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 20"	104° 38' 34"					F-48-66-C-b
bản Dằn 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 29"	104° 37' 36"					F-48-66-C-b
núi Đàn Bóng	SV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 51"	104° 37' 50"					F-48-66-C-b
bản Đen	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 07' 58"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Đen	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 07' 10"	104° 38' 18"	21° 07' 54"	104° 39' 08"	F-48-66-C-b
hồ Đồng Liên	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 49"	104° 38' 26"					F-48-66-C-b
bản Khảo 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 22"	104° 37' 54"					F-48-66-C-b
bản Khảo 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 13"	104° 38' 05"					F-48-66-C-b
bản Ốc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 14"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Ốc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 09"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Són	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 01"	104° 38' 15"					F-48-66-C-b
suối Tấc	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 09' 53"	104° 37' 34"	21° 08' 08"	104° 39' 23"	F-48-66-C-b
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 36"	104° 40' 37"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b
bản Bèo	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 06' 24"	104° 41' 41"					F-48-66-C-d
suối Bông	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 39"	104° 44' 00"	21° 06' 37"	104° 42' 55"	F-48-66-C-b
suối Đà	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 06' 57"	104° 43' 42"	21° 06' 28"	104° 43' 02"	F-48-66-C-d
núi Đanh	SV	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 41' 05"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hạ Lương	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 07' 33"	104° 41' 20"					F-48-66-C-b
suối Kèn	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 05' 35"	104° 39' 47"	21° 06' 11"	104° 40' 31"	F-48-66-C-d
núi Liền	SV	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 07' 36"	104° 43' 01"					F-48-66-C-b
suối Lốm	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 59"	104° 42' 35"	21° 08' 22"	104° 41' 37"	F-48-66-C-b
bản Suối Lốm	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 04"	104° 42' 29"					F-48-66-C-b
bản Suối Tre	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 10"	104° 41' 28"					F-48-66-C-b
suối Tấc	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 30"	104° 40' 33"	21° 05' 24"	104° 41' 34"	F-48-66-C-d
suối Tre	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 10' 14"	104° 42' 38"	21° 07' 03"	104° 40' 52"	F-48-66-C-b , F-48-66-C-d
bản Vặm	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 05' 39"	104° 41' 10"					F-48-66-C-d
suối Vặm	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 05' 18"	104° 40' 40"	21° 05' 39"	104° 41' 14"	F-48-66-C-d
bản Xanh Vàng	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 06' 45"	104° 40' 25"					F-48-66-C-d
quốc lộ 37	KX	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 13' 51"	104° 37' 15"	21° 12' 06"	104° 36' 33"	F-48-66-C-a
suối Bùa	TV	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 11' 48"	104° 36' 41"	21° 11' 50"	104° 37' 23"	F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 52"	104° 37' 05"					F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 37' 10"					F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 3	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 31"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
bản Bùa Hạ 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 08"	104° 37' 33"					F-48-66-C-a
bản Bùa Hạ 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 03"	104° 37' 47"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 13"	104° 36' 52"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 33"	104° 36' 40"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 3	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 20"	104° 36' 36"					F-48-66-C-a
núi Co Hạ	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 30"	104° 36' 39"					F-48-66-C-a
bản Đông 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 25"	104° 37' 14"					F-48-66-C-a
bản Đông 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 37' 06"					F-48-66-C-a
núi Keo Leo	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 11' 29"	104° 37' 02"					F-48-66-C-a
bản Nà Lè 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 16"	104° 37' 27"					F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Lè 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 19"	104° 37' 44"					F-48-66-C-a
núi Pom Lanh	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 14' 04"	104° 36' 32"					F-48-66-C-a
núi Pom Pau	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 14' 17"	104° 35' 29"					F-48-66-C-a
núi Pom Sọc	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 43"	104° 35' 59"					F-48-66-C-a
suối Tấc	TV	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 13' 55"	104° 37' 32"	21° 11' 36"	104° 37' 29"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-b
quốc lộ 43	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên			21° 11' 18"	104° 36' 39"	21° 09' 46"	104° 37' 27"	F-48-66-C-a
cầu Bản Chăn	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 11"	104° 37' 15"					F-48-66-C-a
cầu Bản Khoa	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 02"	104° 36' 47"					F-48-66-C-a
bản Cải	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 09' 55"	104° 37' 21"					F-48-66-C-a
bản Cha 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 52"	104° 38' 25"					F-48-66-C-a
bản Cha 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 36"	104° 38' 20"					F-48-66-C-a
suối Chăn	TV	xã Tường Thượng	H. Phù Yên			21° 09' 41"	104° 36' 06"	21° 10' 10"	104° 37' 17"	F-48-66-C-a
bản Chăn 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 16"	104° 36' 55"					F-48-66-C-b
bản Chăn 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 28"	104° 37' 01"					F-48-66-C-b
bản Chượp	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 26"	104° 37' 44"					F-48-66-C-b
núi Đông Bắc	SV	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 34"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
núi Đông Heo	SV	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 54"	104° 37' 17"					F-48-66-C-a
Đồng La 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 11"	104° 38' 01"					F-48-66-C-b
Đồng La 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 07"	104° 38' 20"					F-48-66-C-b
bản Khoa 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 55"	104° 36' 55"					F-48-66-C-a
bản Khoa 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 54"	104° 36' 23"					F-48-66-C-a
bản Khoa 3	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 04"	104° 36' 40"					F-48-66-C-a
suối Tấc	TV	xã Tường Thượng	H. Phù Yên			21° 11' 36"	104° 37' 29"	21° 09' 53"	104° 37' 34"	F-48-66-C-a
bản Thon 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 34"	104° 37' 54"					F-48-66-C-b
bản Thon 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 32"	104° 38' 04"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 37	KX	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 07' 54"	104° 39' 08"	21° 07' 13"	104° 40' 25"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-d
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 10' 49"	104° 40' 10"	21° 07' 36"	104° 40' 37"	F-48-66-C-b
núi Bương	SV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 06' 40"	104° 38' 28"					F-48-66-C-d
bản Co Pục	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 07' 58"	104° 39' 20"					F-48-66-C-b
bản Cột Mốc	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 10' 18"	104° 41' 56"					F-48-66-C-b
núi Hang Lai	SV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 09' 37"	104° 39' 36"					F-48-66-C-b
bản Hua Nà	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 07' 46"	104° 39' 34"					F-48-66-C-b
suối Lạt	TV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 10' 31"	104° 42' 06"	21° 10' 24"	104° 40' 31"	F-48-66-C-b
bản Pa	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 07' 06"	104° 40' 02"					F-48-66-C-d
suối Pa	TV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 06' 11"	104° 38' 39"	21° 07' 09"	104° 40' 05"	F-48-66-C-d
suối Pựng	TV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 10' 24"	104° 40' 31"	21° 08' 44"	104° 40' 27"	F-48-66-C-b
bản Suối Pai	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 11' 59"	104° 42' 18"					F-48-66-C-b
suối Tấc	TV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên			21° 08' 08"	104° 39' 23"	21° 07' 30"	104° 40' 33"	F-48-66-C-b
bản Tặt	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 08' 02"	104° 40' 13"					F-48-66-C-b
núi Thín	SV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 09' 11"	104° 39' 53"					F-48-66-C-b
bản Thín 1	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 09' 59"	104° 40' 15"					F-48-66-C-b
bản Thín 2	DC	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 08' 54"	104° 40' 25"					F-48-66-C-b
núi U Bò	SV	xã Tường Tiến	H. Phù Yên	21° 10' 07"	104° 39' 28"					F-48-66-C-b
đường tỉnh 107	KX	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 56"	103° 32' 53"	21° 52' 24"	103° 33' 32"	F-48-52-A
núi Búa Hiểu	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 51"	103° 31' 44"					F-48-52-A
bản Cà Nàng	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 46"	103° 33' 00"					F-48-52-A
suối Cà Nàng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 09"	103° 31' 56"	21° 52' 53"	103° 32' 51"	F-48-52-A
bản Co Củ	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 34"	103° 33' 54"					F-48-52-A
huổi Cúp	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 54"	103° 34' 13"	21° 59' 02"	103° 33' 31"	F-48-52-A
sông Đà	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 57' 22"	103° 30' 14"	21° 52' 15"	103° 33' 12"	F-48-52-A
núi Đán Hâu	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 46"	103° 33' 19"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Giang Lò	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 58"	103° 33' 44"					F-48-52-A
nậm Hính	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 57' 17"	103° 33' 57"	21° 56' 47"	103° 32' 41"	F-48-52-A
núi Huổi Hàn	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 27"	103° 31' 48"					F-48-52-A
núi Huổi Pạ	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 01"	103° 36' 29"					F-48-52-A
bản Huổi Pha	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 30"	103° 29' 51"					F-48-51-B
bản Huổi Pho	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 59"	103° 30' 37"					F-48-52-A
núi Huổi Phương	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 43"	103° 33' 17"					F-48-52-A
bản Huổi Suông	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 09"	103° 32' 17"					F-48-52-A
bản Ít Pháy	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 46"	103° 32' 51"					F-48-52-A
nậm Lò	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 53' 52"	103° 35' 28"	21° 53' 47"	103° 33' 37"	F-48-52-A
núi Nà Sàng	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 07"	103° 33' 41"					F-48-52-A
suối Nà Sàng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 52' 49"	103° 33' 59"	21° 52' 29"	103° 33' 05"	F-48-52-A
bản Nậm Lò	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 33' 51"					F-48-52-A
bản Pạ	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 30"	103° 33' 33"					F-48-52-A
nậm Pạ	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 55' 28"	103° 35' 39"	21° 54' 18"	103° 33' 32"	F-48-52-A
bản Phát	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 17"	103° 33' 08"					F-48-52-A
nậm Phay	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 55' 56"	103° 34' 24"	21° 55' 02"	103° 33' 10"	F-48-52-A
huổi Pho	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 23"	103° 30' 46"	21° 57' 47"	103° 30' 10"	F-48-52-A
bản Phướng	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 46"	103° 32' 47"					F-48-52-A
huổi Súng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 49"	103° 33' 14"	21° 59' 27"	103° 32' 32"	F-48-52-A
núi Vai Luông	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 40"	103° 36' 21"					F-48-52-A
đường tỉnh 107	KX	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 28"	103° 38' 41"	21° 36' 10"	103° 39' 24"	F-48-52-C
bản Bung	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 37"	103° 39' 29"					F-48-52-C
suối Bung	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 57"	103° 39' 24"	21° 38' 32"	103° 39' 45"	F-48-52-C
bản Cán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 17"	103° 40' 02"					F-48-52-C
bản Canh	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 35"	103° 40' 26"					F-48-52-C
bản Chạ	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 04"	103° 40' 08"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chạy	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 17"	103° 41' 04"	21° 39' 45"	103° 40' 35"	F-48-52-C
suối Cọ	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 40"	103° 39' 40"	21° 37' 02"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Dăn	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 29"	103° 40' 14"					F-48-52-C
bản Đán Cán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 43"	103° 39' 28"					F-48-52-C
suối Dốn	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 14"	103° 39' 08"	21° 38' 15"	103° 39' 46"	F-48-52-C
bản Én	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 39' 47"					F-48-52-C
suối Hè	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 31"	103° 41' 32"	21° 38' 57"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Hốc Luông	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 53"	103° 40' 19"					F-48-52-C
suối Kềm	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 23"	103° 40' 55"	21° 38' 23"	103° 40' 01"	F-48-52-C
bản Khoan	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 35"	103° 40' 01"					F-48-52-C
huổi Lạ	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 27"	103° 39' 19"	21° 36' 03"	103° 40' 44"	F-48-52-C
núi Lán Cu	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 59"	103° 38' 31"					F-48-52-C
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 41' 13"					F-48-52-C
bản Lóng	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 40' 29"					F-48-52-C
bản Lọng Đán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 34"	103° 39' 22"					F-48-52-C
suối Lu	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 50"	103° 37' 58"	21° 40' 04"	103° 38' 48"	F-48-52-C
suối Muội	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 50"	103° 39' 56"	21° 39' 50"	103° 40' 01"	F-48-52-C
bản Nà Huổi	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 41' 16"					F-48-52-C
suối Nà Pín	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 05"	103° 42' 15"	21° 39' 45"	103° 41' 55"	F-48-52-C
bản Ngáy	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 29"	103° 39' 46"					F-48-52-C
bản Phiêng Luông	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 35"	103° 40' 18"					F-48-52-C
suối Pín	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 15"	103° 40' 41"	21° 38' 20"	103° 39' 59"	F-48-52-C
bản Pom Sinh	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 04"	103° 38' 17"					F-48-52-C
núi Pù Khoan	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 20"	103° 39' 09"					F-48-52-C
núi Pú Niếu	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 53"	103° 40' 16"					F-48-52-C
bản Púa	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 16"	103° 38' 12"					F-48-52-C
suối Púa	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 00"	103° 38' 43"	21° 39' 30"	103° 39' 37"	F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tang Mó	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 18"	103° 37' 44"					F-48-52-C
núi Thẳm Hiêm	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 48"	103° 39' 25"					F-48-52-C
bản Ún	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 19"	103° 41' 53"					F-48-52-C
suối Vỉa Cướn	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 36"	103° 39' 29"	21° 38' 01"	103° 39' 44"	F-48-52-C
bản Xe	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 07"	103° 38' 20"					F-48-52-C
núi Yên Ngựa	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 03"	103° 38' 01"					F-48-52-C
núi Căm Họi	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 57"	103° 39' 39"					F-48-52-A
bản Có Luông	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 08"	103° 40' 08"					F-48-52-A
bản Có Nọi	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 14"	103° 39' 15"					F-48-52-A
bản Co Que	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 41' 34"					F-48-52-A
núi Đông Phi Luông	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 39"	103° 38' 07"					F-48-52-A
nậm Giôn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 10"	103° 41' 01"	21° 49' 53"	103° 39' 23"	F-48-52-A
núi Huổi Tau	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 13"	103° 36' 05"					F-48-52-A
bản Ít Ta Bót	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 16"	103° 40' 35"					F-48-52-A
nậm Khăn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 56' 56"	103° 37' 24"	21° 58' 40"	103° 39' 26"	F-48-52-A
bản Khâu Pùm	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 01"	103° 40' 51"					F-48-52-A
bản Lọng Ó	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 05"	103° 39' 05"					F-48-52-A
bản Nà Mùn	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 41"	103° 37' 35"					F-48-52-A
bản Nậm Ngùa	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 08"	103° 39' 56"					F-48-52-A
núi Nậm Ngùa	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 39"	103° 40' 12"					F-48-52-A
bản Nậm Tấu	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 25"	103° 42' 31"					F-48-52-A
núi Nậm Tong	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 16"	103° 42' 01"					F-48-52-A
nậm Ngùa	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 52' 39"	103° 40' 22"	21° 56' 29"	103° 41' 13"	F-48-52-A
nậm Pắt	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 54' 39"	103° 41' 06"	21° 54' 19"	103° 42' 05"	F-48-52-A
núi Pha Mó	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 34"	103° 38' 59"					F-48-52-A

(Xem tiếp Công báo số 133 + 134)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng